

Health Net Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan)

Danh sách

thuốc được đài thọ 2018

(Danh mục thuốc)

Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711) từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, thứ Hai đến thứ Sáu. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập www.healthnet.com/calmediconnect.

Lưu ý cho các hội viên hiện tại: Danh mục thuốc này đã thay đổi từ năm trước. Vui lòng xem lại tài liệu này để đảm bảo rằng danh mục thuốc này vẫn có các thuốc quý vị dùng.

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CÓ CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC CHÚNG TÔI ĐÀI THỌ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY.

Đã cập nhật tháng 7, 2018

ID đệ trình hồ sơ danh mục thuốc được HPMS phê duyệt: 18477 Phiên bản số: 12
H3237_18_LOD_VIE_Approved_08282017



Đây là danh sách các loại thuốc hội viên có thể được cấp theo chương trình Health Net Cal MediConnect.

- ❖ Health Net Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) là một chương trình bảo hiểm sức khỏe có hợp đồng với cả hai chương trình Medicare và Medi-Cal để cung cấp quyền lợi của cả hai chương trình cho người ghi danh.
- ❖ Danh sách thuốc được đài thọ và/hoặc hệ thống nhà thuốc và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có thể thay đổi trong suốt năm. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông báo trước khi chúng tôi thực hiện một thay đổi ảnh hưởng đến quý vị.
- ❖ Các quyền lợi và/hoặc tiền đồng trả có thể thay đổi vào ngày 1 tháng 1 hàng năm.
- ❖ Quý vị luôn luôn có thể xem trực tuyến Danh sách thuốc được đài thọ cập nhật của Health Net Cal MediConnect tại địa chỉ www.healthnet.com/calmediconnect hoặc gọi số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí.
- ❖ Các giới hạn, tiền đồng trả và những điều khoản hạn chế có thể áp dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng gọi Ban Phục vụ Hội viên của Health Net Cal MediConnect hoặc đọc Cẩm nang hội viên của Health Net Cal MediConnect.
- ❖ Tiền đồng trả cho thuốc theo toa có thể thay đổi tùy theo mức Trợ giúp phụ trợ quý vị nhận được. Vui lòng liên lạc với chương trình để biết thêm chi tiết.
- ❖ Si usted habla español, hay servicios de asistencia de idiomas disponibles para usted sin cargo. Llame al 1-855-464-3571 en Los Angeles County y al 1-855-464-3572 en San Diego County (TTY: 711), de lunes a viernes, de 8 a.m. a 8 p.m. Después del horario de atención, los fines de semana y los días feriados puede dejar un mensaje. Le devolveremos la llamada el siguiente día hábil. La llamada es gratuita.

如果您使用中文，您可以免費獲得語言援助服務。Los Angeles County 請撥 1-855-464-3571，San Diego County 請撥 1-855-464-3572 (聽障專線：711)，週一至週五，上午8點到下午8點。非營業時間、週末及假日，您可以留言。我們會在下一個工作日給您回電。此專線為免付費電話。

إذا كنت تتحدث العربية، تتوفر لك خدمات المساعدة اللغوية مجاناً. اتصل بالرقم 1-855-464-3571 في Los Angeles County والرقم 1-855-464-3572 في San Diego County (TTY: 711)، من الساعة 8 صباحاً حتى 8 مساءً، من يوم الاثنين إلى الجمعة، وللاتصال في غير أوقات الدوام الرسمي، أيام الأجازات والعطلات، يمكنك ترك رسالة. سنرد على مكالمتك في يوم العمل التالي. هذه المكالمة مجانية.

Եթե Հայերեն եք խոսում, անվճար լեզվական օգնության ծառայություններ են հասնում Ձեզ : Չանգահարեք 1-855-464-3571 հեռախոսահամարով

Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin,** vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.



Los Angeles County- 1-855-464-3572 հեռախոսահամարով San Diego County-ի շրջաններին (TTY’ 711), երկու շաբթիից ուրբաթ, կ.ա. 8-ից մինչև կ.հ. 8-ը: Հեռախոսահամարն անվճար է:

Վերստին հասանելի է միայն անհատներին: Սեփականացված է 1-855-464-3571-ի կոչումով Los Angeles County և 1-855-464-3572-ի կոչումով San Diego County (TTY: 711) մինչև 8 ժամ և 8 րոպե ընթացքով: Բացարձեք ներքին կոչումները: Կոչումները կարող են արժանանալ հատուկ հարկերի: Կոչումները կարող են արժանանալ հատուկ հարկերի: Կոչումները կարող են արժանանալ հատուկ հարկերի: Կոչումները կարող են արժանանալ հատուկ հարկերի:

اگر به فارسی صحبت می کنید، خدمات امداد زبانی به طور رایگان در اختیار شما می باشند. با شماره 1-855-464-3571 در Los Angeles County و شماره 1-855-464-3572 در San Diego County از ساعت 8 صبح تا 8 شب، دوشنبه تا جمعه تماس بگیرید (TTY: 711). بعد از ساعات کاری، در آخر هفته ها و تعطیلات رسمی، می توانید پیام بگذارید. به تماس تلفنی شما در روز کاری بعدی پاسخ داده خواهد شد. این تماس رایگان است.

귀하께서 한국어를 사용하시는 경우 언어 지원 서비스를 무료로 이용하실 수 있습니다. Los Angeles County는 1-855-464-3571번, San Diego County는 1-855-464-3572번으로 월요일 - 금요일, 오전 8시부터 오후 8시까지 전화하십시오(TTY: 711). 영업시간 이후, 주말 및 공휴일에는 메시지를 남기실 수 있습니다. 다음 영업일에 저희가 귀하께 전화를 드리겠습니다. 안내전화는 무료입니다.

Если вы говорите по-русски, мы можем предложить вам бесплатные услуги переводчика. Звоните по телефону 1-855-464-3571 в Los Angeles County или по телефону 1-855-464-3572 в San Diego County (TTY: 711). Вы можете получить необходимую информацию непосредственно у сотрудника плана с понедельника по пятницу с 8 часов утра до 8 часов вечера. В нерабочее время, а также в выходные и праздничные дни, вы можете оставить сообщение. Вам перезвонят на следующий рабочий день. Звонок бесплатный.

Kung nagsasalita ka ng Tagalog, available sa inyo ang mga serbisyo ng tulog sa wika, nang walang singil. Tumawag sa 1-855-464-3571 sa Los Angeles County at 1-855-464-3572 sa San Diego County (TTY: 711). mula 8 a.m. hanggang 8 p.m., Lunes hanggang Biyernes. Paglipas ng mga oras ng negosyo, tuwing Sabado at Linggo at sa pista opisyal, maaari kang mag-iwan ng mensahe. Ang iyong tawag ay ibabalik sa loob ng susunod na araw ng negosyo. Libre ang tawag.

Nếu quý vị nói tiếng Việt, chúng tôi sẵn có dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí dành cho quý vị. Xin gọi 1-855-464-3571 ở Los Angeles County và 1-855-464-3572 ở San Diego County (TTY: 711) từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, từ thứ Hai đến hết thứ Sáu. Sau giờ làm việc, vào các ngày cuối tuần và ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Cuộc gọi của quý vị sẽ được hỏi đáp vào ngày làm việc hôm sau. Cuộc gọi này miễn phí.

❖ Quý vị có thể nhận tài liệu này miễn phí bằng các định dạng khác, chẳng hạn như bản in cỡ lớn, chữ nổi braille hoặc âm thanh. Xin gọi số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin,** vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí.

- ❖ Nếu quý vị muốn Health Net Cal MediConnect gửi cho quý vị tài liệu hội viên liên tục theo các định dạng khác, chẳng hạn như chữ nổi Braille hoặc bản in cỡ lớn, hoặc bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, vui lòng liên lạc với Ban Phục vụ Hội viên. Hãy cho Ban Phục vụ Hội viên biết rằng quý vị muốn đặt ra một yêu cầu cố định đối với việc nhận tài liệu bằng định dạng hoặc ngôn ngữ khác.

Các câu hỏi thường gặp (Frequently Asked Questions, FAQ)

Quý vị có thể tìm giải đáp cho những thắc mắc của quý vị về Danh sách thuốc được đài thọ này. Quý vị có thể đọc tất cả các câu hỏi thường gặp (FAQ) để tìm hiểu thêm hoặc để giải đáp thắc mắc của mình.

1. Những loại thuốc theo toa nào có trong Danh sách thuốc được đài thọ? (Chúng tôi gọi tắt Danh sách thuốc được đài thọ là “Danh sách thuốc”.)

Các thuốc trong Danh sách thuốc là những thuốc được Health Net Cal MediConnect đài thọ. Những thuốc này có bán tại các nhà thuốc trong hệ thống của chúng tôi. Nhà thuốc thuộc hệ thống của chúng tôi là những nhà thuốc đã đồng ý thỏa thuận làm việc với chúng tôi và hỗ trợ chúng tôi cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi các nhà thuốc này là "nhà thuốc trong hệ thống."

Health Net Cal MediConnect sẽ đài thọ tất cả các loại thuốc cần thiết về mặt y tế trong Danh sách thuốc nếu:

- bác sĩ của quý vị hay người kê toa khác cho rằng quý vị cần những loại thuốc này để tình trạng của quý vị khả quan hơn hoặc để giúp cho quý vị luôn khỏe mạnh, **và**
- quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc thuộc hệ thống Health Net Cal MediConnect.

Trong một số trường hợp, quý vị phải hoàn thành một số thủ tục trước khi được cấp thuốc (xem câu hỏi số 5 dưới đây).

Quý vị cũng có thể xem danh sách thuốc cập nhật được chúng tôi đài thọ tại trang mạng của chúng tôi www.healthnet.com/calmediconnect hoặc gọi Ban Phục vụ Hội viên theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

2. Danh sách thuốc có bao giờ thay đổi không?

Có. Trong năm, Health Net Cal MediConnect có thể thêm vào hoặc loại thuốc khỏi Danh sách thuốc. Thông thường, Danh sách thuốc chỉ thay đổi nếu:

- một loại thuốc rẻ hơn xuất hiện trên thị trường mà có tác dụng giống như thuốc trong Danh sách thuốc hiện hành **hoặc**
- chúng tôi biết được là một loại thuốc nào đó không an toàn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có thể thay đổi quy định đối với thuốc. Thí dụ như chúng tôi có thể:

- Quyết định về việc một loại thuốc cần hoặc không cần được phê chuẩn trước. (*Phê chuẩn trước* là việc Health Net Cal MediConnect cho phép trước khi quý vị có thể được cấp thuốc.)
- Thêm vào hoặc thay đổi lượng thuốc mà quý vị có thể được cấp (được gọi là "giới hạn số lượng").
- Thêm hoặc thay đổi các điều khoản hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước cho một loại thuốc. (*Phương pháp trị liệu từng bước* là phương pháp mà quý vị phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ cho một loại thuốc khác.)

(Để biết thêm thông tin về những quy định về thuốc này, vui lòng xem trang iv.)

Chúng tôi sẽ cho quý vị biết khi một loại thuốc quý vị đang dùng bị loại ra khỏi Danh sách thuốc. Chúng tôi cũng sẽ cho quý vị biết khi chúng tôi thay đổi quy định về việc đài thọ một loại thuốc nào đó. Các câu hỏi 3, 4 và 7 dưới đây trình bày thêm thông tin về những việc sẽ xảy ra khi Danh sách thuốc thay đổi.

→ Quý vị luôn luôn có thể xem trực tuyến Danh sách thuốc cập nhật của Health Net Cal MediConnect tại địa chỉ www.healthnet.com/calmediconnect. Quý vị cũng có thể gọi Ban Phục vụ Hội viên để tìm hiểu về Danh sách thuốc hiện hành theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí.

3. Điều gì xảy ra khi một loại thuốc rẻ hơn xuất hiện trên thị trường mà có tác dụng giống như thuốc trong Danh sách thuốc hiện hành?

Trong trường hợp quý vị đang dùng một loại thuốc bị loại ra khỏi danh sách thuốc vì có một loại thuốc rẻ hơn có tác dụng giống như vậy xuất hiện trên thị trường, chúng tôi sẽ thông báo cho quý vị biết. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết ít nhất là 60 ngày trước khi chúng tôi loại thuốc này ra khỏi



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Danh sách thuốc **hoặc** khi quý vị yêu cầu mua thêm thuốc. Khi đó quý vị có thể được cấp một lượng thuốc đủ dùng trong 60 ngày trước khi thuốc này bị loại ra khỏi danh sách thuốc. Chúng tôi sẽ gửi thư cho quý vị để thông báo cho quý vị về thay đổi này. Chúng tôi cũng sẽ đăng tải những loại thay đổi này trên trang mạng của chúng tôi tại địa chỉ www.healthnet.com/calmediconnect.

4. Điều gì xảy ra khi chúng tôi biết được là một loại thuốc không an toàn?

Nếu Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration, FDA) cho rằng loại thuốc quý vị đang dùng không an toàn, chúng tôi sẽ loại thuốc đó ra khỏi Danh sách thuốc ngay lập tức. Chúng tôi cũng sẽ gửi thư để thông báo cho quý vị biết việc này. Nếu quý vị nhận được một thư thông báo như thế này, vui lòng gọi cho bác sĩ của quý vị để trao đổi về các tùy chọn thuốc khác.

5. Quyền lợi bảo hiểm cho thuốc của tôi có bị hạn chế hay giới hạn gì không? Hay, có điều gì tôi bắt buộc phải làm để được cấp một số loại thuốc không?

Có, đối với một số loại thuốc, chương trình áp dụng một số quy định về quyền lợi bảo hiểm hoặc hạn chế số lượng mà quý vị có thể được cấp. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác phải hoàn thành một số thủ tục trước khi quý vị có thể được cấp thuốc. Ví dụ như:

- **Phê chuẩn trước (hoặc sự chấp thuận trước):** Đối với một số loại thuốc, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác phải yêu cầu Health Net Cal MediConnect phê chuẩn trước cho quý vị trước khi quý vị mua thuốc theo toa. Nếu quý vị không được phê chuẩn trước, Health Net Cal MediConnect có thể không đài thọ cho thuốc này.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi Health Net Cal MediConnect giới hạn số lượng thuốc mà quý vị có thể được cấp.
- **Phương pháp trị liệu từng bước:** Đôi khi Health Net Cal MediConnect đòi hỏi quý vị phải áp dụng phương pháp trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị sẽ phải dùng thử nhiều loại thuốc theo một thứ tự nhất định để điều trị cho tình trạng y tế của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ cho một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ của quý vị nghĩ rằng loại thuốc thứ nhất không công hiệu đối với quý vị, chúng tôi sẽ đài thọ cho loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể tìm hiểu liệu thuốc của quý vị có bất kỳ yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào không bằng cách xem trong các bảng trên trang 1 - Mục lục 1. Quý vị cũng có thể tìm hiểu thêm thông tin bằng cách truy cập trang mạng của chúng tôi tại địa chỉ www.healthnet.com/calmediconnect. Chúng tôi đã đăng tải các tài liệu trực tuyến để giải thích sự chấp thuận trước và các điều khoản



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu cấp cho quý vị một "trường hợp ngoại lệ" đối với những giới hạn này. Vui lòng xem Câu hỏi số 11 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

- ➔ Nếu quý vị đang sống tại viện điều dưỡng hay tại một cơ sở chăm sóc dài hạn nào khác và cần dùng thuốc không có trong Danh sách thuốc hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng mua được thuốc mà quý vị cần, chúng tôi có thể giúp đỡ quý vị. Chúng tôi sẽ đài thọ cho quý vị lượng thuốc khẩn cấp đủ dùng trong 31 ngày cho loại thuốc quý vị cần (trừ khi quý vị được kê toa ít ngày hơn), dù quý vị có là hội viên mới của Health Net Cal MediConnect hay không. Việc này sẽ giúp quý vị có thời gian nói chuyện với bác sĩ của quý vị hay người kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem trong Danh sách thuốc có loại thuốc tương tự nào mà quý vị có thể dùng thay cho thuốc quý vị đang dùng hay không hoặc quý vị có nên yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ hay không. Vui lòng xem Câu hỏi số 11 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

6. Làm thế nào quý vị biết được liệu thuốc quý vị muốn dùng có giới hạn hay không hoặc biết liệu quý vị có cần phải làm việc gì để được cấp thuốc này không?

Danh sách thuốc được đài thọ ở trang 1 có một cột tựa đề là “Những việc cần làm, những điều khoản hạn chế hoặc giới hạn sử dụng”.

7. Việc gì xảy ra nếu chúng tôi thay đổi quy định về cách thức chúng tôi đài thọ cho một số thuốc? Thí dụ, nếu chúng tôi áp dụng thêm quy định phải có sự chấp thuận trước (phê chuẩn), giới hạn số lượng, và/hoặc các điều khoản hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước cho một loại thuốc.

Chúng tôi sẽ thông báo cho quý vị biết nếu chúng tôi áp dụng thêm quy định phải có sự chấp thuận trước, giới hạn số lượng, và/hoặc các điều khoản hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước cho một loại thuốc. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết ít nhất là 60 ngày trước khi chúng tôi bắt đầu áp dụng những điều khoản hạn chế này hoặc khi quý vị yêu cầu nhà thuốc cho quý vị mua thêm thuốc trong lần tới. Khi đó quý vị có thể được cấp một lượng thuốc đủ dùng trong 60 ngày trước khi thay đổi quy định về quyền lợi bảo hiểm có hiệu lực. Việc này sẽ giúp quý vị có thời gian nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác để quý vị biết phải làm gì tiếp theo.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

8. Quý vị có thể tìm một loại thuốc trong Danh sách thuốc bằng cách nào?

Có hai cách để tìm thuốc trong danh sách thuốc:

- Quý vị có thể tìm theo thứ tự bảng chữ cái (nếu quý vị biết đánh vần tên thuốc), **hoặc**
- Quý vị có thể tìm theo tình trạng y tế.

Để tìm theo **thứ tự bảng chữ cái**, quý vị hãy chuyển đến phần Danh sách theo bảng chữ cái. Quý vị sẽ tìm được thuốc trong bảng Mục lục bắt đầu từ trang Mục lục 1.

Để tìm **theo tình trạng y tế**, quý vị hãy tìm phần có nhãn “Danh sách thuốc theo tình trạng y tế” tại trang 1. Các loại thuốc trong phần này được phân nhóm thành các loại tùy thuộc vào loại tình trạng y tế mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ, nếu quý vị mắc bệnh tim, quý vị hãy tìm thuốc trong loại này, THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM MẠCH - LOẠI KHÁC. - Thuốc điều trị các chứng bệnh về tim và tuần hoàn. Trong phần này, quý vị sẽ tìm được những loại thuốc điều trị các chứng bệnh về tim.

9. Nếu loại thuốc quý vị muốn dùng không có trong Danh sách thuốc thì sao?

Nếu trong Danh sách thuốc không có loại thuốc quý vị muốn dùng, vui lòng gọi Ban Phục vụ Hội viên theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối và hỏi về điều đó. Nếu quý vị được cho biết là Health Net Cal MediConnect sẽ không đài thọ thuốc này, quý vị có thể làm một trong những điều sau đây:

- Yêu cầu Ban Phục vụ Hội viên cấp cho quý vị danh sách các thuốc tương tự loại thuốc quý vị muốn dùng. Sau đó trình danh sách này cho bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác. Họ có thể kê toa loại thuốc có trong Danh sách thuốc tương tự loại thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình bảo hiểm sức khỏe cấp cho quý vị một trường hợp ngoại lệ để đài thọ cho loại thuốc của quý vị. Vui lòng xem câu hỏi số 11 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

10. Nếu quý vị là hội viên mới của Health Net Cal MediConnect và quý vị không tìm được thuốc quý vị dùng trong Danh sách thuốc hoặc quý vị gặp trở ngại trong việc mua thuốc của quý vị thì sao?

Chúng tôi có thể giúp quý vị. Chúng tôi có thể đài thọ lượng thuốc tạm thời đủ dùng 30 ngày, trong 90 ngày đầu quý vị gia nhập Health Net Cal MediConnect. Việc này sẽ giúp quý vị có thời



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

gian nói chuyện với bác sĩ của quý vị hay người kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem trong Danh sách thuốc có loại thuốc tương tự nào mà quý vị có thể dùng thay cho thuốc quý vị đang dùng hay không hoặc quý vị có nên yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ hay không.

Chúng tôi sẽ đài thọ lượng thuốc đủ dùng 30 ngày cho loại thuốc quý vị đang dùng, nếu:

- thuốc quý vị đang dùng không có trong Danh sách thuốc của chúng tôi, **hoặc**
- quy định của chương trình bảo hiểm sức khỏe không cho phép quý vị được cấp số lượng thuốc mà người kê toa của quý vị đã chỉ định, **hoặc**
- thuốc này cần được Health Net Cal MediConnect phê chuẩn trước, **hoặc**
- thuốc quý vị đang dùng nằm trong điều khoản hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước.

Nếu quý vị đang sống tại viện điều dưỡng hay tại một cơ sở chăm sóc dài hạn nào khác, quý vị có thể mua thêm thuốc theo toa đến tối đa là 98 ngày. Quý vị có thể mua thêm thuốc này nhiều lần trong vòng 90 ngày đầu tham gia vào chương trình. Việc này sẽ giúp người kê toa của quý vị có thời gian đổi thuốc của quý vị sang loại thuốc có trong Danh sách thuốc hoặc yêu cầu chương trình cấp cho quý vị một trường hợp ngoại lệ.

Thay đổi mức độ chăm sóc y tế

Nếu mức độ chăm sóc y tế của quý vị thay đổi, chúng tôi sẽ đài thọ cho một số lượng thuốc chuyển tiếp cho các loại thuốc quý vị đang dùng. Thay đổi về mức độ chăm sóc y tế xảy ra khi quý vị được phép xuất viện. Trường hợp này cũng xảy ra khi quý vị được chuyển đến hoặc rời cơ sở chăm sóc dài hạn.

- Nếu quý vị được chuyển từ cơ sở chăm sóc dài hạn hoặc bệnh viện về nhà và cần một số lượng thuốc chuyển tiếp, chúng tôi sẽ đài thọ một lần cho lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày. Nếu quý vị được cho toa số lượng thuốc dùng cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép quý vị mua thêm thuốc cho đến tổng số thuốc đủ dùng trong 30 ngày.
- Nếu quý vị được chuyển từ nhà hoặc bệnh viện đến một cơ sở chăm sóc dài hạn và cần một số lượng thuốc chuyển tiếp, chúng tôi sẽ đài thọ một lần cho lượng thuốc đủ dùng trong 31 ngày. Nếu quý vị được cho toa số lượng thuốc dùng cho ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép quý vị mua thêm thuốc cho đến tổng số thuốc đủ dùng trong 31 ngày.

11. Quý vị có thể yêu cầu được cấp một trường hợp ngoại lệ để đài thọ cho loại thuốc quý vị dùng không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu Health Net Cal MediConnect cấp cho quý vị một trường hợp ngoại lệ để đài thọ cho một loại thuốc không có trong Danh sách thuốc.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi quy định về đài thọ đối với loại thuốc mà quý vị đang dùng.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

- Thí dụ, Health Net Cal MediConnect có thể giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ đài thọ. Nếu thuốc quý vị đang dùng được cấp có giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và đài thọ thêm thuốc cho quý vị.
- Những thí dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ những điều khoản hạn chế áp dụng đối với phương pháp trị liệu từng bước hoặc yêu cầu phải có phê chuẩn trước của chương trình.

12. Bao lâu thì quý vị được cấp trường hợp ngoại lệ?

Trước tiên, chúng tôi phải nhận được tuyên bố của người kê toa cho quý vị xác nhận đồng ý yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ của quý vị. Sau khi chúng tôi nhận được tuyên bố này, chúng tôi sẽ cho quý vị biết quyết định của chúng tôi về yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ của quý vị trong vòng 72 giờ.

Nếu quý vị hoặc người kê toa của quý vị cho rằng tình trạng sức khỏe của quý vị có thể trầm trọng hơn nếu quý vị phải chờ 72 giờ đồng hồ mới có quyết định của chúng tôi, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi cấp trường hợp ngoại lệ khẩn cấp. Đây là một quyết định nhanh. Nếu người kê toa của quý vị xác nhận đồng ý với yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ cho quý vị biết quyết định trong vòng 24 giờ sau khi nhận được tuyên bố của người kê toa của quý vị xác nhận là họ đồng ý với yêu cầu của quý vị.

13. Quý vị yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ như thế nào?

Để yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ, vui lòng gọi Ban Phục vụ Hội viên. Ban Phục vụ Hội viên sẽ làm việc với quý vị và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị để giúp quý vị yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ.

14. Thuốc gốc là thuốc gì?

Thuốc gốc là những thuốc có cùng thành phần nguyên liệu như các biệt dược. Những thuốc này thường ít tốn tiền hơn biệt dược và tên thuốc thường ít được biết đến hơn. Thuốc gốc đã được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) chấp thuận.

Health Net Cal MediConnect đài thọ cả biệt dược lẫn thuốc gốc.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

15. Thuốc OTC là thuốc gì?

OTC là chữ viết tắt của "over-the-counter" (mua tự do không cần toa). Health Net Cal MediConnect đài thọ một số thuốc OTC khi chúng được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe kê theo toa.

Quý vị có thể đọc Danh sách thuốc của Health Net Cal MediConnect để biết loại thuốc OTC nào được đài thọ.

16. Health Net Cal MediConnect có đài thọ các loại sản phẩm OTC không phải là thuốc không?

Health Net Cal MediConnect đài thọ một số các sản phẩm OTC không phải là thuốc khi chúng được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe kê theo toa.

Quý vị có thể đọc Danh sách thuốc của Health Net Cal MediConnect để biết loại sản phẩm OTC không phải là thuốc nào được đài thọ.

17. Tiền đồng trả của quý vị là bao nhiêu?

Quý vị có thể đọc Danh sách thuốc của Health Net Cal MediConnect để biết tiền đồng trả của mỗi loại thuốc.

Hội viên của Health Net Cal MediConnect đang sống tại viện điều dưỡng hoặc các cơ sở chăm sóc dài hạn nào khác sẽ không phải trả tiền đồng trả. Một số hội viên được chăm sóc dài hạn trong cộng đồng cũng sẽ không phải trả tiền đồng trả.

Tiền đồng trả được liệt kê theo bậc. Bậc là những nhóm thuốc có cùng tiền đồng trả.

- Thuốc Bậc 1 có tiền đồng trả thấp. Đây là các loại thuốc gốc. Tiền đồng trả từ \$0.00 đến \$3.35. Khoản tiền này phụ thuộc vào mức thu nhập của quý vị.
- Thuốc Bậc 2 có tiền đồng trả cao hơn. Đây là các loại biệt dược. Tiền đồng trả từ \$0.00 đến \$8.35. Khoản tiền này phụ thuộc vào mức thu nhập của quý vị.
- Thuốc Bậc 3 có tiền đồng trả là \$0.00. Đây là các loại thuốc theo toa và thuốc OTC được Medi-Cal đài thọ.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Danh sách thuốc được đài thọ

Danh sách các loại thuốc được đài thọ bắt đầu từ trang 1 cho quý vị biết thông tin về các loại thuốc được Health Net Cal MediConnect đài thọ. Nếu quý vị không tìm được thuốc của quý vị trong danh sách, vui lòng lật sang phần Mục lục bắt đầu từ trang Mục lục 1.

Cột đầu tiên của bảng danh sách là tên thuốc. Biệt dược được viết bằng chữ in hoa (thí dụ, ELIQUIS TABS) và thuốc gốc được viết bằng chữ thường và in nghiêng (thí dụ, *viên nén warfarin sodium*).

Thông tin trong cột "Những việc cần làm, những điều khoản hạn chế hoặc giới hạn sử dụng" cho quý vị biết Health Net Cal MediConnect có những quy định gì trong việc đài thọ thuốc cho quý vị. Dưới đây là ý nghĩa của các mã được sử dụng trong cột "Những việc cần làm, những điều khoản hạn chế hoặc giới hạn sử dụng":

Thuật ngữ viết tắt	Nghĩa của thuật ngữ	Ý nghĩa của mỗi trường hợp
AL	Giới hạn tuổi	Thuốc này có thể cần được sự chấp thuận trước nếu tuổi của quý vị không đáp ứng với hướng dẫn của nhà sản xuất thuốc, FDA hoặc các hướng dẫn lâm sàng.
B/D	Medicare Phần B so với Phần D	Thuốc này cần được sự chấp thuận trước để quyết định xem thuốc này có được đài thọ theo Medicare Phần B hay Phần D hay không. Đây là quy định của Medicare. Bác sĩ hay người kê toa khác của quý vị có thể cần cung cấp cho chúng tôi thêm thông tin để giúp chúng tôi đưa ra quyết định này.
LA	Giới hạn sử dụng	Thuốc theo toa này chỉ có thể được cung cấp ở một số nhà thuốc nhất định. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Danh mục nhà thuốc hoặc gọi đến Ban Phục vụ Hội viên theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Thuật ngữ viết tắt	Nghĩa của thuật ngữ	Ý nghĩa của mỗi trường hợp
MO	Đặt mua thuốc qua bưu điện	Thuốc này được cung cấp với lượng thuốc đủ dùng trong tối đa 90 ngày tại nhà thuốc có dịch vụ đặt mua thuốc qua bưu điện ngoài một số nhà thuốc khác trong hệ thống. Cần nhắc việc mua lượng thuốc đủ dùng trong 90 ngày cho các loại thuốc dài hạn (duy trì) (như thuốc điều trị tăng huyết áp). Các nhà thuốc bán lẻ trong hệ thống có thể thích hợp hơn cho các thuốc theo toa ngắn hạn (như kháng sinh).
NF	Không được đài thọ	Thuốc này không được đài thọ trong Danh sách thuốc. Quý vị có thể yêu cầu được cấp trường hợp ngoại lệ để thuốc này được đài thọ.
NT	Không phải Phần D	Thuốc này không phải là "thuốc Phần D". Quý vị sẽ không phải trả tiền đồng trả cho những thuốc này.
PA	Sự chấp thuận trước	Thuốc này cần được sự chấp thuận trước. Điều này có nghĩa là quý vị hoặc bác sĩ của quý vị phải nhận được phê chuẩn của chúng tôi trước khi quý vị mua thuốc theo toa. Nếu quý vị không được phê chuẩn, chúng tôi có thể sẽ không đài thọ cho thuốc này.
QL	Giới hạn về số lượng	Thuốc này có giới hạn ở số lượng chương trình của chúng tôi sẽ đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và thuốc mua tự do không cần toa (Over-the-Counter, OTC)	Thuốc này được sản xuất theo cả hai dạng thuốc theo toa và thuốc OTC.
SL	Giới hạn an toàn	Thuốc này có giới hạn liều lượng tối đa hàng ngày để đảm bảo an toàn được FDA chấp nhận. Điều này có nghĩa là chúng tôi sẽ không đài thọ nhiều hơn liều lượng tối đa hàng ngày. Ví dụ, liều lượng tối đa hàng ngày theo quy định của FDA cho <i>ibuprofen</i> là 3200 mg. Do đó, chúng tôi sẽ chỉ đài thọ bốn viên nén <i>ibuprofen 800 mg</i> mỗi ngày.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Thuật ngữ viết tắt	Nghĩa của thuật ngữ	Ý nghĩa của mỗi trường hợp
ST	Phương pháp trị liệu từng bước	Thuốc này yêu cầu phương pháp trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị sẽ phải dùng thử nhiều loại thuốc theo một thứ tự nhất định để điều trị cho tình trạng y tế của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đòi hỏi cho một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ của quý vị nghĩ rằng loại thuốc thứ nhất không công hiệu đối với quý vị, chúng tôi sẽ đòi hỏi cho loại thuốc thứ hai.

Lưu ý: Chữ NT ghi bên cạnh tên một loại thuốc có nghĩa là thuốc này không phải là "thuốc Phần D". Quý vị sẽ không phải trả tiền đồng trả cho những thuốc này. Những thuốc này cũng có những quy định khác cho thủ tục kháng cáo. Thủ tục *kháng cáo* là một hình thức quý vị chính thức yêu cầu chúng tôi cứu xét lại quyết định chúng tôi đã đưa ra về quyền lợi bảo hiểm của quý vị và yêu cầu chúng tôi thay đổi quyết định này nếu quý vị nghĩ là chúng tôi sai. Thí dụ như, chúng tôi có thể quyết định là loại thuốc nào đó mà quý vị muốn dùng không được đòi hỏi hoặc không còn được Medicare hay Medi-Cal đòi hỏi. Nếu quý vị hay bác sĩ của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể nộp đơn kháng cáo. Nếu bất cứ khi nào quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Ban Phục vụ Hội viên theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. Quý vị cũng có thể đọc Cẩm nang hội viên để tìm hiểu thêm về cách kháng cáo quyết định của chúng tôi.

Danh sách thuốc theo tình trạng y tế

Các loại thuốc trong phần này được phân nhóm thành các loại tùy thuộc vào loại tình trạng y tế mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ, nếu quý vị mắc bệnh tim, quý vị hãy tìm thuốc trong loại này, THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM MẠCH - LOẠI KHÁC. - Thuốc điều trị các chứng bệnh về tim và tuần hoàn. Trong phần này, quý vị sẽ tìm được những loại thuốc điều trị các chứng bệnh về tim.



Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711), thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Health Net Cal MediConnect Member Notice

Health Net Community Solutions, Inc. (Health Net Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan)) complies with applicable federal civil rights laws and does not discriminate on the basis of race, color, national origin, age, disability, or sex. Health Net Cal MediConnect does not exclude people or treat them differently because of race, color, national origin, age, disability, or sex.

Health Net Cal MediConnect:

- Provides free aids and services to people with disabilities to communicate effectively with us, such as qualified sign language interpreters and written information in other formats (large print, accessible electronic formats, other formats).
- Provides free language services to people whose primary language is not English, such as qualified interpreters and information written in other languages.

If you need these services, contact the Health Net Cal MediConnect Customer Contact Center at 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711). A live person is here to talk with you Monday through Friday, 8:00 a.m. to 8:00 p.m. At other times – including Saturday, Sunday and federal holidays – you can leave a voicemail. We will return your call the following business day. The call is free.

If you believe that Health Net Cal MediConnect has failed to provide these services or discriminated in another way on the basis of race, color, national origin, age, disability or sex, you can file a grievance by calling the number above and telling them you need help filing a grievance; the Health Net Cal MediConnect Customer Contact Center is available to help you.

You can also file a civil rights complaint with the U.S. Department of Health and Human Services, Office for Civil Rights, electronically through the Office for Civil Rights Complaint Portal, available at <https://ocrportal.hhs.gov/ocr/portal/lobby.jsf> or by mail or phone at: U.S. Department of Health and Human Services, 200 Independence Avenue SW., Room 509F, HHH Building, Washington, DC 20201, 1-800-368-1019, (TDD: 1-800-537-7697). Complaint forms are available at <http://www.hhs.gov/ocr/office/file/index.html>.

Multi-Language Insert

Multi-language Interpreter Services

English: ATTENTION: If you do not speak English, language assistance services, free of charge, are available to you. Call 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Spanish: ATENCIÓN: Si habla español, tiene a su disposición servicios gratuitos de asistencia lingüística. Llame al 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Chinese Mandarin: 注意：如果您使用繁體中文，您可以免費獲得語言援助服務。請致電 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711)。

Chinese Cantonese: 注意：如果您說中文，您可獲得免費的語言協助服務。請致電 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711)。

Tagalog: PAUNAWA: Kung nagsasalita ka ng Tagalog, maaari kang gumamit ng mga serbisyo ng tulong sa wika nang walang bayad. Tumawag sa 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Vietnamese: CHÚ Ý: Nếu bạn nói Tiếng Việt, có các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí dành cho bạn. Gọi số 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Korean: 주의: 한국어를 사용하시는 경우, 언어 지원 서비스를 무료로 이용하실 수 있습니다. 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711). 번으로 전화해 주십시오.

Russian: ВНИМАНИЕ: Если вы говорите на русском языке, то вам доступны бесплатные услуги перевода. Звоните 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Arabic: ملحوظة: إذا كنت تتحدث العربية، فإن خدمات المساعدة اللغوية تتوافر لك بالمجان. اتصل بالرقم 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Hindi: ध्यान दें: यदि आप बोलते हैं तो आपके लिए मुफ्त में भाषा सहायता सेवाएं उपलब्ध हैं। 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711). पर कॉल करें।

Japanese: 注意事項：日本語を話される場合、無料の言語支援をご利用いただけます。1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711)。まで、お電話にてご連絡ください。

Farsi: توجه: اگر به زبان فارسی گفتگو می کنید، تسهیلات زبانی بصورت رایگان برای شما فراهم می باشد. با 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Thai: เรียน: ถ้าคุณพูดภาษาไทยคุณสามารถใช้บริการช่วยเหลือทางภาษาได้ฟรี โทร 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Armenian: ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ՝ Եթե խոսում եք հայերեն, ապա ձեզ անվճար կարող են տրամադրվել լեզվակազմակերպչական ծառայություններ: Չանգահարեք 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711)

Cambodian: ប្រយ័ត្ន៖ បើសិនជាអ្នកនិយាយ ភាសាខ្មែរ, សេវាជំនួយផ្នែកភាសា ដោយមិនគិតល្អល គឺអាចមានសំរាប់បំរើអ្នក។ ចូរ ទូរស័ព្ទ 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Hmong: LUS CEEV: Yog tias koj hais lus Hmoob, cov kev pab txog lus, muaj kev pab dawb rau koj. Hu rau 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Punjabi: ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਸੀਂ ਪੰਜਾਬੀ ਬੋਲਦੇ ਹੋ, ਤਾਂ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਸਹਾਇਤਾ ਸੇਵਾ ਤੁਹਾਡੇ ਲਈ ਮੁਫਤ ਉਪਲਬਧ ਹੈ। 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711) 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ।

Laotian: ໂປດຊາບ: ຖ້າທ່ານເວົ້າພາສາອັງກິດ, ການຊ່ວຍເຫຼືອດ້ານພາສາທີ່ບໍ່ເສຍຄ່າມີພ້ອມໃຫ້ທ່ານ. ກະລຸນາໂທ 1-855-464-3571 (Los Angeles), 1-855-464-3572 (San Diego) (TTY: 711).

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
ADDERALL TABS (<i>Amphetamine-Dextroamphetamine</i>)	NF	MO
ADDERALL XR CP24 (<i>Amphetamine-Dextroamphetamine</i>)	NF	MO
<i>amphetamine-dextroamphetamine cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amphetamine-dextroamphetamine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DESOXYN TABS (<i>Methamphetamine HCl</i>)	NF	PA; MO
DEXEDRINE CP24 (<i>Dextroamphetamine Sulfate</i>)	NF	MO
<i>dextroamphetamine sulfate cp24 5 mg, 10 mg, 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dextroamphetamine sulfate tabs 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methamphetamine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
Anorexiant Non-Amphetamine		
ADIPEX-P CAPS (<i>Phentermine HCl</i>)	NF	PA; MO; NT
ADIPEX-P TABS (<i>Phentermine HCl</i>)	NF	PA; MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>diethylpropion hcl tabs 25 mg</i>	\$0 (Tier 3)	PA; MO; NT
DIETHYLPROPION HCL TABS 25 MG (<i>Diethylpropion HCl</i>)	NF	PA; MO; NT
<i>diethylpropion hcl tb24 75 mg</i>	\$0 (Tier 3)	PA; MO; NT
LOMAIRA TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>phentermine hcl caps</i>	\$0 (Tier 3)	PA; MO; NT
<i>phentermine hcl tabs</i>	\$0 (Tier 3)	PA; MO; NT
QSYMIA CP24	\$0 (Tier 3)	PA; NT
Anti-Obesity Agents		
ALLI CAPS	\$0 (Tier 3)	PA; NT
BELVIQ XR TB24	\$0 (Tier 3)	MO; NT
XENICAL CAPS	\$0 (Tier 3)	PA; MO; NT
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD)		
<i>atomoxetine hcl caps 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(10 ea daily); MO
<i>atomoxetine hcl caps 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>atomoxetine hcl caps 18 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(5.55 ea daily); MO
<i>atomoxetine hcl caps 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>atomoxetine hcl caps 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.5 ea daily); MO
<i>atomoxetine hcl caps 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.66 ea daily); MO
<i>atomoxetine hcl caps 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.25 ea daily); MO
<i>clonidine hcl (adhd) tb12</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>guanfacine hcl (adhd) tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
INTUNIV TB24 (<i>Guanfacine HCl (ADHD)</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
KAPVAY TB12 (<i>Clonidine HCl (ADHD)</i>)	NF	MO
STRATTERA CAPS 10 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(10 ea daily); MO
STRATTERA CAPS 100 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(1 ea daily); MO
STRATTERA CAPS 18 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(5.55 ea daily); MO
STRATTERA CAPS 25 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
STRATTERA CAPS 40 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(2.5 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
STRATTERA CAPS 60 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(1.66 ea daily); MO
STRATTERA CAPS 80 MG (<i>Atomoxetine HCl</i>)	NF	SL(1.25 ea daily); MO
Stimulants - Misc.		
CONCERTA TBCR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>dexmethylphenidate hcl cp24 10 mg, 15 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dexmethylphenidate hcl tabs 5 mg, 10 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FOCALIN TABS (<i>Dexmethylphenidate HCl</i>)	NF	MO
FOCALIN XR CP24 10 MG, 15 MG, 20 MG (<i>Dexmethylphenidate HCl</i>)	NF	MO
METADATE CD CPCR 10 MG, 40 MG, 50 MG, 60 MG (<i>Methylphenidate HCl</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
METADATE CD CPCR 20 MG (<i>Methylphenidate HCl</i>)	NF	QL(2 ea daily); MO
METADATE CD CPCR 30 MG (<i>Methylphenidate HCl</i>)	NF	MO
<i>methylphenidate hcl cp24 or 20 mg, 30 mg, 40 mg, 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylphenidate hcl cpcr or 10 mg, 40 mg, 50 mg, 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
<i>methylphenidate hcl cpcr or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>methylphenidate hcl cpcr or 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylphenidate hcl tabs or 5 mg, 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
<i>methylphenidate hcl tb24 or 27 mg, 36 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Non-Osmotic Release
<i>methylphenidate hcl tbcrr or 18 mg, 27 mg, 36 mg, 54 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylphenidate hcl tbcrr or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
<i>modafinil tabs 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>modafinil tabs 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; QL(1 ea daily); MO
PROVIGIL TABS 100 MG (Modafinil)	NF	PA; MO
PROVIGIL TABS 200 MG (Modafinil)	NF	PA; QL(1 ea daily); MO
RITALIN LA CP24 20 MG, 30 MG, 40 MG (Methylphenidate HCl)	NF	MO
RITALIN LA CP24 60 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
RITALIN TABS (Methylphenidate HCl)	NF	QL(3 ea daily); MO

ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Biologicals Misc		
ADAGEN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate soln ij 1 gm/4ml, 500 mg/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
BETHKIS NEBU	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
<i>gentamicin in saline soln 0.9%-1mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate soln ij 40 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
KITABIS PAK NEBU	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
<i>neomycin sulfate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>paromomycin sulfate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TOBI NEBU (Tobramycin)	NF	B/D
TOBI PODHALER CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tobramycin nebu in</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
<i>tobramycin sulfate soln ij 40 mg/ml, 80 mg/2ml, 1.2 gm/30ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tobramycin sulfate solr ij 1.2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN PNKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN-CROHNS DISEASESTARTER PNKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN-PSORIASIS STARTER PNKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PSKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIMPONI ARIA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SIMPONI SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIMPONI SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
XELJANZ TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antirheumatic Antimetabolites		
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RASUVO SOAJ 10 MG/0.2ML, 15 MG/0.3ML, 20 MG/0.4ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML, 7.5 MG/0.15ML, 12.5 MG/0.25ML, 17.5 MG/0.35ML, 22.5 MG/0.45ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Gold Compounds		
RIDAURA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
Interleukin-1 Receptor Antagonist (IL-1Ra)		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KINERET SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Interleukin-1beta Blockers		
ILARIS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ILARIS SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
ACTEMRA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ACTEMRA SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KEVZARA SOSY 150 MG/1.14ML, 200 MG/1.14ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
ADVIL CAPS (<i>Ibuprofen</i>)	NF	MO; NT
ADVIL MIGRAINE CAPS (<i>Ibuprofen</i>)	NF	MO; NT
ADVIL TABS (<i>Ibuprofen</i>)	NF	MO; NT
ALEVE CAPS (<i>Naproxen Sodium</i>)	NF	NT
ANAPROX DS TABS (<i>Naproxen Sodium</i>)	NF	MO
ARTHROTEC 50 TBEC (<i>Diclofenac w/ Misoprostol</i>)	NF	MO
ARTHROTEC 75 TBEC (<i>Diclofenac w/ Misoprostol</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CELEBREX CAPS (<i>Celecoxib</i>)	NF	MO
<i>celecoxib caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CHILDRENS ADVIL SUSP (<i>Ibuprofen</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
CHILDRENS MOTRIN SUSP (<i>Ibuprofen</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
DAYPRO TABS (<i>Oxaprozin</i>)	NF	MO
<i>diclofenac potassium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diclofenac sodium tb24 or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diclofenac sodium tbec or 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diclofenac w/ misoprostol tbec</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EC-NAPROSYN TBEC (<i>Naproxen</i>)	NF	MO
<i>etodolac caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>etodolac tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>etodolac tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FELDENE CAPS (<i>Piroxicam</i>)	NF	MO
<i>flurbiprofen tabs or 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ibuprofen caps or 200 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>ibuprofen chew or 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>ibuprofen susp or 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>ibuprofen susp or 100 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>ibuprofen susp or 40 mg/ml, 50 mg/1.25ml</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>ibuprofen tabs or 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>ibuprofen tabs or 200 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>ibuprofen tabs or 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>ibuprofen tabs or 600 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(5.33 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ibuprofen tabs or 800 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>indomethacin caps or 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>indomethacin cpcr or 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
INFANTS ADVIL SUSP (<i>Ibuprofen</i>)	NF	NT
<i>ketoprofen caps 50 mg, 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ketorolac tromethamine soln ij 15 mg/ml, 30 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>ketorolac tromethamine soln im 30 mg/ml, 60 mg/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
LODINE TABS (<i>Etodolac</i>)	NF	MO
<i>mefenamic acid caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>meloxicam tabs or 15 mg, 7.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MOBIC TABS 15 MG, 7.5 MG (<i>Meloxicam</i>)	NF	MO
MOTRIN INFANTS DROPS SUSP (<i>Ibuprofen</i>)	NF	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>nabumetone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NAPROSYN TABS 500 MG (<i>Naproxen</i>)	NF	MO
<i>naproxen sodium caps or 220 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>naproxen sodium tabs or 275 mg, 550 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>naproxen tabs or 250 mg, 375 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>naproxen tbec or 375 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>oxaprozin tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>piroxicam caps or 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PONSTEL CAPS (<i>Mefenamic Acid</i>)	NF	MO
<i>sulindac tabs or 150 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tolmetin sodium caps 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tolmetin sodium tabs 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
OTEZLA TBPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
ARAVA TABS (<i>Leflunomide</i>)	NF	MO
<i>leflunomide tabs or 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Selective Costimulation Modulators		
ORENCIA CLICKJECT SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ORENCIA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ORENCIA SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ENBREL SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ENBREL SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesics Other		
<i>acetaminophen chew or 160 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>acetaminophen chew or 80 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen liqd or 160 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen soln or 160 mg/5ml, 650 mg/20.3ml, 325 mg/10.15ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen supp re 120 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen susp or 160 mg/5ml, 80 mg/2.5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen susp or 80 mg/0.8ml</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>acetaminophen tbdp or 160 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acetaminophen tbdp or 80 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
FEVERALL INFANTS SUPP	\$0 (Tier 3)	NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NORTEMP INFANTS SUSP	\$0 (Tier 3)	NT
TYLENOL CHILDRENS CHEWABLES/PAIN + FEVER CHEW (<i>Acetaminophen</i>)	NF	NT
TYLENOL CHILDRENS SUSP (<i>Acetaminophen</i>)	NF	MO; NT
TYLENOL INFANTS PAIN+FEVER SUSP (<i>Acetaminophen</i>)	NF	MO; NT
TYLENOL INFANTS SUSP (<i>Acetaminophen</i>)	NF	MO; NT
Salicylates		
<i>aspirin buffered (cal carb-mag carb-mag oxide) tabs</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
ASPIRIN SUPP RE 300 MG, 600 MG	\$0 (Tier 3)	NT
<i>aspirin supp re 300 mg, 600 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>aspirin tabs or 325 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>aspirin tbec or 81 mg, 324 mg, 325 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
BUFFERIN LOW DOSE TABS	\$0 (Tier 3)	NT
BUFFERIN TABS (<i>Aspirin Buffered (Cal Carb-Mag Carb-Mag Oxide)</i>)	NF	MO; NT
<i>diflunisal tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ECOTRIN REGULAR STRENGTH TBEC (<i>Aspirin</i>)	NF	MO; NT
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
ACTIQ LPOP 200 MCG (<i>Fentanyl Citrate</i>)	NF	PA; QL(8 ea daily); MO
ACTIQ LPOP 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG (<i>Fentanyl Citrate</i>)	NF	PA; QL(4 ea daily); MO
DEMEROL SOLN IJ 25 MG/ML (<i>Meperidine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old
DEMEROL SOLN IJ 50 MG/ML, 100 MG/ML (<i>Meperidine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
DILAUDID LIQD OR 1 MG/ML (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	QL(50 ml daily); MO
DILAUDID SOLN IJ 2 MG/ML (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	MO
DILAUDID TABS OR 2 MG (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	QL(25 ea daily); MO
DILAUDID TABS OR 4 MG (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	QL(12.5 ea daily); MO
DILAUDID TABS OR 8 MG (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	QL(6.25 ea daily); MO
DILAUDID-HP SOLN (<i>Hydromorphone HCl</i>)	NF	
DOLOPHINE TABS 10 MG (<i>Methadone HCl</i>)	NF	QL(6.67 ea daily); MO
DOLOPHINE TABS 5 MG (<i>Methadone HCl</i>)	NF	QL(13.34 ea daily); MO
DURAGESIC PT72 100 MCG/HR (<i>Fentanyl</i>)	NF	QL(0.5 ea daily); MO
DURAGESIC PT72 12 MCG/HR (<i>Fentanyl</i>)	NF	Limit 43 patches per month; QL(1.44 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DURAGESIC PT72 25 MCG/HR (<i>Fentanyl</i>)	NF	QL(0.94 ea daily); MO
DURAGESIC PT72 50 MCG/HR, 75 MCG/HR (<i>Fentanyl</i>)	NF	Limit 15 patches per month; QL(0.5 ea daily); MO
<i>fentanyl citrate lpop bu 200 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; QL(8 ea daily); MO
<i>fentanyl citrate lpop bu 400 mcg, 600 mcg, 800 mcg, 1200 mcg, 1600 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; QL(4 ea daily); MO
<i>fentanyl pt72 100 mcg/hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.5 ea daily); MO
<i>fentanyl pt72 12 mcg/hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 43 patches per month; QL(1.44 ea daily); MO
<i>fentanyl pt72 25 mcg/hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.94 ea daily); MO
<i>fentanyl pt72 50 mcg/hr, 75 mcg/hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 15 patches per month; QL(0.5 ea daily); MO
<i>hydromorphone hcl liqd or 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(50 ml daily); MO
<i>hydromorphone hcl soln ij 10 mg/ml, 50 mg/5ml, 500 mg/50ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>hydromorphone hcl soln ij 2 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hydromorphone hcl tabs or 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(25 ea daily); MO
<i>hydromorphone hcl tabs or 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(12.5 ea daily); MO
<i>hydromorphone hcl tabs or 8 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.25 ea daily); MO
KADIAN CP24 10 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(20 ea daily); MO
KADIAN CP24 100 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(2 ea daily); MO
KADIAN CP24 20 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(10 ea daily); MO
KADIAN CP24 30 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(6.67 ea daily); MO
KADIAN CP24 50 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(4 ea daily); MO
KADIAN CP24 60 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(3.34 ea daily); MO
KADIAN CP24 80 MG (Morphine Sulfate)	NF	QL(2.5 ea daily); MO
LAZANDA SOLN 100 MCG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(1 ea daily); MO
LAZANDA SOLN 300 MCG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(0.5 ea daily); MO
LAZANDA SOLN 400 MCG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(0.27 ea daily); MO
<i>meperidine hcl soln ij 25 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>meperidine hcl soln ij 50 mg/ml, 100 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>methadone hcl conc or 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ml daily); MO
<i>methadone hcl soln or 10 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(33.34 ml daily); MO
<i>methadone hcl soln or 5 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(66.67 ml daily); MO
<i>methadone hcl tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ea daily); MO
<i>methadone hcl tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(13.34 ea daily); MO
METHADOSE CONC (Methadone HCl)	NF	QL(6.67 ml daily); MO
METHADOSE SUGAR-FREE CONC (Methadone HCl)	NF	QL(6.67 ml daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(20 ea daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2 ea daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(10 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>morphine sulfate cp24 or 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ea daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(4 ea daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3.34 ea daily); MO
<i>morphine sulfate cp24 or 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2.5 ea daily); MO
<i>morphine sulfate soln ij 0.5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>morphine sulfate soln ij 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>morphine sulfate soln or 10 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(100 ml daily); MO
<i>morphine sulfate soln or 20 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(50 ml daily); MO
<i>morphine sulfate soln or 20 mg/ml, 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(10 ml daily); MO
MORPHINE SULFATE TABS OR 15 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(13.34 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MORPHINE SULFATE TABS OR 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(6.67 ea daily); MO
<i>morphine sulfate tbcx or 100 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2 ea daily); MO
<i>morphine sulfate tbcx or 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(13.34 ea daily); MO
<i>morphine sulfate tbcx or 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ea daily); MO
<i>morphine sulfate tbcx or 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3.34 ea daily); MO
MS CONTIN TBCR 100 MG, 200 MG (<i>Morphine Sulfate</i>)	NF	QL(2 ea daily); MO
MS CONTIN TBCR 15 MG (<i>Morphine Sulfate</i>)	NF	QL(13.34 ea daily); MO
MS CONTIN TBCR 30 MG (<i>Morphine Sulfate</i>)	NF	QL(6.67 ea daily); MO
MS CONTIN TBCR 60 MG (<i>Morphine Sulfate</i>)	NF	QL(3.34 ea daily); MO
OPANA TABS OR 10 MG (<i>Oxymorphone HCl</i>)	NF	QL(6.67 ea daily); MO
OPANA TABS OR 5 MG (<i>Oxymorphone HCl</i>)	NF	QL(13.34 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl caps or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(26.67 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl conc or 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ml daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>oxycodone hcl tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(13.3 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl tabs or 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(8.9 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl tabs or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.65 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl tabs or 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(4.44 ea daily); MO
<i>oxycodone hcl tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(26.67 ea daily); MO
<i>oxymorphone hcl tabs 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(6.67 ea daily); MO
<i>oxymorphone hcl tabs 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(13.34 ea daily); MO
<i>oxymorphone hcl tb12 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(4.44 ea daily); MO
<i>oxymorphone hcl tb12 7.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(8.89 ea daily); MO
ROXICODONE TABS 15 MG (<i>Oxycodone HCl</i>)	NF	QL(8.9 ea daily); MO
ROXICODONE TABS 30 MG (<i>Oxycodone HCl</i>)	NF	QL(4.44 ea daily); MO
ROXICODONE TABS 5 MG (<i>Oxycodone HCl</i>)	NF	QL(26.67 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SUBSYS LIQD 100 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(16 ea daily); MO
SUBSYS LIQD 1200 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(2 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(8 ea daily); MO
SUBSYS LIQD 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1600 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(4 ea daily); MO
<i>tramadol hcl tabs or 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>tramadol hcl tb24 or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>tramadol hcl tb24 or 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>tramadol hcl tb24 or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
ULTRAM ER TB24 (<i>Tramadol HCl</i>)	NF	SL(1 ea daily); MO
ULTRAM TABS (<i>Tramadol HCl</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
ZOHYDRO ER C12A 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(16.8 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZOHYDRO ER C12A 15 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(11.2 ea daily); MO
ZOHYDRO ER C12A 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(8.4 ea daily); MO
ZOHYDRO ER C12A 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(5.6 ea daily); MO
ZOHYDRO ER C12A 40 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(4.2 ea daily); MO
ZOHYDRO ER C12A 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(3.37 ea daily); MO
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine soln 120mg/5ml-12mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(150 ml daily); MO
<i>acetaminophen w/ codeine tabs 300mg-15mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(13.3 ea daily); MO
<i>acetaminophen w/ codeine tabs 300mg-30mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(12 ea daily); MO
<i>acetaminophen w/ codeine tabs 300mg-60mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(6 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FIORINAL/CODEINE #3 CAPS (<i>Butalbital-Aspirin-Caffeine w/Cod</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(6 ea daily); MO
<i>hydrocodone-acetaminophen soln 2.5mg/5ml-108mg/5ml, 5mg/10ml-217mg/10ml, 7.5mg/15ml-325mg/15ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 5535mls per month; SL(184.5 ml daily); MO
<i>hydrocodone-acetaminophen tabs 5mg-300mg, 10mg-300mg, 7.5mg-300mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(13.3 ea daily); MO
<i>hydrocodone-acetaminophen tabs 5mg-325mg, 10mg-325mg, 7.5mg-325mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(12.3 ea daily); MO
<i>hydrocodone-ibuprofen tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
IBUDONE TABS (<i>Hydrocodone-Ibuprofen</i>)	NF	MO
NORCO TABS (<i>Hydrocodone-Acetaminophen</i>)	NF	SL(12.3 ea daily); MO
<i>oxycodone w/ acetaminophen tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(12.3 ea daily); MO
<i>oxycodone-aspirin tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PERCOCET TABS (<i>Oxycodone w/ Acetaminophen</i>)	NF	SL(12.3 ea daily); MO
REPREXAIN TABS (<i>Hydrocodone-Ibuprofen</i>)	NF	MO
<i>tramadol-acetaminophen tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TYLENOL/CODEINE #3 TABS (Acetaminophen w/ Codeine)	NF	SL(12 ea daily); MO
TYLENOL/CODEINE #4 TABS (Acetaminophen w/ Codeine)	NF	SL(6 ea daily); MO
ULTRACET TABS (Tramadol-Acetaminophen)	NF	SL(8 ea daily); MO
XODOL TABS (Hydrocodone-Acetaminophen)	NF	SL(13.3 ea daily); MO
Opioid Partial Agonists		
BUPRENEX SOLN (Buprenorphine HCl)	NF	MO
<i>buprenorphine hcl soln ij 0.3 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>buprenorphine hcl subl sl 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; QL(16 ea daily); MO
<i>buprenorphine hcl subl sl 8 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; QL(4 ea daily); MO
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate subl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>butorphanol tartrate soln ij 2 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>butorphanol tartrate soln na 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 210mls per month; QL(7 ml daily); MO
<i>nalbuphine hcl soln ij 10 mg/ml, 20 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
ANADROL-50 TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
OXANDRIN TABS (Oxandrolone)	NF	MO
<i>oxandrolone tabs or 10 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Androgens		
ANDRODERM PT24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANDROGEL GEL 40.5 MG/2.5GM, 20.25 MG/1.25GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANDROGEL GEL 50 MG/5GM, 25 MG/2.5GM (Testosterone)	NF	MO
ANDROGEL PUMP GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
AVEED SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
<i>danazol caps or 50 mg, 100 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DEPO-TESTOSTERONE SOLN (Testosterone Cypionate)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluoxymesterone tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methyltestosterone caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TESTIM GEL (Testosterone)	NF	MO
<i>testosterone cypionate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>testosterone enanthate soln im</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TESTOSTERONE GEL 1 %, 50 MG/5GM, 25 MG/2.5GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>testosterone gel 1 %, 50 mg/5gm, 25 mg/2.5gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TESTOSTERONE PUMP GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VOGELXO GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VOGELXO PUMP GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANORECTAL AGENTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CORTENEMA ENEM (Hydrocortisone (Intrarectal))	NF	MO
<i>hydrocortisone (intrarectal) enem</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
UCERIS FOAM RE 2 MG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Rectal Steroids		
ANUSOL-HC CREA (Hydrocortisone (Rectal))	NF	MO
<i>hydrocortisone (rectal) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PROCTOCORT CREA 1 % (Hydrocortisone (Rectal))	NF	MO
Vasodilating Agents		
RECTIV OINT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANTACIDS		
Antacid Combinations		
<i>alum & mag hydrox-simethicone chew 200mg-25mg-200mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>alum & mag hydrox-simethicone liqd 200mg/5ml-20mg/5ml-200mg/5ml, 400mg/5ml-40mg/5ml-400mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>alum & mag hydrox-simethicone susp 200mg/5ml-20mg/5ml-200mg/5ml, 400mg/5ml-40mg/5ml-400mg/5ml, 200mg/5ml-200mg/5ml-20mg/5ml-20mg/5ml, 400mg/5ml-400mg/5ml-40mg/5ml-40mg/5ml-400mg/5ml-400mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>aluminum hydroxide-mag trisil chew</i>	\$0 (Tier 3)	NT
GELUSIL CHEW 200MG-25MG-200MG (<i>Alum & Mag Hydrox-Simethicone</i>)	NF	NT
HVVEE ADVANCED ANTACID MAXIMUM STRENGTH SUSP (<i>Alum & Mag Hydrox-Simethicone</i>)	NF	MO; NT
Antacids - Aluminum Salts		
ALUMINUM HYDROXIDE SUSP OR	\$0 (Tier 3)	NT
Antacids - Calcium Salts		
<i>calcium carbonate (antacid) chew 500 mg, 750 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium carbonate (antacid) tabs 648 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CALCIUM CARBONATE TABS OR 648 MG	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TUMS CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
TUMS CHEWY BITES CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TUMS E-X 750 CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
TUMS EXTRA STRENGTH 750 CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
TUMS KIDS CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
TUMS LASTING EFFECTS CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
TUMS SMOOTHIES CHEW (<i>Calcium Carbonate (Antacid)</i>)	NF	MO; NT
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
ALBENZA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>ivermectin tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>pyrantel pamoate susp or</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
STROMEKTOL TABS (<i>Ivermectin</i>)	NF	MO
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>colistimethate sodium solr ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COLY-MYCIN M SOLR (<i>Colistimethate Sodium</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FLAGYL CAPS 375 MG (<i>Metronidazole</i>)	NF	SL(10.6 ea daily); MO
FLAGYL TABS 250 MG (<i>Metronidazole</i>)	NF	SL(16 ea daily); MO
FLAGYL TABS 500 MG (<i>Metronidazole</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
IMPAVIDO CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>metronidazole caps or 375 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(10.6 ea daily); MO
<i>metronidazole in nacl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>metronidazole tabs or 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
<i>metronidazole tabs or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
NEBUPENT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
ORBACTIV SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PENTAM 300 SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TINDAMAX TABS (<i>Tinidazole</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tinidazole tabs or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>trimethoprim tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VANCOCIN HCL CAPS (<i>Vancomycin HCl</i>)	NF	PA; MO
<i>vancomycin hcl caps or 125 mg, 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
VANCOMYCIN HCL IN DEXTROSE SOLN 1GM/200ML-5%, 5%-750MG/150ML, 500MG/100ML-5%	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>vancomycin hcl solr iv 10 gm, 1000 mg, 5000 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl solr iv 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
XIFAXAN TABS 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
XIFAXAN TABS 550 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(3 ea daily); MO
Anti-infective Misc. - Combinations		
BACTRIM DS TABS (<i>Sulfamethoxazole-Trimethoprim</i>)	NF	MO
BACTRIM TABS (<i>Sulfamethoxazole-Trimethoprim</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiprotozoal Agents		
ALINIA TABS 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>atovaquone susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MEPRON SUSP (<i>Atovaquone</i>)	NF	MO
Carbapenems		
<i>imipenem-cilastatin solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
INVANZ SOLR IJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>meropenem solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MERREM SOLR (<i>Meropenem</i>)	NF	MO
PRIMAXIN IV SOLR (<i>Imipenem-Cilastatin</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VABOMERE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Cyclic Lipopeptides		
CUBICIN RF SOLR (<i>Daptomycin</i>)	NF	
CUBICIN SOLR (<i>Daptomycin</i>)	NF	
<i>daptomycin solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Glycylcyclines		
<i>tigecycline solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TIGECYCLINE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TYGACIL SOLR (<i>Tigecycline</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Leprostatics		
<i>dapsone tabs or 25 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Lincosamides		
CLEOCIN CAPS OR 75 MG, 150 MG, 300 MG (<i>Clindamycin HCl</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CLEOCIN IN D5W SOLN (Clindamycin Phosphate in D5W)	NF	
CLEOCIN PEDIATRIC GRANULES SOLR (Clindamycin Palmitate Hydrochloride)	NF	MO
CLEOCIN PHOSPHATE SOLN IJ 600 MG/4ML, 900 MG/6ML (Clindamycin Phosphate)	NF	MO
CLEOCIN PHOSPHATE SOLN IV 300MG/50ML-5%, 600MG/50ML-5%, 900MG/50ML-5% (Clindamycin Phosphate in D5W)	NF	
CLEOCIN PHOSPHATE SOLN IV 600 MG/4ML (Clindamycin Phosphate)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clindamycin hcl caps or 75 mg, 150 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clindamycin palmitate hydrochloride solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clindamycin phosphate in d5w soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate soln ij 150 mg/ml, 9000 mg/60ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate soln ij 600 mg/4ml, 900 mg/6ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clindamycin phosphate soln iv 600 mg/4ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LINCOCIN SOLN (Lincomycin HCl)	NF	MO
<i>lincomycin hcl soln ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Monobactams		
AZACTAM SOLR (Aztreonam)	NF	MO
<i>aztreonam solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CAYSTON SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Oxazolidinones		
<i>linezolid soln iv 600 mg/300ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LINEZOLID SOLN IV 600MG/300ML-0.9%	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>linezolid susr or 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>linezolid tabs or 600 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SIVEXTRO SOLR IV	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SIVEXTRO TABS OR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZYVOX SOLN IV 200 MG/100ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZYVOX SOLN IV 600 MG/300ML (<i>Linezolid</i>)	NF	
ZYVOX SUSR OR 100 MG/5ML (<i>Linezolid</i>)	NF	MO
ZYVOX TABS OR 600 MG (<i>Linezolid</i>)	NF	MO
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate solr ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Streptogramins		
SYNERCID SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
RANEXA TB12	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Nitrates		
ISORDIL TITRADOSE TABS 5 MG (<i>Isosorbide Dinitrate</i>)	NF	MO
<i>isosorbide dinitrate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>isosorbide dinitrate tbcr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>isosorbide mononitrate tabs 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>isosorbide mononitrate tb24 30 mg, 60 mg, 120 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NITRO-DUR PT24 0.1 MG/HR, 0.2 MG/HR, 0.4 MG/HR, 0.6 MG/HR (<i>Nitroglycerin</i>)	NF	MO
NITROGLYCERIN LINGUAL AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>nitroglycerin pt24 td 0.1 mg/hr, 0.2 mg/hr, 0.4 mg/hr, 0.6 mg/hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nitroglycerin soln tl 0.4 mg/spray</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nitroglycerin subl sl 0.3 mg, 0.4 mg, 0.6 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NITROLINGUAL PUMPSPRAY SOLN (<i>Nitroglycerin</i>)	NF	MO
NITROSTAT SUBL (<i>Nitroglycerin</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bupirone hcl tabs or 5 mg, 10 mg, 15 mg, 30 mg, 7.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydroxyzine hcl soln im 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>hydroxyzine hcl syrp or 10 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>hydroxyzine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>hydroxyzine pamoate caps or 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
VISTARIL CAPS (Hydroxyzine Pamoate)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
Benzodiazepines		
<i>alprazolam tabs or 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>alprazolam tb24 or 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>alprazolam tbdp or 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ATIVAN SOLN (Lorazepam)	NF	MO
ATIVAN TABS (Lorazepam)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clorazepate dipotassium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diazepam conc or 5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diazepam soln or 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diazepam tabs or 2 mg, 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lorazepam conc or 2 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lorazepam soln ij 2 mg/ml, 4 mg/ml, 20 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lorazepam tabs or 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>oxazepam caps 10 mg, 15 mg, 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRANXENE T TABS (Clorazepate Dipotassium)	NF	MO
VALIUM TABS (Diazepam)	NF	MO
XANAX TABS (Alprazolam)	NF	MO
XANAX XR TB24 (Alprazolam)	NF	MO

ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
NORPACE CAPS (<i>Disopyramide Phosphate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>quinidine gluconate tbcr or 324 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>quinidine sulfate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate tabs 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>flecainide acetate tabs 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.66 ea daily); MO
<i>flecainide acetate tabs 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>propafenone hcl cp12</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>propafenone hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RYTHMOL SR CP12 (<i>Propafenone HCl</i>)	NF	MO
RYTHMOL TABS (<i>Propafenone HCl</i>)	NF	MO
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl tabs or 100 mg, 200 mg, 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dofetilide caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MULTAQ TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TIKOSYN CAPS (<i>Dofetilide</i>)	NF	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium nebu in</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
CINQAIR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
NUCALA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
XOLAIR SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Bronchodilators - Anticholinergics		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ATROVENT HFA AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 inhalers per month; QL(0.86 gm daily); MO
<i>ipratropium bromide soln in</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
SPIRIVA HANDIHALER CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily); MO
SPIRIVA RESPIMAT AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month (60 actuations); SL(0.14 gm daily); MO
TUDORZA PRESSAIR AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 inhalers per month (30 actuations); QL(0.07 ea daily); MO
TUDORZA PRESSAIR AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month (60 actuations); QL(0.04 ea daily); MO
Leukotriene Modulators		
ACCOLATE TABS (<i>Zafirlukast</i>)	NF	MO
<i>montelukast sodium chew 4 mg, 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>montelukast sodium tabs 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SINGULAIR CHEW 4 MG, 5 MG (<i>Montelukast Sodium</i>)	NF	MO
SINGULAIR TABS 10 MG (<i>Montelukast Sodium</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>zafirlukast tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
DALIRESP TABS 250 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily)
DALIRESP TABS 500 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily); MO
Steroid Inhalants		
AEROSPAN AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 inhalers per month (120 actuations); SL(0.6 gm daily)
<i>budesonide (inhalation) susp 0.25 mg/2ml, 0.5 mg/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
FLOVENT DISKUS AEPB 100 MCG/BLIST	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(20 ea daily); MO
FLOVENT DISKUS AEPB 250 MCG/BLIST	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(8 ea daily); MO
FLOVENT DISKUS AEPB 50 MCG/BLIST	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(40 ea daily); MO
FLOVENT HFA AERO 110 MCG/ACT, 220 MCG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 inhalers per month; QL(0.8 gm daily); MO
FLOVENT HFA AERO 44 MCG/ACT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month; QL(0.36 gm daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PULMICORT SUSP 0.25 MG/2ML, 0.5 MG/2ML (<i>Budesonide (Inhalation)</i>)	NF	B/D; MO
QVAR AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 3 inhalers per month; QL(0.87 gm daily); MO
Sympathomimetics		
ADVAIR DISKUS AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ADVAIR HFA AERO	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(4 gm daily); MO
<i>albuterol sulfate nebu in 0.63 mg/3ml, 0.083 %, 0.5 %, 1.25 mg/3ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>albuterol sulfate syrp or 2 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>albuterol sulfate tabs or 2 mg, 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>albuterol sulfate tb12 or 4 mg, 8 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANORO ELLIPTA AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(2 ea daily); MO
BREO ELLIPTA AEPB 25MCG/INH-100MCG/INH, 25MCG/INH-200MCG/INH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month; SL(2 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BREO ELLIPTA AEPB 25MCG/INH-100MCG/INH, 25MCG/INH-200MCG/INH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 inhalers per month (Institutional Pack); SL(2 ea daily); MO
COMBIVENT RESPIMAT AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month; SL(0.2 gm daily); MO
DULERA AERO	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(4 gm daily); MO
<i>ipratropium-albuterol soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>levalbuterol hcl nebu in 0.31 mg/3ml, 0.63 mg/3ml, 1.25 mg/3ml, 1.25 mg/0.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
PROAIR HFA AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PROAIR RESPICLICK AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PROVENTIL HFA AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SEREVENT DISKUS AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(2 ea daily); MO
STIOLTO RESPIMAT AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month; QL(0.14 gm daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
STRIVERDI RESPIMAT AERS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 inhaler per month; SL(0.14 gm daily); MO
<i>terbutaline sulfate tabs or 5 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRELEGY ELLIPTA AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
UTIBRON NEOHALER CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
XOPENEX CONCENTRATE NEBU (<i>Levalbuterol HC</i>)	NF	B/D; MO
XOPENEX NEBU (<i>Levalbuterol HC</i>)	NF	B/D; MO
Xanthines		
<i>aminophylline soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>theophylline tb12 100 mg, 200 mg, 300 mg, 450 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>theophylline tb24 400 mg, 600 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
COUMADIN TABS (<i>Warfarin Sodium</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>warfarin sodium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Direct Factor Xa Inhibitors		
BEVYXXA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily)
ELIQUIS STARTER PACK TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ELIQUIS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
XARELTO STARTER PACK TBPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
XARELTO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
ARIXTRA SOLN (<i>Fondaparinux Sodium</i>)	NF	MO
<i>enoxaparin sodium soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fondaparinux sodium soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FRAGMIN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>heparin sodium (porcine) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOVENOX SOLN (<i>Enoxaparin Sodium</i>)	NF	MO
Thrombin Inhibitors		
<i>argatroban soln 250 mg/2.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>argatroban soln 250 mg/2.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
IPRIVASK SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PRADAXA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
FYCOMPA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clonazepam tabs or 0.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(40 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clonazepam tabs or 1 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(20 ea daily); MO
<i>clonazepam tabs or 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(10 ea daily); MO
<i>clonazepam tbdp or 0.125 mg, 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DIASTAT ACUDIAL GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIASTAT PEDIATRIC GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIAZEPAM GEL RE 10 MG, 20 MG, 2.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIAZEPAM RECTAL GEL GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
KLONOPIN TABS 0.5 MG (<i>Clonazepam</i>)	NF	SL(40 ea daily); MO
KLONOPIN TABS 1 MG (<i>Clonazepam</i>)	NF	SL(20 ea daily); MO
KLONOPIN TABS 2 MG (<i>Clonazepam</i>)	NF	SL(10 ea daily); MO
ONFI SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ONFI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BANZEL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BANZEL TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BRIVIACT SOLN IV 50 MG/5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(20 ml daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(20 ml daily); MO
BRIVIACT TABS OR 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(20 ea daily); MO
BRIVIACT TABS OR 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
BRIVIACT TABS OR 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(8 ea daily); MO
BRIVIACT TABS OR 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
BRIVIACT TABS OR 75 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2.67 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carbamazepine chew or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbamazepine cp12 or 100 mg, 200 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbamazepine susp or 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbamazepine tabs or 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbamazepine tb12 or 100 mg, 200 mg, 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CARBATROL CP12 (<i>Carbamazepine</i>)	NF	MO
<i>gabapentin caps or 100 mg, 300 mg, 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gabapentin soln or 250 mg/5ml, 300 mg/6ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gabapentin tabs or 600 mg, 800 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
KEPPRA SOLN (<i>Levetiracetam</i>)	NF	MO
KEPPRA TABS (<i>Levetiracetam</i>)	NF	MO
KEPPRA XR TB24 (<i>Levetiracetam</i>)	NF	MO
LAMICTAL CHEWABLE DISPERSIBLE CHEW (<i>Lamotrigine</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LAMICTAL TABS (Lamotrigine)	NF	MO
LAMICTAL XR KIT	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
LAMICTAL XR TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 250 MG, 300 MG (Lamotrigine)	NF	MO
lamotrigine chew 5 mg, 25 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
lamotrigine tabs 25 mg, 100 mg, 150 mg, 200 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
lamotrigine tb24 25 mg, 50 mg, 100 mg, 200 mg, 250 mg, 300 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
levetiracetam in sodium chloride soln	\$0- \$3.35 (Tier 1)	
levetiracetam soln iv 500 mg/5ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
LEVETIRACETAM SOLN IV 500MG/100ML- 820MG/100ML, 1000MG/100ML- 750MG/100ML, 1500MG/100ML- 540MG/100ML (Levetiracetam in Sodium Chloride)	NF	
levetiracetam soln or 100 mg/ml, 500 mg/5ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
levetiracetam tabs or 250 mg, 500 mg, 750 mg, 1000 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
levetiracetam tb24 or 500 mg, 750 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
LYRICA CAPS 150 MG, 200 MG, 225 MG	\$0- \$8.35 (Tier 2)	QL(2 ea daily); MO
LYRICA CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG	\$0- \$8.35 (Tier 2)	QL(3 ea daily); MO
LYRICA CAPS 300 MG	\$0- \$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
LYRICA SOLN 20 MG/ML	\$0- \$8.35 (Tier 2)	SL(30 ml daily); MO
MYSOLINE TABS (Primidone)	NF	MO
NEURONTIN CAPS (Gabapentin)	NF	MO
NEURONTIN SOLN (Gabapentin)	NF	MO
NEURONTIN TABS (Gabapentin)	NF	MO
oxcarbazepine susp	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
oxcarbazepine tabs	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
POTIGA TABS 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(6 ea daily); MO
POTIGA TABS 300 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
POTIGA TABS 400 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(3 ea daily); MO
POTIGA TABS 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(24 ea daily); MO
<i>primidone tabs or 50 mg, 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SPRITAM TB3D 1000 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(3 ea daily); MO
SPRITAM TB3D 250 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(12 ea daily); MO
SPRITAM TB3D 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(6 ea daily); MO
SPRITAM TB3D 750 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
TEGRETOL SUSP (<i>Carbamazepine</i>)	NF	MO
TEGRETOL TABS (<i>Carbamazepine</i>)	NF	MO
TEGRETOL-XR TB12 (<i>Carbamazepine</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TOPAMAX SPRINKLE CPSP (<i>Topiramate</i>)	NF	MO
TOPAMAX TABS (<i>Topiramate</i>)	NF	MO
<i>topiramate csp or 15 mg, 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>topiramate tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRILEPTAL SUSP (<i>Oxcarbazepine</i>)	NF	MO
TRILEPTAL TABS (<i>Oxcarbazepine</i>)	NF	MO
VIMPAT SOLN IV 200 MG/20ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VIMPAT SOLN OR 10 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIMPAT TABS OR 50 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZONEGRAN CAPS (<i>Zonisamide</i>)	NF	MO
<i>zonisamide caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Carbamates		
<i>felbamate susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>felbamate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FELBATOL SUSP (<i>Felbamate</i>)	NF	MO
FELBATOL TABS (<i>Felbamate</i>)	NF	MO
GABA Modulators		
GABITRIL TABS 12 MG, 16 MG (<i>Tiagabine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
GABITRIL TABS 2 MG, 4 MG (<i>Tiagabine HCl</i>)	NF	MO
SABRIL PACK (<i>Vigabatrin</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
SABRIL TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
<i>tiagabine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>vigabatrin pack</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	LA
Hydantoins		
CEREBYX SOLN 100 MG PE/2ML (<i>Fosphenytoin Sodium</i>)	NF	
CEREBYX SOLN 500 MG PE/10ML (<i>Fosphenytoin Sodium</i>)	NF	MO
DILANTIN-125 SUSP (<i>Phenytoin</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fosphenytoin sodium soln 100 mg pe/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fosphenytoin sodium soln 500 mg pe/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PEGANONE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PHENYTEK CAPS (<i>Phenytoin Sodium Extended</i>)	NF	MO
<i>phenytoin chew or 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>phenytoin sodium extended caps 30 mg, 100 mg, 200 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>phenytoin sodium soln ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>phenytoin susp or 125 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Succinimides		
CELONTIN CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>ethosuximide caps or 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ethosuximide soln or 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ZARONTIN CAPS (<i>Ethosuximide</i>)	NF	MO
ZARONTIN SOLN (<i>Ethosuximide</i>)	NF	MO
Valproic Acid		
DEPACON SOLN (<i>Valproate Sodium</i>)	NF	
DEPAKENE CAPS (<i>Valproic Acid</i>)	NF	MO
DEPAKENE SOLN (<i>Valproate Sodium</i>)	NF	MO
DEPAKOTE ER TB24 (<i>Divalproex Sodium</i>)	NF	MO
DEPAKOTE SPRINKLES CSDR (<i>Divalproex Sodium</i>)	NF	MO
DEPAKOTE TBEC (<i>Divalproex Sodium</i>)	NF	MO
<i>divalproex sodium csdr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>divalproex sodium tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>divalproex sodium tbec</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>valproate sodium soln iv 100 mg/ml, 500 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>valproate sodium soln or 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>valproic acid caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mirtazapine tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
REMERON SOLTAB TBDP (<i>Mirtazapine</i>)	NF	MO
REMERON TABS (<i>Mirtazapine</i>)	NF	MO
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl tabs or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4.5 ea daily); MO
<i>bupropion hcl tabs or 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>bupropion hcl tb12 or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>bupropion hcl tb12 or 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.66 ea daily); MO
<i>bupropion hcl tb12 or 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bupropion hcl tb24 or 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>bupropion hcl tb24 or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
FORFIVO XL TB24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
<i>maprotiline hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
WELLBUTRIN SR TB12 100 MG (<i>Bupropion HCl</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
WELLBUTRIN SR TB12 150 MG (<i>Bupropion HCl</i>)	NF	SL(2.66 ea daily); MO
WELLBUTRIN SR TB12 200 MG (<i>Bupropion HCl</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
WELLBUTRIN XL TB24 150 MG (<i>Bupropion HCl</i>)	NF	SL(3 ea daily); MO
WELLBUTRIN XL TB24 300 MG (<i>Bupropion HCl</i>)	NF	SL(1.5 ea daily); MO
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM PT24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MARPLAN TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NARDIL TABS (<i>Phenelzine Sulfate</i>)	NF	MO
PARNATE TABS (<i>Tranylcypromine Sulfate</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>phenelzine sulfate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tranylcypromine sulfate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
CELEXA TABS 10 MG (<i>Citalopram Hydrobromide</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
CELEXA TABS 20 MG (<i>Citalopram Hydrobromide</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
CELEXA TABS 40 MG (<i>Citalopram Hydrobromide</i>)	NF	SL(1 ea daily); MO
<i>citalopram hydrobromide soln 10 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(20 ml daily); MO
<i>citalopram hydrobromide tabs 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>citalopram hydrobromide tabs 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>citalopram hydrobromide tabs 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
<i>escitalopram oxalate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>escitalopram oxalate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluoxetine hcl caps or 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluoxetine hcl cpdr or 90 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluoxetine hcl soln or 20 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluoxetine hcl tabs or 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluvoxamine maleate cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluvoxamine maleate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LEXAPRO SOLN (<i>Escitalopram Oxalate</i>)	NF	MO
LEXAPRO TABS (<i>Escitalopram Oxalate</i>)	NF	MO
<i>paroxetine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>paroxetine hcl tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PAXIL CR TB24 (<i>Paroxetine HCl</i>)	NF	MO
PAXIL SUSP 10 MG/5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PAXIL TABS 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG (<i>Paroxetine HCl</i>)	NF	MO
PROZAC CAPS (<i>Fluoxetine HCl</i>)	NF	MO
PROZAC WEEKLY CPDR (<i>Fluoxetine HCl</i>)	NF	MO
<i>sertraline hcl conc or 20 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sertraline hcl tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ZOLOFT CONC (<i>Sertraline HCl</i>)	NF	MO
ZOLOFT TABS (<i>Sertraline HCl</i>)	NF	MO
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>trazodone hcl tabs or 50 mg, 100 mg, 150 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRINTELLIX TABS 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; QL(2 ea daily); MO
TRINTELLIX TABS 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; QL(1 ea daily); MO
TRINTELLIX TABS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; QL(4 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VIIBRYD STARTER PACK KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
VIIBRYD TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors		
CYMBALTA CPEP (<i>Duloxetine HCl</i>)	NF	MO
DESVENLAFAXINE ER TB24 50 MG, 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
<i>desvenlafaxine succinate tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>duloxetine hcl cpep 20 mg, 30 mg, 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EFFEXOR XR CP24 150 MG (<i>Venlafaxine HCl</i>)	NF	SL(1.5 ea daily); MO
EFFEXOR XR CP24 37.5 MG (<i>Venlafaxine HCl</i>)	NF	SL(6 ea daily); MO
EFFEXOR XR CP24 75 MG (<i>Venlafaxine HCl</i>)	NF	SL(3 ea daily); MO
FETZIMA CP24 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; QL(2 ea daily); MO
FETZIMA CP24 40 MG, 80 MG, 120 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; QL(1 ea daily); MO
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KHEDEZLA TB24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
PRISTIQ TB24 (<i>Desvenlafaxine Succinate</i>)	NF	MO
<i>venlafaxine hcl cp24 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl cp24 37.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl cp24 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
VENLAFAXINE HCL ER TB24 225 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; SL(1 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tabs 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3.75 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tabs 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(15 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tabs 37.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(10 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tabs 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(7.5 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tabs 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(5 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>venlafaxine hcl tb24 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tb24 225 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	ST; SL(1 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tb24 37.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>venlafaxine hcl tb24 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>amoxapine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANAFRANIL CAPS (<i>Clomipramine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>clomipramine hcl caps or 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>desipramine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg, 100 mg, 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxepin hcl caps or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg, 100 mg, 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>doxepin hcl conc or 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ELAVIL TABS (<i>Amitriptyline HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>imipramine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>imipramine pamoate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
NORPRAMIN TABS (<i>Desipramine HCl</i>)	NF	MO
<i>nortriptyline hcl caps or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nortriptyline hcl soln or 10 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PAMELOR CAPS (<i>Nortriptyline HCl</i>)	NF	MO
<i>protriptyline hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SURMONTIL CAPS (<i>Trimipramine Maleate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
TOFRANIL TABS (<i>Imipramine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>trimipramine maleate caps or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>acarbose tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
GLYSET TABS (<i>Miglitol</i>)	NF	QL(3 ea daily); MO
<i>miglitol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
PRECOSE TABS (<i>Acarbose</i>)	NF	QL(3 ea daily); MO
Antidiabetic - Amylin Analogs		
SYMLINPEN 120 SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 12mls per month; QL(0.4 ml daily); MO
SYMLINPEN 60 SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 12mls per month; QL(0.4 ml daily); MO
Antidiabetic Combinations		
ACTOPLUS MET TABS (<i>Pioglitazone HCl-Metformin HCl</i>)	NF	SL(3 ea daily); MO
ALOGLIPTIN/METFORMIN HCL TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 12.5MG-15MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 12.5MG-30MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.5 ea daily); MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 25MG-15MG, 25MG-30MG, 25MG-45MG, 12.5MG-45MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DUETACT TABS (<i>Pioglitazone HCl-Glimepiride</i>)	NF	SL(1.5 ea daily); MO
<i>glipizide-metformin hcl tabs 2.5mg-250mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>glipizide-metformin hcl tabs 5mg-500mg, 2.5mg-500mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
GLUCOVANCE TABS (<i>Glyburide-Metformin</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(4 ea daily); MO
<i>glyburide-metformin tabs 1.25mg-250mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(8 ea daily); MO
<i>glyburide-metformin tabs 5mg-500mg, 2.5mg-500mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(4 ea daily); MO
INVOKAMET TABS 150MG-500MG, 50MG-1000MG, 150MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
INVOKAMET TABS 50MG-500MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
INVOKAMET XR TB24 150MG-500MG, 50MG-1000MG, 150MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
INVOKAMET XR TB24 50MG-500MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
JANUMET TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
JANUMET XR TB24 100MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(1 ea daily); MO
JANUMET XR TB24 50MG-500MG, 50MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
JENTADUETO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
JENTADUETO XR TB24 2.5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
JENTADUETO XR TB24 5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(1 ea daily); MO
KAZANO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
KOMBIGLYZE XR TB24 2.5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
KOMBIGLYZE XR TB24 5MG-500MG, 5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO
OSENI TABS 12.5MG-15MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
OSENI TABS 12.5MG-30MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.5 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OSENI TABS 25MG-15MG, 25MG-30MG, 25MG-45MG, 12.5MG-45MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO
<i>pioglitazone hcl-glimepiride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
REPAGLINIDE/METFORMIN HYDROCHLORIDE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(5 ea daily); MO
SYNJARDY TABS 5MG-1000MG, 12.5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
SYNJARDY TABS 5MG-500MG, 12.5MG-500MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
SYNJARDY XR TB24 25MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(1 ea daily); MO
SYNJARDY XR TB24 5MG-1000MG, 10MG-1000MG, 12.5MG-1000MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
Biguanides		
FORTAMET TB24 1000 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	Osmotic;SL(2.5 ea daily); MO
FORTAMET TB24 500 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	Osmotic;SL(5 ea daily); MO
GLUCOPHAGE TABS 1000 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	SL(2.55 ea daily); MO
GLUCOPHAGE TABS 500 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	SL(5.1 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GLUCOPHAGE TABS 850 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	SL(3 ea daily); MO
GLUCOPHAGE XR TB24 500 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
GLUCOPHAGE XR TB24 750 MG (<i>Metformin HCl</i>)	NF	SL(2.66 ea daily); MO
<i>metformin hcl tabs or 1000 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.55 ea daily); MO
<i>metformin hcl tabs or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(5.1 ea daily); MO
<i>metformin hcl tabs or 850 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>metformin hcl tb24 or 1000 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Osmotic;SL(2.5 ea daily); MO
<i>metformin hcl tb24 or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>metformin hcl tb24 or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Osmotic;SL(5 ea daily); MO
<i>metformin hcl tb24 or 750 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.66 ea daily); MO
Diabetic Other		
GLUCAGEN HYPOKIT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GLUCAGON EMERGENCY KIT KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
KORLYM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); LA; MO
PROGLYCEM SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
ALOGLIPTIN TABS 12.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(2 ea daily); MO
ALOGLIPTIN TABS 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(1 ea daily); MO
ALOGLIPTIN TABS 6.25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(4 ea daily); MO
JANUVIA TABS 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily); MO
JANUVIA TABS 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(4 ea daily); MO
JANUVIA TABS 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(2 ea daily); MO
NESINA TABS 12.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NESINA TABS 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(1 ea daily); MO
NESINA TABS 6.25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(4 ea daily); MO
ONGLYZA TABS 2.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(2 ea daily); MO
ONGLYZA TABS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(1 ea daily); MO
TRADJENTA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily); MO
Dopamine Receptor Agonists - Antidiabetic		
CYCLOSET TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(6 ea daily); MO
Incretin Mimetic Agents (GLP-1 Receptor)		
BYDUREON BCISE AUJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
BYDUREON PEN PEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
BYDUREON SRER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
BYETTA SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VICTOZA SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; Limit 9mls per month; QL(0.3 ml daily); MO
Insulin Sensitizing Agents		
ACTOS TABS 15 MG (Pioglitazone HCl)	NF	SL(3 ea daily); MO
ACTOS TABS 30 MG (Pioglitazone HCl)	NF	SL(1.5 ea daily); MO
ACTOS TABS 45 MG (Pioglitazone HCl)	NF	SL(1 ea daily); MO
AVANDIA TABS 2 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
AVANDIA TABS 4 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
<i>pioglitazone hcl tabs 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>pioglitazone hcl tabs 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>pioglitazone hcl tabs 45 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
Insulin		
HUMALOG JUNIOR KWIKPEN SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month; QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG KWIKPEN SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month; QL(1.5 ml daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HUMALOG MIX 50/50 KWIKPEN SUPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG MIX 50/50 SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG MIX 75/25 KWIKPEN SUPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG MIX 75/25 SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG SOCT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMALOG SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN 70/30 KWIKPEN SUPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN 70/30 SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN N KWIKPEN SUPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN N SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HUMULIN R SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
LANTUS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
LANTUS SOLOSTAR SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
LEVEMIR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO
TOUJEO MAX SOLOSTAR SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 15mls per month;QL(0.5 ml daily); MO
TOUJEO SOLOSTAR SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 15mls per month;QL(0.5 ml daily); MO
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN 100 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 45mls per month;QL(1.5 ml daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN 200 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 27mls per month;QL(0.9 ml daily); MO
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
PRANDIN TABS 0.5 MG (<i>Repaglinide</i>)	NF	SL(32 ea daily); MO
PRANDIN TABS 1 MG (<i>Repaglinide</i>)	NF	SL(16 ea daily); MO
PRANDIN TABS 2 MG (<i>Repaglinide</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
<i>repaglinide tabs 0.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(32 ea daily); MO
<i>repaglinide tabs 1 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
<i>repaglinide tabs 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
STARLIX TABS (<i>Nateglinide</i>)	NF	QL(3 ea daily); MO
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2)		
INVOKANA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
JARDIANCE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Sulfonylureas		
AMARYL TABS 1 MG (<i>Glimepiride</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AMARYL TABS 2 MG (<i>Glimepiride</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
AMARYL TABS 4 MG (<i>Glimepiride</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
<i>glimepiride tabs 1 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>glimepiride tabs 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>glimepiride tabs 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>glipizide tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>glipizide tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>glipizide tb24 or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>glipizide tb24 or 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>glipizide tb24 or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
GLUCOTROL TABS 10 MG (<i>Glipizide</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
GLUCOTROL TABS 5 MG (<i>Glipizide</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
GLUCOTROL XL TB24 10 MG (<i>Glipizide</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GLUCOTROL XL TB24 2.5 MG (<i>Glipizide</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
GLUCOTROL XL TB24 5 MG (<i>Glipizide</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
<i>glyburide micronized tabs 1.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(8 ea daily); MO
<i>glyburide micronized tabs 3 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(4 ea daily); MO
<i>glyburide micronized tabs 6 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
<i>glyburide tabs or 1.25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(16 ea daily); MO
<i>glyburide tabs or 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(8 ea daily); MO
<i>glyburide tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(4 ea daily); MO
GLYNASE TABS 1.5 MG (<i>Glyburide Micronized</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(8 ea daily); MO
GLYNASE TABS 3 MG (<i>Glyburide Micronized</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(4 ea daily); MO
GLYNASE TABS 6 MG (<i>Glyburide Micronized</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
<i>tolazamide tabs 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tolazamide tabs 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>tolbutamide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antidiarrheal/Probiotic Agents - Misc.		
<i>bismuth subsalicylate chew or 262 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>bismuth subsalicylate susp or 262 mg/15ml, 525 mg/30ml, 527 mg/30ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>bismuth subsalicylate susp or 525 mg/15ml</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>bismuth subsalicylate tabs or 262 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
PEPTO BISMOL TABS (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	NT
PEPTO-BISMOL CHEW 262 MG (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	MO; NT
PEPTO-BISMOL INSTACOOOL CHEW (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	MO; NT
PEPTO-BISMOL MAX STRENGTH SUSP (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	NT
PEPTO-BISMOL SUSP 262 MG/15ML (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	MO; NT
PEPTO-BISMOL TO-GO CHEW (<i>Bismuth Subsalicylate</i>)	NF	MO; NT
Antiperistaltic Agents		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>diphenoxylate w/ atropine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
IMODIUM A-D CAPS 2 MG (<i>Loperamide HCl</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
LOMOTIL TABS (<i>Diphenoxylate w/ Atropine</i>)	NF	MO
<i>loperamide hcl caps or 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO

ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS

Antidotes - Chelating Agents

EXJADE TBSO	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
FERRIPROX TABS 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
JADENU SPRINKLE PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
JADENU TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Antidotes and Specific Antagonists

VISTOGARD PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
----------------	---------------------	----

Opioid Antagonists

<i>naloxone hcl sosy ij 2 mg/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
--------------------------------------	---------------------	--

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>naltrexone hcl tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting

5-HT3 Receptor Antagonists

<i>granisetron hcl tabs or 1 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>ondansetron hcl soln ij 4 mg/2ml, 40 mg/20ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ondansetron hcl soln or 4 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>ondansetron hcl tabs or 24 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
<i>ondansetron hcl tabs or 4 mg, 8 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>ondansetron tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
ZOFRAN ODT TBDP (<i>Ondansetron</i>)	NF	B/D; MO
ZOFRAN SOLN (<i>Ondansetron HCl</i>)	NF	B/D; MO
ZOFRAN TABS (<i>Ondansetron HCl</i>)	NF	B/D; MO

Antiemetics - Anticholinergic

<i>meclizine hcl chew or 25 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
------------------------------------	--------------	--------

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>meclizine hcl tabs or 25 mg, 12.5 mg</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>meclizine hcl tabs or 25 mg, 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>scopolamine pt72</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TIGAN SOLN IM 100 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRANSDERM-SCOP PT72	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRANSDERM-SCOP PT72 (<i>Scopolamine</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Antiemetics - Miscellaneous		
CESAMET CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
<i>dronabinol caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
MARINOL CAPS (<i>Dronabinol</i>)	NF	B/D; MO
SYNDROS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>aprepitant caps 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>aprepitant caps 80 mg, 125 mg,</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
EMEND CAPS OR 40 MG (<i>Aprepitant</i>)	NF	PA; MO
EMEND CAPS OR 80 MG, 125 MG (<i>Aprepitant</i>)	NF	B/D; MO
EMEND TRIPACK CAPS (<i>Aprepitant</i>)	NF	B/D; MO
VARUBI TABS OR 90 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
CANCIDAS SOLR 50 MG (<i>Caspofungin Acetate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CANCIDAS SOLR 70 MG (<i>Caspofungin Acetate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CASPOFUNGIN ACETATE SOLR 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>casprofungin acetate solr 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CASPOFUNGIN ACETATE SOLR 70 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>casprofungin acetate solr 70 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ERAXIS SOLR 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MYCAMINE SOLR 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MYCAMINE SOLR 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Antifungals		
ABELCET SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMBISOME SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>amphotericin b solr ij 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
ANCOBON CAPS 500 MG (<i>Flucytosine</i>)	NF	MO
<i>flucytosine caps 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
GRIS-PEG TABS (<i>Griseofulvin Ultramicrosize</i>)	NF	MO
<i>griseofulvin microsize susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>griseofulvin microsize tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>griseofulvin ultramicrosize tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LAMISIL TABS 250 MG (<i>Terbinafine HCl</i>)	NF	MO
<i>nystatin tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>terbinafine hcl tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS OR 186 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CRESEMBA SOLR IV 372 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DIFLUCAN SUSR (<i>Fluconazole</i>)	NF	MO
DIFLUCAN TABS (<i>Fluconazole</i>)	NF	MO
<i>fluconazole in dextrose soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluconazole in nacl soln 200mg/100ml-0.9%, 400mg/200ml-0.9%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluconazole susr or 10 mg/ml, 40 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluconazole tabs or 50 mg, 100 mg, 150 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>itraconazole caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ketoconazole tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NOXAFIL SOLN IV 300 MG/16.7ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NOXAFIL SUSP OR 40 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NOXAFIL TBEC OR 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SPORANOX CAPS 100 MG (<i>Itraconazole</i>)	NF	MO
SPORANOX PULSEPAK CAPS (<i>Itraconazole</i>)	NF	MO
VFEND IV SOLR (<i>Voriconazole</i>)	NF	
VFEND SUSR (<i>Voriconazole</i>)	NF	MO
VFEND TABS (<i>Voriconazole</i>)	NF	MO
<i>voriconazole solr iv 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>voriconazole susr or 40 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>voriconazole tabs or 50 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
CHLOR-TRIMETON SYRP 2 MG/5ML (<i>Chlorpheniramine Maleate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; NT
CHLOR-TRIMETON TABS 4 MG (<i>Chlorpheniramine Maleate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>chlorpheniramine maleate syrp or 2 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>chlorpheniramine maleate tabs or 4 mg</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
ED CHLORPED LIQD	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
Antihistamines - Ethanolamines		
BENADRYL ALLERGY CAPS (<i>Diphenhydramine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
BENADRYL ALLERGY CHILDRENS LIQD 12.5 MG/5ML (<i>Diphenhydramine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
BENADRYL ALLERGY TABS (<i>Diphenhydramine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>carbinoxamine maleate soln 4 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carbinoxamine maleate tabs 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>clemastine fumarate tabs or 2.68 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>diphenhydramine hcl caps or 25 mg</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>diphenhydramine hcl caps or 50 mg</i>	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
<i>diphenhydramine hcl elix or 12.5 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; RX/OTC
<i>diphenhydramine hcl liqd or 25 mg/10ml, 50 mg/20ml, 12.5 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>diphenhydramine hcl soln ij 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diphenhydramine hcl syrp or 12.5 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>diphenhydramine hcl tabs or 25 mg</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
SILPHEN COUGH SYRP	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl chew 5 mg, 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>cetirizine hcl soln 1 mg/ml, 5 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cetirizine hcl tabs 5 mg, 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CLARINEX TABS 5 MG (<i>Desloratadine</i>)	NF	MO
CLARITIN ALLERGY CHILDRENS SYRP (<i>Loratadine</i>)	NF	MO; NT
CLARITIN REDITABS TBDP 10 MG (<i>Loratadine</i>)	NF	MO; NT
CLARITIN SYRP 5 MG/5ML (<i>Loratadine</i>)	NF	MO; NT
CLARITIN TABS 10 MG (<i>Loratadine</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO; NT
<i>desloratadine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desloratadine tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levocetirizine dihydrochloride soln 2.5 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>levocetirizine dihydrochloride tabs 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>loratadine soln or 5 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>loratadine syrp or 5 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>loratadine tabs or 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	QL(1 ea daily); MO; NT
<i>loratadine tbdp or 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
XYZAL ALLERGY 24HR TABS (<i>Levocetirizine Dihydrochloride</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
XYZAL SOLN (<i>Levocetirizine Dihydrochloride</i>)	NF	RX/OTC; MO
XYZAL TABS (<i>Levocetirizine Dihydrochloride</i>)	NF	RX/OTC; MO
ZYRTEC ALLERGY TABS (<i>Cetirizine HCl</i>)	NF	MO; NT
ZYRTEC CHILDRENS ALLERGY SOLN (<i>Cetirizine HCl</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
Antihistamines - Phenothiazines		
PHENERGAN SOLN (<i>Promethazine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>promethazine hcl soln ij 25 mg/ml, 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>promethazine hcl soln or 6.25 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>promethazine hcl supp re 25 mg, 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>promethazine hcl syrpf or 6.25 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>promethazine hcl tabs or 25 mg, 50 mg, 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl syrpf or 2 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cyproheptadine hcl tabs or 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Misc.		
KYNAMRO SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
LOVAZA CAPS (<i>Omega-3-acid Ethyl Esters</i>)	NF	MO
<i>omega-3-acid ethyl esters caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VASCEPA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light pack</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cholestyramine light powd</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cholestyramine pack or 4 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cholestyramine powd or 4 gm/dose</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>colesevelam hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
COLESTID FLAVORED GRAN 5 GM (<i>Colestipol HCl</i>)	NF	MO
COLESTID GRAN (<i>Colestipol HCl</i>)	NF	MO
COLESTID PACK (<i>Colestipol HCl</i>)	NF	MO
COLESTID TABS (<i>Colestipol HCl</i>)	NF	MO
<i>colestipol hcl gran</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>colestipol hcl pack</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>colestipol hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
QUESTRAN LIGHT POWD (<i>Cholestyramine Light</i>)	NF	MO
QUESTRAN PACK (<i>Cholestyramine</i>)	NF	MO
QUESTRAN POWD (<i>Cholestyramine</i>)	NF	MO
WELCHOL PACK 3.75 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
WELCHOL TABS 625 MG (<i>Colesevelam HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Fibric Acid Derivatives		
ANTARA CAPS 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4.33 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ANTARA CAPS 90 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(1.44 ea daily); MO
<i>choline fenofibrate cpdr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fenofibrate micronized caps 130 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
<i>fenofibrate micronized caps 43 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3.02 ea daily); MO
<i>fenofibrate micronized caps 67 mg, 134 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fenofibrate tabs 48 mg, 54 mg, 145 mg, 160 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gemfibrozil tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOFIBRA CAPS (<i>Fenofibrate Micronized</i>)	NF	MO
LOFIBRA TABS (<i>Fenofibrate</i>)	NF	MO
LOPID TABS (<i>Gemfibrozil</i>)	NF	MO
TRICOR TABS (<i>Fenofibrate</i>)	NF	MO
TRIGLIDE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRILIPIX CPDR (<i>Choline Fenofibrate</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CRESTOR TABS (<i>Rosuvastatin Calcium</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
<i>fluvastatin sodium caps 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ea daily); MO
<i>fluvastatin sodium caps 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2 ea daily); MO
<i>fluvastatin sodium tb24 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LESCOL XL TB24 (<i>Fluvastatin Sodium</i>)	NF	MO
LIPITOR TABS (<i>Atorvastatin Calcium</i>)	NF	MO
<i>lovastatin tabs 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
<i>lovastatin tabs 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(2 ea daily); MO
MEVACOR TABS (<i>Lovastatin</i>)	NF	QL(2 ea daily); MO
PRAVACHOL TABS (<i>Pravastatin Sodium</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
<i>pravastatin sodium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>rosuvastatin calcium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
<i>simvastatin tabs or 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
<i>simvastatin tabs or 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
ZOCOR TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG (<i>Simvastatin</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
ZOCOR TABS 80 MG (<i>Simvastatin</i>)	NF	SL(1 ea daily); MO
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
ZETIA TABS (<i>Ezetimibe</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
Microsomal Triglyceride Transfer Protein (MTP)		
JUXTAPID CAPS 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(6 ea daily); LA; MO
JUXTAPID CAPS 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(3 ea daily); LA; MO
JUXTAPID CAPS 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); LA; MO
JUXTAPID CAPS 40 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.5 ea daily); LA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
JUXTAPID CAPS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(12 ea daily); LA; MO
JUXTAPID CAPS 60 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); LA; MO
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) tbc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NIASPAN TBCR (<i>Niacin (Antihyperlipidemic)</i>)	NF	MO
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9		
PRALUENT SOPN 150 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 2mls per 28 days;SL(0.08 ml daily)
PRALUENT SOPN 75 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 4mls per 28 days;SL(0.15 ml daily)
PRALUENT SOSY 150 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 2mls per 28 days;SL(0.08 ml daily)
PRALUENT SOSY 75 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 4mls per 28 days;SL(0.15 ml daily)
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REPATHA SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
REPATHA SURECLICK SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
ACCUPRIL TABS (<i>Quinapril HCl</i>)	NF	MO
ACEON TABS 4 MG (<i>Perindopril Erbumine</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
ACEON TABS 8 MG (<i>Perindopril Erbumine</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
ALTACE CAPS (<i>Ramipril</i>)	NF	MO
<i>benazepril hcl tabs or 5 mg, 10 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>captopril tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg, 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>enalapril maleate tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>enalapril maleate tabs or 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
<i>enalapril maleate tabs or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>enalapril maleate tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fosinopril sodium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lisinopril tabs or 5 mg, 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOTENSIN TABS (<i>Benazepril HCl</i>)	NF	MO
MAVIK TABS (<i>Trandolapril</i>)	NF	MO
<i>moexipril hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>perindopril erbumine tabs 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>perindopril erbumine tabs 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>perindopril erbumine tabs 8 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
PRINIVIL TABS (<i>Lisinopril</i>)	NF	MO
<i>quinapril hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ramipril caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>trandolapril tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VASOTEC TABS 10 MG (<i>Enalapril Maleate</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
VASOTEC TABS 2.5 MG (<i>Enalapril Maleate</i>)	NF	SL(16 ea daily); MO
VASOTEC TABS 20 MG (<i>Enalapril Maleate</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
VASOTEC TABS 5 MG (<i>Enalapril Maleate</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
ZESTRIL TABS (<i>Lisinopril</i>)	NF	MO
Agents for Pheochromocytoma		
DEMSER CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIBENZYLIN CAPS (<i>Phenoxybenzamine HCl</i>)	NF	MO
<i>phenoxybenzamine hcl caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Angiotensin II Receptor Antagonists		
ATACAND TABS (<i>Candesartan Cilexetil</i>)	NF	MO
AVAPRO TABS (<i>Irbesartan</i>)	NF	MO
<i>candesartan cilexetil tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COZAAR TABS (<i>Losartan Potassium</i>)	NF	MO
DIOVAN TABS (<i>Valsartan</i>)	NF	MO
<i>eprosartan mesylate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>irbesartan tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>losartan potassium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>valsartan tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiadrenergic Antihypertensives		
CARDURA TABS (<i>Doxazosin Mesylate</i>)	NF	MO
CATAPRES TABS (<i>Clonidine HCl</i>)	NF	MO
CATAPRES-TTS-1 PTWK (<i>Clonidine HCl</i>)	NF	MO
CATAPRES-TTS-2 PTWK (<i>Clonidine HCl</i>)	NF	MO
CATAPRES-TTS-3 PTWK (<i>Clonidine HCl</i>)	NF	MO
<i>clonidine hcl ptwk td 0.1 mg/24hr, 0.2 mg/24hr, 0.3 mg/24hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clonidine hcl tabs or 0.1 mg, 0.2 mg, 0.3 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxazosin mesylate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>guanfacine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
MINIPRESS CAPS (<i>Prazosin HCl</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>prazosin hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TENEX TABS (<i>Guanfacine HCl</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>terazosin hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antihypertensive Combinations		
ACCURETIC TABS (<i>Quinapril-Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ATACAND HCT TABS (<i>Candesartan Cilexetil-Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>atenolol & chlorthalidone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
AVALIDE TABS (<i>Irbesartan-Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>benazepril & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>captopril & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CORZIDE TABS (<i>Nadolol & Bendroflumethiazide</i>)	NF	MO
DIOVAN HCT TABS (<i>Valsartan-Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
HYZAAR TABS (<i>Losartan Potassium & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOPRESSOR HCT TABS (<i>Metoprolol & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOTENSIN HCT TABS (<i>Benazepril & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
LOTREL CAPS (<i>Amlodipine Besylate-Benazepril HCl</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tabs 50mg-25mg, 100mg-25mg, 100mg-50mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>moexipril-hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nadolol & bendroflumethiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>quinapril-hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TEKTURNA HCT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TENORETIC 100 TABS (<i>Atenolol & Chlorthalidone</i>)	NF	MO
TENORETIC 50 TABS (<i>Atenolol & Chlorthalidone</i>)	NF	MO
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VASERETIC TABS (<i>Enalapril Maleate & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
ZESTORETIC TABS (<i>Lisinopril & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
ZIAC TABS (<i>Bisoprolol & Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
Direct Renin Inhibitors		
TEKTURNA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Selective Aldosterone Receptor Antagonists		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>eplerenone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
INSPRA TABS (<i>Eplerenone</i>)	NF	MO
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>minoxidil tabs or 10 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl tabs 250mg-100mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COARTEM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MALARONE TABS 250MG-100MG (<i>Atovaquone-Proguanil HCl</i>)	NF	MO
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate tabs or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DARAPRIM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hydroxychloroquine sulfate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mefloquine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PLAQUENIL TABS (<i>Hydroxychloroquine Sulfate</i>)	NF	MO
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>primaquine phosphate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
QUALAQUIN CAPS (<i>Quinine Sulfate</i>)	NF	PA; MO
<i>quinine sulfate caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
GUANIDINE HCL TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MESTINON TABS 60 MG (<i>Pyridostigmine Bromide</i>)	NF	MO
MESTINON TIMESPAN TBCR (<i>Pyridostigmine Bromide</i>)	NF	MO
<i>pyridostigmine bromide tabs or 60 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pyridostigmine bromide tbc</i> or 180 mg	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Anti TB Combinations		
<i>isoniazid & rifampin caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
RIFATER TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Antimycobacterial Agents		
<i>aminosalicylic acid pack</i> or	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CAPASTAT SULFATE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ethambutol hcl tabs</i> or 100 mg, 400 mg	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>isoniazid tabs</i> or 100 mg, 300 mg	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MYAMBUTOL TABS (<i>Ethambutol HCl</i>)	NF	MO
MYCOBUTIN CAPS (<i>Rifabutin</i>)	NF	MO
PRIFTIN TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pyrazinamide tabs</i> or	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>rifabutin caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
RIFADIN CAPS OR 150 MG, 300 MG (<i>Rifampin</i>)	NF	MO
RIFADIN SOLR IV 600 MG (<i>Rifampin</i>)	NF	
<i>rifampin caps</i> or 150 mg, 300 mg	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>rifampin solr iv</i> 600 mg	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SIRTURO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
TRECTOR TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
ALKERAN SOLR IV 50 MG (<i>Melphalan HCl</i>)	NF	
ALKERAN TABS OR 2 MG (<i>Melphalan</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
BENDEKA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BICNU SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>busulfan soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BUSULFEX SOLN (<i>Busulfan</i>)	NF	
<i>carboplatin soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cisplatin soln 50 mg/50ml, 100 mg/100ml, 200 mg/200ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cyclophosphamide caps or 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
CYCLOPHOSPHAMIDE CAPS OR 25 MG, 50 MG (<i>Cyclophosphamide</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
EVOMELA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GLEOSTINE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
HEXALEN CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
IFEX SOLR 1 GM (<i>Ifosfamide</i>)	NF	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
IFEX SOLR 3 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ifosfamide soln 1 gm/20ml, 3 gm/60ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ifosfamide solr 1 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
IFOSFAMIDE SOLR 3 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LEUKERAN TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>melphalan hcl solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>melphalan tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
MUSTARGEN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>oxaliplatin soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxaliplatin solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TEMODAR SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>thiotepa solr ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TREANDA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
YONDELIS SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
ZANOSAR SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Antimetabolites		
ALIMTA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ARRANON SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>azacitidine susr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cladribine soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>clofarabine soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CLOLAR SOLN (Clofarabine)	NF	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cytarabine soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
DACOGEN SOLR (Decitabine)	NF	
<i>decitabine solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fludarabine phosphate solr 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluorouracil soln iv 1 gm/20ml, 5 gm/100ml, 2.5 gm/50ml, 500 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
FOLOTYN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>gemcitabine hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gemcitabine hcl solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GEMZAR SOLR (Gemcitabine HCl)	NF	
<i>mercaptopurine tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methotrexate sodium soln ij 1 gm/40ml, 50 mg/2ml, 250 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>methotrexate sodium solr ij 1 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methotrexate sodium tabs or 5 mg, 10 mg, 15 mg, 2.5 mg, 7.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PURIXAN SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TABLOID TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIDAZA SUSR (Azacitidine)	NF	
XATMEP SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
AVASTIN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CYRAMZA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
ZALTRAP SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ARZERRA CONC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BAVENCIO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
BESPOLSA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BLINCYTO SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAMPATH SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DARZALEX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
EMPLICITI SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ERBITUX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GAZYVA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
HERCEPTIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IMFINZI SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KADCYLA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KEYTRUDA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KEYTRUDA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LARTRUVO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
MYLOTARG SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
OPDIVO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PERJETA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PORTRAZZA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RITUXAN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TECENTRIQ SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VECTIBIX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
YERVOY SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antineoplastic - BCL-2 Inhibitors		
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
VENCLEXTA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
ERIVEDGE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
ODOMZO CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>anastrozole tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ARIMIDEX TABS (<i>Anastrozole</i>)	NF	MO
AROMASIN TABS (<i>Exemestane</i>)	NF	MO
<i>bicalutamide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CASODEX TABS (<i>Bicalutamide</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DEPO-PROVERA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ELIGARD KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
EMCYT CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ERLEADA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>exemestane tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FARESTON TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
FASLODEX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FEMARA TABS (<i>Letrozole</i>)	NF	MO
FIRMAGON SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>flutamide caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
HYDROXYPROGESTERONE CAPROATE SOLN IM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>letrozole tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>leuprolide acetate kit ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LUPRON DEPOT (4-MONTH) KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LUPRON DEPOT (6-MONTH) KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LYSODREN TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MEGACE ORAL SUSP (<i>Megestrol Acetate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>megestrol acetate susp or 40 mg/ml, 400 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>megestrol acetate tabs or 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
NILANDRON TABS (<i>Nilutamide</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>nilutamide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SOLTAMOX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>tamoxifen citrate tabs or 10 mg, 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRELSTAR MIXJECT SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRELSTAR SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VANTAS KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
XTANDI CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ZOLADEX IMPL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZYTIGA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
Antineoplastic Antibiotics		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bleomycin sulfate solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
COSMEGEN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dactinomycin solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>daunorubicin hcl inj</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DOXIL INJ (<i>Doxorubicin HCl Liposomal</i>)	NF	
<i>doxorubicin hcl liposomal inj</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxorubicin hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxorubicin hcl solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ELLENCE SOLN (<i>Epirubicin HCl</i>)	NF	
<i>epirubicin hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
IDAMYCIN PFS SOLN (<i>Idarubicin HCl</i>)	NF	
<i>idarubicin hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mitomycin solr iv 5 mg, 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>mitoxantrone hcl conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VALSTAR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
LONSURF TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RITUXAN HYCELA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VYXEOS SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
AFINITOR DISPERZ TBSO	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AFINITOR TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ALECENSA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ALIQOPA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ALUNBRIG TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ALUNBRIG TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
BELEODAQ SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BORTEZOMIB SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BOSULIF TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CABOMETYX TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CALQUENCE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CAPRELSA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
COMETRIQ KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
COTELLIC TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
FARYDAK CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
GILOTRIF TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
GLEEVEC TABS 100 MG (<i>Imatinib Mesylate</i>)	NF	PA
GLEEVEC TABS 400 MG (<i>Imatinib Mesylate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
IBRANCE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
ICLUSIG TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
IDHIFA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>imatinib mesylate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
IMBRUVICA CAPS 140 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
IMBRUVICA CAPS 70 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
IMBRUVICA TABS 140 MG, 280 MG, 420 MG, 560 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
INLYTA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
IRESSA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
ISTODAX (<i>OVERFILL</i>) SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ISTODAX SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
JAKAFI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
KISQALI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KYPROLIS SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
LYNPARZA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
LYNPARZA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
MEKINIST TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NERLYNX TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NEXAVAR TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
NINLARO CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ROMIDEPSIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RUBRACA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
RYDAPT CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SPRYCEL TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
STIVARGA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
SUTENT CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TAFINLAR CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TAGRISSO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TARCEVA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TASIGNA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TORISEL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TYKERB TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VELCADE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VERZENIO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
VOTRIENT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
XALKORI CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZEJULA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
ZELBORAF TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZOLINZA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZYDELIG TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
ZYKADIA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Antineoplastic Enzymes		
ERWINAZE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ONCASPAR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
<i>bexarotene caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dacarbazine solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
HYDREA CAPS (<i>Hydroxyurea</i>)	NF	MO
<i>hydroxyurea caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INTRON A SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
INTRON A SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MATULANE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
NIPENT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PROLEUKIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SYLATRON KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SYNRIBO SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TARGRETIN CAPS OR 75 MG (<i>Bexarotene</i>)	NF	
TICE BCG SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>tretinoin (chemotherapy) caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRISENOX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
UVADEX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Chemotherapy Adjuncts		
ELITEK SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KEPIVANCE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Chemotherapy Rescue/Antidote Agents		
<i>amifostine solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dexrazoxane solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ETHYOL SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
FUSILEV SOLR (<i>Levoleucovorin Calcium</i>)	NF	
<i>leucovorin calcium solr ij 50 mg, 100 mg, 200 mg, 350 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>leucovorin calcium tabs or 5 mg, 10 mg, 15 mg, 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levoleucovorin calcium soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>levoleucovorin calcium solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LEVOLEUCOVORIN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LEVOLEUCOVORIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mesna soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MESNEX SOLN IV 100 MG/ML (<i>Mesna</i>)	NF	
MESNEX TABS OR 400 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TOTECT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZINECARD SOLR (<i>Dexrazoxane</i>)	NF	
Mitotic Inhibitors		
ABRAXANE SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML, 80 MG/4ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>docetaxel conc 20 mg/ml, 80 mg/4ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML, 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>docetaxel soln 20 mg/2ml, 80 mg/8ml, 160 mg/16ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML, 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (<i>Docetaxel</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ETOPOPHOS SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>etoposide soln iv 1 gm/50ml, 100 mg/5ml, 500 mg/25ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
HALAVEN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IXEMPRA KIT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
JEVTANA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MARQIBO SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NAVELBINE SOLN 10 MG/ML (<i>Vinorelbine Tartrate</i>)	NF	
NAVELBINE SOLN 50 MG/5ML (<i>Vinorelbine Tartrate</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>paclitaxel conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TAXOL CONC (<i>Paclitaxel</i>)	NF	
TAXOTERE CONC (<i>Docetaxel</i>)	NF	
<i>vinblastine sulfate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>vincristine sulfate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>vinorelbine tartrate soln 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>vinorelbine tartrate soln 50 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR SOLN 300 MG/15ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAMPTOSAR SOLN 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (<i>Irinotecan HCl</i>)	NF	
HYCAMTIN SOLR (<i>Topotecan HCl</i>)	NF	
<i>irinotecan hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ONIVYDE INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>topotecan hcl soln 4 mg/4ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TOPOTECAN HCL SOLN 4 MG/4ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TOPOTECAN HCL SOLN 4 MG/4ML (<i>Topotecan HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>topotecan hcl solr 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjuvants		
<i>carbidopa tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LODOSYN TABS (<i>Carbidopa</i>)	NF	MO
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate soln ij 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>benztropine mesylate tabs or 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
COGENTIN SOLN (<i>Benztropine Mesylate</i>)	NF	MO
<i>trihexyphenidyl hcl elix</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>trihexyphenidyl hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
Antiparkinson COMT Inhibitors		
COMTAN TABS (<i>Entacapone</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
<i>entacapone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
TASMAR TABS (<i>Tolcapone</i>)	NF	MO
<i>tolcapone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl caps or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amantadine hcl syrp or 50 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amantadine hcl tabs or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
APOKYN SOCT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
<i>bromocriptine mesylate caps or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>bromocriptine mesylate tabs or 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carbidopa-levodopa tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbidopa-levodopa tbcr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbidopa-levodopa tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DUOPA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
MIRAPEX TABS (<i>Pramipexole Dihydrochloride</i>)	NF	MO
NEUPRO PT24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PARLODEL CAPS (<i>Bromocriptine Mesylate</i>)	NF	MO
PARLODEL TABS (<i>Bromocriptine Mesylate</i>)	NF	MO
<i>pramipexole dihydrochloride tabs 0.125 mg, 0.25 mg, 0.75 mg, 0.5 mg, 1 mg, 1.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
REQUIP TABS (<i>Ropinirole Hydrochloride</i>)	NF	MO
REQUIP XL TB24 (<i>Ropinirole Hydrochloride</i>)	NF	MO
<i>ropinirole hydrochloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ropinirole hydrochloride tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RYTARY CPR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SINEMET CR TBCR (<i>Carbidopa-Levodopa</i>)	NF	MO
SINEMET TABS (<i>Carbidopa-Levodopa</i>)	NF	MO
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
AZILECT TABS (<i>Rasagiline Mesylate</i>)	NF	MO
ELDEPRYL CAPS (<i>Selegiline HCl</i>)	NF	MO
<i>rasagiline mesylate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>selegiline hcl caps or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>selegiline hcl tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium carbonate caps or 150 mg, 300 mg, 600 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LITHIUM CARBONATE CAPS OR 600 MG (<i>Lithium Carbonate</i>)	NF	MO
<i>lithium carbonate tabs or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>lithium carbonate tbc or 300 mg, 450 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LITHIUM SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
LITHOBID TBCR (<i>Lithium Carbonate</i>)	NF	MO
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO CP12	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
GEODON CAPS OR 20 MG, 40 MG, 60 MG, 80 MG (<i>Ziprasidone HCl</i>)	NF	MO
GEODON SOLR IM 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
LATUDA TABS 120 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.33 ea daily); MO
LATUDA TABS 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(8 ea daily); MO
LATUDA TABS 40 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
LATUDA TABS 60 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2.67 ea daily); MO
LATUDA TABS 80 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NUPLAZID TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
VRAYLAR CAPS 1.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
VRAYLAR CAPS 3 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
VRAYLAR CAPS 4.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.4 ea daily); MO
VRAYLAR CAPS 6 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO
VRAYLAR CPPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
<i>ziprasidone hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Benzisoxazoles		
FANAPT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
INVEGA SUSTENNA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
INVEGA TB24 1.5 MG (<i>Paliperidone</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
INVEGA TB24 3 MG (<i>Paliperidone</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INVEGA TB24 6 MG (<i>Paliperidone</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
INVEGA TB24 9 MG (<i>Paliperidone</i>)	NF	SL(1.33 ea daily); MO
INVEGA TRINZA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>paliperidone tb24 1.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>paliperidone tb24 3 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>paliperidone tb24 6 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>paliperidone tb24 9 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.33 ea daily); MO
RISPERDAL CONSTA SUSR 12.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 8 vials per 28 days;SL(0.29 ea daily); MO
RISPERDAL CONSTA SUSR 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 4 vials per 28 days;SL(0.15 ea daily); MO
RISPERDAL CONSTA SUSR 37.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 4 vials per 42 days;SL(0.1 ea daily); MO
RISPERDAL CONSTA SUSR 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 2 vials per 28 days;SL(0.08 ea daily); MO
RISPERDAL M-TAB TBDP (<i>Risperidone</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RISPERDAL SOLN (Risperidone)	NF	MO
RISPERDAL TABS (Risperidone)	NF	MO
<i>risperidone soln 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>risperidone tabs 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>risperidone tbdp 0.25 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 3 mg, 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Butyrophenones		
HALDOL DECANOATE 100 SOLN (Haloperidol Decanoate)	NF	MO
HALDOL DECANOATE 50 SOLN (Haloperidol Decanoate)	NF	MO
HALDOL SOLN (Haloperidol Lactate)	NF	MO
<i>haloperidol decanoate soln im 50 mg/ml, 100 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>haloperidol lactate conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>haloperidol lactate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>haloperidol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Dibenzapines		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CLOZAPINE ODT TBDP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clozapine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clozapine tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CLOZARIL TABS (Clozapine)	NF	
FAZACLO TBDP 12.5 MG (Clozapine)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FAZACLO TBDP 150 MG, 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FAZACLO TBDP 25 MG, 100 MG (Clozapine)	NF	
<i>loxapine succinate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>olanzapine solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>olanzapine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>olanzapine tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>quetiapine fumarate tabs 25 mg, 50 mg, 100 mg, 200 mg, 300 mg, 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SAPHRIS SUBL 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
SAPHRIS SUBL 2.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(8 ea daily); MO
SAPHRIS SUBL 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
SEROQUEL TABS (Quetiapine Fumarate)	NF	MO
VERSACLOZ SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(18 ml daily)
ZYPREXA RELPREVV SUSR 210 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZYPREXA SOLR (Olanzapine)	NF	MO
ZYPREXA TABS (Olanzapine)	NF	MO
ZYPREXA ZYDIS TBDP (Olanzapine)	NF	MO
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl soln ij 25 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>chlorpromazine hcl soln ij 50 mg/2ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>chlorpromazine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 100 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluphenazine decanoate soln ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluphenazine hcl conc or 5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluphenazine hcl soln ij 2.5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluphenazine hcl tabs or 1 mg, 5 mg, 10 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>perphenazine tabs or 2 mg, 4 mg, 8 mg, 16 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prochlorperazine edisylate soln ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prochlorperazine maleate tabs or 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prochlorperazine supp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>thioridazine hcl tabs or 10 mg, 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>trifluoperazine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Quinolinone Derivatives		
ABILIFY MAINTENA PRSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ABILIFY MAINTENA SRER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ABILIFY TABS 10 MG (Aripiprazole)	NF	SL(3 ea daily); MO
ABILIFY TABS 15 MG (Aripiprazole)	NF	SL(2 ea daily); MO
ABILIFY TABS 2 MG (Aripiprazole)	NF	SL(15 ea daily); MO
ABILIFY TABS 20 MG (Aripiprazole)	NF	SL(1.5 ea daily); MO
ABILIFY TABS 30 MG (Aripiprazole)	NF	SL(1 ea daily); MO
ABILIFY TABS 5 MG (Aripiprazole)	NF	SL(6 ea daily); MO
<i>aripiprazole soln 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(30 ml daily); MO
<i>aripiprazole tabs 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>aripiprazole tabs 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>aripiprazole tabs 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(15 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>aripiprazole tabs 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1.5 ea daily); MO
<i>aripiprazole tabs 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
<i>aripiprazole tabs 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>aripiprazole tbdp 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(3 ea daily); MO
<i>aripiprazole tbdp 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
ARISTADA PRSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
REXULTI TABS 0.25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(16 ea daily); MO
REXULTI TABS 0.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(8 ea daily); MO
REXULTI TABS 1 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
REXULTI TABS 2 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
REXULTI TABS 3 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.33 ea daily); MO
REXULTI TABS 4 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO
Thioxanthenes		
<i>thiothixene caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>abacavir sulfate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>abacavir sulfate-lamivudine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>abacavir sulfate-lamivudine-zidovudine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
APTIVUS CAPS 250 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
APTIVUS SOLN 100 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>atazanavir sulfate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ATRIPLA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BIKTARVY TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CIMDUO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
COMBIVIR TABS (<i>Lamivudine-Zidovudine</i>)	NF	MO
COMPLERA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CRIXIVAN CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DESCOVY TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>didanosine cpdr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EDURANT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>efavirenz caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>efavirenz tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EMTRIVA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
EMTRIVA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
EPIVIR SOLN (<i>Lamivudine</i>)	NF	MO
EPIVIR TABS (<i>Lamivudine</i>)	NF	MO
EPZICOM TABS (<i>Abacavir Sulfate-Lamivudine</i>)	NF	MO
EVOTAZ TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>fosamprenavir calcium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FUZEON SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GENVOYA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
INTELENCE TABS 100 MG, 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
INTELENCE TABS 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INVIRASE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
INVIRASE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ISENTRESS CHEW 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(6 ea daily); MO
ISENTRESS CHEW 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(24 ea daily); MO
ISENTRESS HD TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ISENTRESS PACK 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
ISENTRESS TABS 400 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
JULUCA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KALETRA SOLN 400MG/5ML-100MG/5ML (<i>Lopinavir-Ritonavir</i>)	NF	MO
KALETRA TABS 100MG-25MG, 200MG-50MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>lamivudine soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>lamivudine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lamivudine-zidovudine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LEXIVA SUSP 50 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
LEXIVA TABS 700 MG (Fosamprenavir Calcium)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>lopinavir-ritonavir soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nevirapine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nevirapine tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NORVIR CAPS 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NORVIR SOLN 80 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NORVIR TABS 100 MG (Ritonavir)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ODEFSEY TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PREZCOBIX TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PREZISTA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PREZISTA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
RESCRIPTOR TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
RETROVIR CAPS (Zidovudine)	NF	MO
RETROVIR IV INFUSION SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RETROVIR SYRP (Zidovudine)	NF	MO
REYATAZ CAPS 150 MG, 200 MG, 300 MG (Atazanavir Sulfate)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
REYATAZ PACK 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>ritonavir tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SELZENTRY SOLN 20 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SELZENTRY TABS 150 MG, 300 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>stavudine caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
STRIBILD TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SUSTIVA CAPS (<i>Efavirenz</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SUSTIVA TABS (<i>Efavirenz</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SYMFI LO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SYMFI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>tenofovir disoproxil fumarate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TIVICAY TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRIUMEQ TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRIZIVIR TABS (<i>Abacavir Sulfate-Lamivudine-Zidovudine</i>)	NF	MO
TROGARZO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRUVADA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TYBOST TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIDEX EC CPDR 125 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIDEX EC CPDR 200 MG, 250 MG, 400 MG (<i>Didanosine</i>)	NF	MO
VIDEXPEDIATRIC SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIRACEPT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIRAMUNE SUSP 50 MG/5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
VIRAMUNE TABS 200 MG (<i>Nevirapine</i>)	NF	MO
VIRAMUNE XR TB24 (<i>Nevirapine</i>)	NF	MO
VIREAD POWD 40 MG/GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIREAD TABS 300 MG (<i>Tenofovir Disoproxil Fumarate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZERIT CAPS 15 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG (<i>Stavudine</i>)	NF	MO
ZERIT SOLR 1 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZIAGEN SOLN 20 MG/ML (<i>Abacavir Sulfate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZIAGEN TABS 300 MG (<i>Abacavir Sulfate</i>)	NF	MO
<i>zidovudine caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>zidovudine syrp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>zidovudine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CMV Agents		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cidofovir soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CYTOVENE SOLR (<i>Ganciclovir Sodium</i>)	NF	PA; MO
<i>ganciclovir sodium solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
PREVYMIS SOLN IV 240 MG/12ML, 480 MG/24ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PREVYMIS TABS OR 240 MG, 480 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
VALCYTE TABS 450 MG (<i>Valganciclovir HCl</i>)	NF	MO
<i>valganciclovir hcl tabs 450 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
BARACLUDGE SOLN 0.05 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
BARACLUDGE TABS 0.5 MG, 1 MG (<i>Entecavir</i>)	NF	MO
COPEGUS TABS (<i>Ribavirin (Hepatitis C)</i>)	NF	
DAKLINZA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>entecavir tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EPCLUSA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EPIVIR HBV SOLN 5 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
EPIVIR HBV TABS 100 MG (<i>Lamivudine (HBV)</i>)	NF	MO
HARVONI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HEPSERA TABS (<i>Adefovir Dipivoxil</i>)	NF	MO
<i>lamivudine (hbv) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MAVYRET TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PEG-INTRON REDIPEN KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEG-INTRON REDIPEN PAK 4 KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEGASYS PROCLICK SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PEGASYS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEGINTRON KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
REBETOL CAPS 200 MG (<i>Ribavirin (Hepatitis C)</i>)	NF	
<i>ribavirin (hepatitis c) caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ribavirin (hepatitis c) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SOVALDI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
VEMLIDY TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
VOSEVI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZEPATIER TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir caps or 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>acyclovir sodium soln 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>acyclovir sodium solr 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>acyclovir susp or 200 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>acyclovir tabs or 400 mg, 800 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>famciclovir tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FAMVIR TABS (<i>Famciclovir</i>)	NF	MO
<i>valacyclovir hcl tabs or 1 gm, 500 mg, 1000 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VALTREX TABS (<i>Valacyclovir HCl</i>)	NF	MO
ZOVIRAX CAPS OR 200 MG (<i>Acyclovir</i>)	NF	MO
ZOVIRAX SUSP OR 200 MG/5ML (<i>Acyclovir</i>)	NF	MO
ZOVIRAX TABS OR 400 MG, 800 MG (<i>Acyclovir</i>)	NF	MO
Influenza Agents		
FLUMADINE TABS (<i>Rimantadine Hydrochloride</i>)	NF	MO
<i>oseltamivir phosphate caps 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(4 ea daily); MO
<i>oseltamivir phosphate caps 45 mg, 75 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>oseltamivir phosphate susr 6 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
RELENZA DISKHALER AEPB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>rimantadine hydrochloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TAMIFLU CAPS 30 MG (<i>Oseltamivir Phosphate</i>)	NF	QL(4 ea daily); MO
TAMIFLU CAPS 45 MG, 75 MG (<i>Oseltamivir Phosphate</i>)	NF	MO
TAMIFLU SUSR 6 MG/ML (<i>Oseltamivir Phosphate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Respiratory Syncytial Virus (RSV) Agents		
<i>ribavirin solr in</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIRAZOLE SOLR (<i>Ribavirin</i>)	NF	
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol phosphate cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carvedilol tabs 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>carvedilol tabs 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>carvedilol tabs 3.125 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(32 ea daily); MO
<i>carvedilol tabs 6.25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
COREG CR CP24 (<i>Carvedilol Phosphate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
COREG TABS 12.5 MG (<i>Carvedilol</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
COREG TABS 25 MG (<i>Carvedilol</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
COREG TABS 3.125 MG (<i>Carvedilol</i>)	NF	SL(32 ea daily); MO
COREG TABS 6.25 MG (<i>Carvedilol</i>)	NF	SL(16 ea daily); MO
<i>labetalol hcl tabs or 100 mg, 200 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl caps or 200 mg, 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>atenolol tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betaxolol hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bisoprolol fumarate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOPRESSOR TABS (<i>Metoprolol Tartrate</i>)	NF	MO
<i>metoprolol succinate tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metoprolol tartrate tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
METOPROLOL TARTRATE TABS OR 75 MG, 37.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SECTRAL CAPS (<i>Acebutolol HCl</i>)	NF	MO
TENORMIN TABS (<i>Atenolol</i>)	NF	MO
TOPROL XL TB24 (<i>Metoprolol Succinate</i>)	NF	MO
ZEBETA TABS (<i>Bisoprolol Fumarate</i>)	NF	MO
Beta Blockers Non-Selective		
BETAPACE AF TABS (<i>Sotalol HCl (AFIB/AFL)</i>)	NF	MO
BETAPACE TABS (<i>Sotalol HCl</i>)	NF	tabs;MO
CORGARD TABS (<i>Nadolol</i>)	NF	MO
INDERAL LA CP24 (<i>Propranolol HCl</i>)	NF	MO
<i>nadolol tabs or 20 mg, 40 mg, 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pindolol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>propranolol hcl cp24 or 60 mg, 80 mg, 120 mg, 160 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>propranolol hcl tabs or 10 mg, 20 mg, 40 mg, 60 mg, 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sotalol hcl (afib/af) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Sotalol Hcl IV Soln	NF	
<i>sotalol hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	tabs;MO
SOTYLIZE SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
ADALAT CC TB24 (<i>Nifedipine</i>)	NF	MO
<i>amlodipine besylate tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(1 ea daily); MO
<i>amlodipine besylate tabs or 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>amlodipine besylate tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
CALAN SR TBCR (<i>Verapamil HCl</i>)	NF	MO
CALAN TABS (<i>Verapamil HCl</i>)	NF	MO
CARDIZEM CD CP24 (<i>Diltiazem HCl Coated Beads</i>)	NF	MO
CARDIZEM LA TB24 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG, 420 MG (<i>Diltiazem HCl Coated Beads</i>)	NF	MO
CARDIZEM TABS (<i>Diltiazem HCl</i>)	NF	MO
<i>diltiazem hcl coated beads cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diltiazem hcl coated beads tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diltiazem hcl cp12 or 60 mg, 90 mg, 120 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diltiazem hcl cp24 or 120 mg, 180 mg, 240 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diltiazem hcl extended release beads cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diltiazem hcl tabs or 30 mg, 60 mg, 90 mg, 120 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>felodipine tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nicardipine hcl caps or 20 mg, 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nifedipine tb24 or 30 mg, 60 mg, 90 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nimodipine caps or 30mg, 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nisoldipine tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NORVASC TABS 10 MG (<i>Amlodipine Besylate</i>)	NF	SL(1 ea daily); MO
NORVASC TABS 2.5 MG (<i>Amlodipine Besylate</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
NORVASC TABS 5 MG (<i>Amlodipine Besylate</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
NYMALIZE SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PROCARDIA XL TB24 (<i>Nifedipine</i>)	NF	MO
SULAR TB24 (<i>Nisoldipine</i>)	NF	MO
TIAZAC CP24 (<i>Diltiazem HCl Extended Release Beads</i>)	NF	MO
<i>verapamil hcl cp24 or 100 mg, 120 mg, 180 mg, 200 mg, 240 mg, 300 mg, 360 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>verapamil hcl tabs or 40 mg, 80 mg, 120 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>verapamil hcl tbcr or 120 mg, 180 mg, 240 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VERELAN CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG (<i>Verapamil HCl</i>)	NF	MO
VERELAN CP24 360 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VERELAN PM CP24 (<i>Verapamil HCl</i>)	NF	MO
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
DIGOXIN SOLN OR 0.05 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>digoxin tabs or 0.125 mg, 0.25 mg, 125 mcg, 250 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LANOXIN TABS OR 125 MCG, 250 MCG (<i>Digoxin</i>)	NF	MO
LANOXIN TABS OR 62.5 MCG, 187.5 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CADUET TABS (Amlodipine Besylate-Atorvastatin Calcium)	NF	MO
ENTRESTO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Prostaglandin Vasodilators		
REMODULIN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; LA
TYVASO REFILL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; LA
TYVASO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; LA
TYVASO STARTER SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; LA
VENTAVIS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; LA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor		
LETAIRIS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
OPSUMIT TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TRACLEER TABS 125 MG, 62.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TRACLEER TBSO 32 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase		
ADCIRCA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REVATIO SOLN IV 10 MG/12.5ML (Sildenafil Citrate (Pulmonary Hypertension))	NF	PA
REVATIO TABS OR 20 MG (Sildenafil Citrate (Pulmonary Hypertension))	NF	PA
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) soln	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) tabs	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		
UPTRAVI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
UPTRAVI TBPK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase		
ADEMPAS TABS 0.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(15 ea daily)
ADEMPAS TABS 1 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(7.5 ea daily)

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ADEMPAS TABS 1.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(5 ea daily)
ADEMPAS TABS 2 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(3.75 ea daily)
ADEMPAS TABS 2.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(3 ea daily)
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR TABS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(3 ea daily); MO
CORLANOR TABS 7.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(2 ea daily); MO
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil caps 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefadroxil susr 500 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefadroxil tabs 1 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefazolin sodium solr ij 1 gm, 10 gm, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cephalexin caps 250 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cephalexin susr 125 mg/5ml, 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
KEFLEX CAPS (<i>Cephalexin</i>)	NF	MO
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor caps 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefoxitin sodium solr ij 10 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefoxitin sodium solr iv 1 gm, 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefprozil susr 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefprozil tabs 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CEFTIN TABS 500 MG (<i>Cefuroxime Axetil</i>)	NF	MO
<i>cefuroxime axetil tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefuroxime sodium solr iv 1.5 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZINACEF SOLR IV 1.5 GM (<i>Cefuroxime Sodium</i>)	NF	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefdinir susr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefixime chew</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefixime susr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefpodoxime proxetil susr 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cefpodoxime proxetil tabs 100 mg, 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ceftazidime solr ij 1 gm, 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ceftazidime solr ij 6 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone sodium solr ij 1 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>ceftriaxone sodium solr ij 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ceftriaxone sodium solr ij 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
<i>ceftriaxone sodium solr ij 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>ceftriaxone sodium solr iv 1 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily)
<i>ceftriaxone sodium solr iv 10 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FORTAZ SOLR IJ 1 GM, 2 GM (<i>Ceftazidime</i>)	NF	MO
FORTAZ SOLR IJ 6 GM (<i>Ceftazidime</i>)	NF	
SUPRAX CAPS 400 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SUPRAX SUSR 100 MG/5ML, 200 MG/5ML (<i>Cefixime</i>)	NF	MO
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CEFEPIME SOLN 2 GM/100ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MAXIPIME SOLR IJ 1 GM, 2 GM (<i>Cefepime HCl</i>)	NF	MO
Cephalosporins - 5th Generation		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TEFLARO SOLR 600 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BREVICON-28 TABS (Norethindrone & Eth Estradiol)	NF	MO
DESOGEN TABS (Desogestrel & Ethinyl Estradiol)	NF	MO
<i>desogestrel & ethinyl estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>drospirenone-ethinyl estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ethynodiol diacet & eth estrad tabs 1mg-35mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FEMCON FE CHEW (Norethindrone & Ethinyl Estradiol-Fe)	NF	MO
<i>levonorgestrel & eth estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LOESTRIN 1.5/30-21 TABS (Norethindrone Acet & Eth Estra)	NF	MO
LOESTRIN 1/20-21 TABS (Norethindrone Acet & Eth Estra)	NF	MO
LOESTRIN FE 1.5/30 TABS (Norethin Acet & Estrad-Fe)	NF	MO
LOESTRIN FE 1/20 TABS (Norethin Acet & Estrad-Fe)	NF	MO
LOSEASONIQUE TABS (Levonorgestrel-Ethinyl Estradiol (91-Day))	NF	MO
MIRCETTE TABS (Desogestrel-Ethinyl Estradiol (Biphasic))	NF	MO
MODICON TABS (Norethindrone & Eth Estradiol)	NF	MO
<i>norethin acet & estrad-fe tabs 75mg-20mcg-1mg, 75mg-30mcg-1.5mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norethindrone & eth estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe chew 0.4mg-35mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norethindrone acet & eth estra tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norgestimate-ethinyl estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>norgestrel & ethinyl estradiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NORINYL 1+35 TABS (Norethindrone & Eth Estradiol)	NF	MO
ORTHO TRI-CYCLEN TABS (Norgestimate-Ethinyl Estradiol (Triphasic))	NF	MO
ORTHO-CYCLEN TABS (Norgestimate-Ethinyl Estradiol)	NF	MO
ORTHO-NOVUM 1/35 TABS (Norethindrone & Eth Estradiol)	NF	MO
ORTHO-NOVUM 7/7/7 TABS (Norethindrone-Eth Estradiol (Triphasic))	NF	MO
OVCON-35 TABS (Norethindrone & Eth Estradiol)	NF	MO
SEASONIQUE TABS (Levonorgestrel-Ethinyl Estradiol (91-Day))	NF	MO
YASMIN 28 TABS (Drospirenone-Ethinyl Estradiol)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
YAZ TABS (Drospirenone-Ethinyl Estradiol)	NF	MO
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol ptwk</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Combination Contraceptives - Vaginal		
NUVARING RING	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Emergency Contraceptives		
ELLA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel (emergency oc) tabs</i>	\$0 (Tier 3)	NT
PLAN B ONE-STEP TABS (Levonorgestrel (Emergency OC))	NF	NT
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-PROVERA CONTRACEPTIVE SUSP (Medroxyprogesterone Acetate (Contraceptive))	NF	MO
DEPO-PROVERA CONTRACEPTIVE SUSY (Medroxyprogesterone Acetate (Contraceptive))	NF	MO
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) susy</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Progestin Contraceptives - Oral		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NOR-QD TABS (Norethindrone (Contraceptive))	NF	MO
norethindrone (contraceptive) tabs	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
ORTHO MICRONOR TABS (Norethindrone (Contraceptive))	NF	MO
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
betamethasone sod phosphate & acetate susp	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
budesonide cpep or	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
CELESTONE-SOLUSPAN SUSP (Betamethasone Sod Phosphate & Acetate)	NF	MO
CORTEF TABS (Hydrocortisone)	NF	MO
cortisone acetate tabs or	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
DEPO-MEDROL SUSP 20 MG/ML	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
DEPO-MEDROL SUSP 40 MG/ML, 80 MG/ML (Methylprednisolone Acetate)	NF	MO
dexamethasone elix or 0.5 mg/5ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
dexamethasone sodium phosphate soln ij 10 mg/ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	Preservative Free;MO
dexamethasone sodium phosphate soln ij 10 mg/ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	
dexamethasone sodium phosphate soln ij 4 mg/ml, 20 mg/5ml, 100 mg/10ml, 120 mg/30ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
dexamethasone soln or 0.5 mg/5ml	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
dexamethasone tabs or 0.75 mg, 0.5 mg, 1 mg, 2 mg, 4 mg, 6 mg, 1.5 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
dexamethasone tbpk or 1.5 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
EMFLAZA SUSP	\$0- \$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
EMFLAZA TABS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
ENTOCORT EC CPEP (Budesonide)	NF	MO
hydrocortisone tabs or 5 mg, 10 mg, 20 mg	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
KENALOG-10 SUSP	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KENALOG-40 SUSP (Triamcinolone Acetonide)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MEDROL DOSEPAK TBPK (Methylprednisolone)	NF	MO
MEDROL TABS 2 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MEDROL TABS 4 MG, 8 MG, 16 MG, 32 MG (Methylprednisolone)	NF	MO
<i>methylprednisolone acetate susp ij 40 mg/ml, 80 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylprednisolone sod succ solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylprednisolone tabs or 4 mg, 8 mg, 16 mg, 32 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>methylprednisolone tbpk or 4 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ORAPRED ODT TBDP (Prednisolone Sodium Phosphate)	NF	MO
PEDIAPRED SOLN (Prednisolone Sodium Phosphate)	NF	MO
<i>prednisolone sodium phosphate soln or 5 mg/5ml, 15 mg/5ml, 6.7 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisolone sodium phosphate tbdp or 10 mg, 15 mg, 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>prednisolone soln or 15 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisolone syrps or 15 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisolone tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisone conc or 5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisone soln or 5 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisone tabs or 1 mg, 5 mg, 10 mg, 20 mg, 50 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>prednisone tbpk or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Dose Pack;MO
<i>prednisone tbpk or 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SOLU-CORTEF SOLR 100 MG, 250 MG, 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SOLU-CORTEF SOLR 1000 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SOLU-MEDROL SOLR 40 MG, 125 MG, 1000 MG (<i>Methylprednisolone Sod Succ</i>)	NF	MO
SOLU-MEDROL SOLR 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TAPERDEX 6-DAY TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>triamcinolone acetonide susp ij</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ZODEX 6-DAY TBPk	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate caps 100 mg, 200 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>hydrocodone w/ homatropine syrpf</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>hydrocodone w/ homatropine tabs</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TESSALON PERLES CAPS (<i>Benzonatate</i>)	NF	MO; NT
Cough/Cold/Allergy Combinations		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>brompheniramine & phenyleph elix 1mg/5ml-2.5mg/5ml, 1mg/5ml-1mg/5ml-2.5mg/5ml-2.5mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>brompheniramine & pseudoeph elix</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>brompheniramine & pseudoeph liqd</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>cetirizine-pseudoephedrine tb12</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CHILDRENS PLUS COLD SUSP	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>chlorpheniramine & phenylephrine tabs 4mg-10mg</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
CLARITIN-D 24 HOUR TB24 (<i>Loratadine & Pseudoephedrine</i>)	NF	MO; NT
DIMETAPP COLD & ALLERGY ELIX 1MG/5ML-2.5MG/5ML (<i>Brompheniramine & Phenyleph</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; NT
ED CHLORPED D LIQD	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
ENTRE-HIST PSE LIQD	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; NT
<i>guaifenesin-codeine liqd 100mg/5ml-10mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>guaifenesin-codeine soln 100mg/5ml-10mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>guaifenesin-codeine syrpf 100mg/5ml-10mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex suer</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>loratadine & pseudoephedrine tb24 10mg-240mg, 10mg-10mg-240mg-240mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NEXAFED SINUS PRESSURE +PAIN TABS	\$0 (Tier 3)	NT
PHENYLHISTINE DH LIQD	\$0 (Tier 3)	NT
<i>promethazine & phenylephrine soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>promethazine & phenylephrine syrp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>promethazine w/codeine soln</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>promethazine w/codeine syrp</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>promethazine-dm syrp</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>promethazine-phenylephrine-codeine syrp</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
RYMED TABS	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
<i>triprolidine & pseudoephedrine tabs</i>	\$0 (Tier 3)	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TUSSIONEX PENNKINETIC EXTENDED RELEASE SUER (<i>Hydrocodone Polistirex-Chlorpheniramine Polistirex</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO; NT
ZYRTEC-D ALLERGY/CONGESTION TB12 (<i>Cetirizine-Pseudoephedrine</i>)	NF	MO; NT
Misc. Respiratory Inhalants		
<i>sodium chloride (inhalant) aers</i>	\$0 (Tier 3)	NT
Mucolytics		
<i>acetylcysteine soln in 10 %, 20 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
ABSORICA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ACNE MEDICATION 10 LOTN	\$0 (Tier 3)	NT
<i>adapalene crea 0.1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>adapalene gel 0.1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
AVAR-E LS CREA (<i>Sulfacetamide Sodium w/ Sulfur</i>)	NF	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BENZAC AC WASH LIQD (Benzoyl Peroxide)	NF	RX/OTC; MO; NT
BENZACLIN GEL (Clindamycin Phosphate-Benzoyl Peroxide)	NF	MO
BENZACLIN WITH PUMP GEL (Clindamycin Phosphate-Benzoyl Peroxide)	NF	MO
BENZAMYCIN GEL (Benzoyl Peroxide-Erythromycin)	NF	MO
benzoyl peroxide gel ex 10 %	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
BENZOYL PEROXIDE GEL EX 2.5 %	\$0 (Tier 3)	MO; NT
benzoyl peroxide gel ex 5 %	\$0 (Tier 3)	MO; NT
benzoyl peroxide liqd ex 5 %, 10 %	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
benzoyl peroxide-erythromycin gel	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CLEOCIN-T GEL (Clindamycin Phosphate Topical)	NF	MO
CLEOCIN-T LOTN (Clindamycin Phosphate Topical)	NF	MO
CLEOCIN-T SOLN (Clindamycin Phosphate Topical)	NF	MO
CLEOCIN-T SWAB (Clindamycin Phosphate Topical)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CLINDAGEL GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
clindamycin phosphate (topical) foam	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate (topical) gel	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate (topical) lotn	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate (topical) soln	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate (topical) swab	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) gel	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide gel	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DESQUAM-X WASH LIQD 5 %, 10 % (Benzoyl Peroxide)	NF	RX/OTC; MO; NT
DIFFERIN CREA 0.1 % (Adapalene)	NF	MO
DIFFERIN GEL 0.1 % (Adapalene)	NF	RX/OTC; MO
DUAC GEL (Clindamycin Phosphate-Benzoyl Peroxide (Refrigerate))	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>erythromycin (acne aid) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EVOCLIN FOAM (Clindamycin Phosphate (Topical))	NF	MO
<i>isotretinoin caps or 10 mg, 20 mg, 30 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KLARON LOTN (Sulfacetamide Sodium (Acne))	NF	MO
PLEXION CLEANSER LIQD (Sulfacetamide Sodium w/ Sulfur)	NF	MO; NT
RETIN-A CREA (Tretinoin)	NF	MO
RETIN-A GEL (Tretinoin)	NF	MO
RETIN-A MICRO GEL 0.04 %, 0.1 % (Tretinoin Microsphere)	NF	MO
RETIN-A MICRO PUMP GEL 0.04 %, 0.1 % (Tretinoin Microsphere)	NF	MO
<i>sulfacetamide sodium (acne) lotn</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tretinoin crea ex 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tretinoin gel ex 0.025 %, 0.01 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tretinoin microsphere gel</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac sodium (topical) gel 1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FLECTOR PTCH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
VOLTAREN GEL (Diclofenac Sodium (Topical))	NF	MO
Antibiotics - Topical		
BACIGUENT OINT (Bacitracin (Topical))	NF	MO; NT
<i>bacitracin (topical) oint</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>bacitracin zinc oint ex</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>bacitracin-polymyxin b oint</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
BACTROBAN CREA (Mupirocin Calcium (Topical))	NF	MO
CENTANY OINT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>gentamicin sulfate (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gentamicin sulfate (topical) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mupirocin calcium (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mupirocin oint ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
POLYSPORIN OINT (Bacitracin-Polymyxin B)	NF	MO; NT
Antifungals - Topical		
ALEVAZOL OINT	\$0 (Tier 3)	NT
<i>ciclopirox gel 0.77 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciclopirox olamine crea ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciclopirox olamine susp ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciclopirox sham 1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciclopirox soln 8 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clotrimazole (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>clotrimazole (topical) crea</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clotrimazole (topical) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>clotrimazole (topical) soln</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>clotrimazole w/ betamethasone crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clotrimazole w/ betamethasone lotn</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>econazole nitrate crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EXTINA FOAM (Ketoconazole (Topical))	NF	MO
<i>ketoconazole (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ketoconazole (topical) foam</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ketoconazole (topical) sham</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LAMISIL AT CREA (Terbinafine HCl (Topical))	NF	MO; NT
LAMISIL AT JOCK ITCH CREA (Terbinafine HCl (Topical))	NF	MO; NT
LAMISIL AT SPRAY SOLN	\$0 (Tier 3)	NT
LOPROX CREA 0.77 % (Ciclopirox Olamine)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LOPROX SHAMPOO SHAM (<i>Ciclopirox</i>)	NF	MO
LOPROX SUSP 0.77 % (<i>Ciclopirox Olamine</i>)	NF	MO
LOTRIMIN AF CREA 1 % (<i>Clotrimazole (Topical)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
LOTRIMIN AF FOR HER CREA (<i>Clotrimazole (Topical)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
LOTRIMIN AF JOCK ITCH CREA (<i>Clotrimazole (Topical)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
LOTRISONE CREA (<i>Clotrimazole w/ Betamethasone</i>)	NF	MO
MICATIN CREA (<i>Miconazole Nitrate (Topical)</i>)	NF	MO; NT
<i>miconazole nitrate (topical) crea</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>naftifine hcl crea 2 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NAFTIN CREA 2 % (<i>Naftifine HCl</i>)	NF	MO
NAFTIN GEL 2 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NIZORAL SHAM (<i>Ketoconazole (Topical)</i>)	NF	MO
<i>nystatin (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nystatin (topical) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>nystatin (topical) powd</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nystatin-triamcinolone crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nystatin-triamcinolone oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PENLAC NAIL LACQUER SOLN (<i>Ciclopirox</i>)	NF	MO
<i>terbinafine hcl (topical) crea</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TINACTIN CREA (<i>Tolnaftate</i>)	NF	MO; NT
TINACTIN JOCK ITCH CREA (<i>Tolnaftate</i>)	NF	MO; NT
<i>tolnaftate crea ex</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>tolnaftate liqd ex</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>tolnaftate soln ex</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents -		
CARAC CREA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) gel</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EFUDEX CREA (<i>Fluorouracil (Topical)</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluorouracil (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluorouracil (topical) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FLUOROURACIL CREA EX 0.5 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PANRETIN GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PICATO GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SOLARAZE GEL (Diclofenac Sodium (Actinic Keratoses))	NF	MO
TARGRETIN GEL EX 1 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VALCHLOR GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Antipsoriatics		
<i>acitretin caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>calcipotriene crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>calcipotriene oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>calcipotriene soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
COSENTYX SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
DOVONEX CREA (Calcipotriene)	NF	MO
<i>methoxsalen rapid caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
OXSORALEN ULTRA CAPS (Methoxsalen Rapid)	NF	MO
SILIQ SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SORIATANE CAPS (Acitretin)	NF	MO
STELARA SOSY SC 90 MG/ML, 45 MG/0.5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TALTZ SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TALTZ SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tazarotene crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TAZORAC CREA 0.05 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TAZORAC CREA 0.1 % (<i>Tazarotene</i>)	NF	MO
TAZORAC GEL 0.05 %, 0.1 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TREMFYA SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Antiseborrheic Products		
OVACE PLUS WASH LIQD (<i>Sulfacetamide Sodium</i>)	NF	MO; NT
OVACE WASH LIQD (<i>Sulfacetamide Sodium</i>)	NF	MO; NT
<i>selenium sulfide lotn ex 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>selenium sulfide lotn ex 2.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>selenium sulfide sham ex 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SELSUN BLUE DAILY LOTN (<i>Selenium Sulfide</i>)	NF	MO; NT
SELSUN BLUE LOTN (<i>Selenium Sulfide</i>)	NF	MO; NT
SELSUN BLUE MEDICATED LOTN (<i>Selenium Sulfide</i>)	NF	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SELSUN BLUE MOISTURIZING LOTN (<i>Selenium Sulfide</i>)	NF	MO; NT
Antivirals - Topical		
ABREVA CREA	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>acyclovir topical oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DENAVIR CREA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZOVIRAX CREA EX 5 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZOVIRAX OINT EX 5 % (<i>Acyclovir Topical</i>)	NF	MO
Burn Products		
<i>mafenide acetate pack ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SILVADENE CREA (<i>Silver Sulfadiazine</i>)	NF	MO
<i>silver sulfadiazine crea ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SULFAMYLON CREA 85 MG/GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SULFAMYLON PACK 5 % (<i>Mafenide Acetate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Corticosteroids - Topical		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ACLOVATE CREA (<i>Alclometasone Dipropionate</i>)	NF	MO
<i>alclometasone dipropionate crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>alclometasone dipropionate oint</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amcinonide crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate (topical) crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate (topical) lotn</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate (topical) oint</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate augmented crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate augmented gel</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate augmented lotn</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone dipropionate augmented oint</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>betamethasone valerate crea ex 0.1 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone valerate foam ex 0.12 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone valerate lotn ex 0.1 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>betamethasone valerate oint ex 0.1 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate crea ex</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate emollient base crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate emulsion foam</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate foam ex</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate gel ex</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate lotn ex</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clobetasol propionate oint ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate sham ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clobetasol propionate soln ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CLOBEX LOTN (<i>Clobetasol Propionate</i>)	NF	MO
CLOBEX SHAM (<i>Clobetasol Propionate</i>)	NF	MO
CUTIVATE LOTN (<i>Fluticasone Propionate</i>)	NF	MO
DERMA-SMOOTH/FS BODY OIL (<i>Fluocinolone Acetonide</i>)	NF	MO
DERMA-SMOOTH/FS SCALP OIL (<i>Fluocinolone Acetonide</i>)	NF	MO
DERMATOP CREA (<i>Prednicarbate</i>)	NF	MO
<i>desonide crea ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desonide lotn ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desonide oint ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DESOWEN CREA (<i>Desonide</i>)	NF	MO
DESOWEN LOTN (<i>Desonide</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>desoximetasone crea ex 0.25 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desoximetasone gel ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desoximetasone oint ex 0.25 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>diflorasone diacetate oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DIPROLENE AF CREA (<i>Betamethasone Dipropionate Augmented</i>)	NF	MO
DIPROLENE LOTN (<i>Betamethasone Dipropionate Augmented</i>)	NF	MO
DIPROLENE OINT (<i>Betamethasone Dipropionate Augmented</i>)	NF	MO
ELOCON CREA (<i>Mometasone Furoate</i>)	NF	MO
ELOCON OINT (<i>Mometasone Furoate</i>)	NF	MO
<i>fluocinolone acetonide crea ex 0.025 %, 0.01 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinolone acetonide oil ex 0.01 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinolone acetonide oint ex 0.025 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>fluocinolone acetonide soln ex 0.01 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinonide crea ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinonide emulsified base crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinonide gel ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinonide oint ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluocinonide soln ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluticasone propionate crea ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluticasone propionate lotn ex 0.05 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluticasone propionate oint ex 0.005 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>halobetasol propionate crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>halobetasol propionate oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone (topical) crea 0.5 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>hydrocortisone (topical) crea 1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>hydrocortisone (topical) crea 1%, 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>hydrocortisone (topical) crea 2.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone (topical) lotn 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>hydrocortisone (topical) lotn 2.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone (topical) oint 0.5 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>hydrocortisone (topical) oint 1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>hydrocortisone (topical) oint 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>hydrocortisone (topical) oint 2.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone (topical) soln 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>hydrocortisone butyrate crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone butyrate hydrophilic lipo base crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone butyrate oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone butyrate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone valerate crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone valerate oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone-aloe vera crea</i>	\$0 (Tier 3)	NT
KENALOG AERS (<i>Triamcinolone Acetonide (Topical)</i>)	NF	MO
LOCOID CREA (<i>Hydrocortisone Butyrate</i>)	NF	MO
LOCOID LIPOCREAM CREA (<i>Hydrocortisone Butyrate Hydrophilic Lipo Base</i>)	NF	MO
LOCOID OINT (<i>Hydrocortisone Butyrate</i>)	NF	MO
LOCOID SOLN (<i>Hydrocortisone Butyrate</i>)	NF	MO
LUXIQ FOAM (<i>Betamethasone Valerate</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>mometasone furoate crea ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mometasone furoate oint ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mometasone furoate soln ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MONISTAT SOOTHING CARE ITCH RELIEF CREA (<i>Hydrocortisone (Topical)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
OLUX FOAM (<i>Clobetasol Propionate</i>)	NF	MO
OLUX-E FOAM (<i>Clobetasol Propionate Emulsion</i>)	NF	MO
<i>prednicarbate crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SYNALAR CREA (<i>Fluocinolone Acetonide</i>)	NF	MO
SYNALAR OINT (<i>Fluocinolone Acetonide</i>)	NF	MO
SYNALAR SOLN (<i>Fluocinolone Acetonide</i>)	NF	MO
TEMOVATE CREA (<i>Clobetasol Propionate</i>)	NF	MO
TEMOVATE E CREA (<i>Clobetasol Propionate Emollient Base</i>)	NF	MO
TEMOVATE OINT (<i>Clobetasol Propionate</i>)	NF	MO
TOPICORT CREA 0.25 % (<i>Desoximetasone</i>)	NF	MO
TOPICORT GEL 0.05 % (<i>Desoximetasone</i>)	NF	MO
TOPICORT OINT 0.25 % (<i>Desoximetasone</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>triamcinolone acetonide (topical) aers 0.147 mg/gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>triamcinolone acetonide (topical) crea 0.025 %, 0.1 %, 0.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>triamcinolone acetonide (topical) lotn 0.025 %, 0.1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>triamcinolone acetonide (topical) oint 0.025 %, 0.1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRIDESILON CREA (<i>Desonide</i>)	NF	MO
ULTRAVATE CREA (<i>Halobetasol Propionate</i>)	NF	MO
ULTRAVATE OINT (<i>Halobetasol Propionate</i>)	NF	MO
WESTCORT OINT (<i>Hydrocortisone Valerate</i>)	NF	MO
Emollient/Keratolytic Agents		
UTOPIC CREA (<i>Urea</i>)	NF	MO; NT
Emollients		
LAC-HYDRIN CREA (<i>Lactic Acid (Ammonium Lactate)</i>)	NF	RX/OTC; MO
LAC-HYDRIN LOTN (<i>Lactic Acid (Ammonium Lactate)</i>)	NF	RX/OTC; MO
LAC-HYDRIN TWELVE LOTN (<i>Lactic Acid (Ammonium Lactate)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
<i>lactic acid (ammonium lactate) crea 12 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>lactic acid (ammonium lactate) crea 12 %</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>lactic acid (ammonium lactate) lotn 12 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>lactic acid (ammonium lactate) lotn 12 %</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Immunomodulating Agents - Topical		
ALDARA CREA (<i>Imiquimod</i>)	NF	MO
<i>imiquimod crea ex</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ZYCLARA CREA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZYCLARA PUMP CREA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Immunosuppressive Agents - Topical		
ELIDEL CREA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
PROTOPIC OINT (<i>Tacrolimus (Topical)</i>)	NF	PA; MO
<i>tacrolimus (topical) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Keratolytic/Antimitotic Agents		
CONDYLOX SOLN (<i>Podofilox</i>)	NF	MO
<i>podofilox soln ex</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
VIRASAL LIQD (<i>Salicylic Acid</i>)	NF	MO
Local Anesthetics - Topical		
LENZAPATCH PTCH (<i>Lidocaine-Menthol</i>)	NF	RX/OTC; NT
<i>lidocaine hcl gel ex 2 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>lidocaine hcl soln ex 4 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lidocaine oint ex 5 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lidocaine ptch ex 5 %</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	PA; MO
<i>lidocaine-prilocaine crea</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
LIDOCARE ARM/NECK/LEG PTCH (<i>Lidocaine</i>)	NF	NT
LIDOCARE BACK/SHOULDER PTCH (<i>Lidocaine</i>)	NF	NT
LIDODERM PTCH (<i>Lidocaine</i>)	NF	PA; MO
XYLOCAINE SOLN EX 4 % (<i>Lidocaine HCl</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Misc. Topical		
CALAMINE LOTN EX	\$0 (Tier 3)	NT
CALAMINE LOTN EX	\$0 (Tier 3)	Calamine-Zinc Oxide Lotion;MO; NT
GNP CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	Calamine-Zinc Oxide Lotion;MO; NT
HM CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	Calamine-Zinc Oxide Lotion;MO; NT
MEIJER CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	NT
PX CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	Calamine-Zinc Oxide Lotion;MO; NT
QC CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	NT
RA CALAMINE LOTN 6.971%-6.971%	\$0 (Tier 3)	Calamine-Zinc Oxide Lotion;MO; NT
SM CALAMINE LOTN	\$0 (Tier 3)	NT
Rosacea Agents		
FINACEA GEL	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
METROCREAM CREA (<i>Metronidazole (Topical)</i>)	NF	MO
METROGEL GEL (<i>Metronidazole (Topical)</i>)	NF	MO
METROLOTION LOTN (<i>Metronidazole (Topical)</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>metronidazole (topical) crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metronidazole (topical) gel</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metronidazole (topical) lotn</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MIRVASO GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Scabicides & Pediculicides		
ELIMITE CREA (<i>Permethrin</i>)	NF	MO
<i>malathion lotn</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NIX CREME RINSE LIQD (<i>Permethrin</i>)	NF	MO; NT
OVIDE LOTN (<i>Malathion</i>)	NF	MO
<i>permethrin crea ex 5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>permethrin liqd ex 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>permethrin lotn ex 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>pyrethrins-piperonyl butoxide liqd 0.33%-4%</i>	\$0 (Tier 3)	NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>pyrethrins-piperonyl butoxide sham 0.3%-0.33%-4%, 0.33%-4%</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>pyrethrins-piperonyl butoxide sham 0.33%-4%</i>	\$0 (Tier 3)	NT
RID LIQD EX 0.33%-4% (<i>Pyrethrins-Piperonyl Butoxide</i>)	NF	NT
Wound Care Products		
REGANEX GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PANCREAZE CPEP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SUCRAID SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide cp12 or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>acetazolamide tabs or 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DIAMOX CP12 (Acetazolamide)	NF	MO
<i>methazolamide tabs or 25 mg, 50 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NEPTAZANE TABS (Methazolamide)	NF	MO
Diuretic Combinations		
ALDACTAZIDE TABS 25MG-25MG (Spironolactone & Hydrochlorothiazide)	NF	MO
<i>amiloride & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DYAZIDE CAPS (Triamterene & Hydrochlorothiazide)	NF	MO
MAXZIDE TABS (Triamterene & Hydrochlorothiazide)	NF	MO
MAXZIDE-25 TABS (Triamterene & Hydrochlorothiazide)	NF	MO
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>triamterene & hydrochlorothiazide caps 37.5mg-25mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>triamterene & hydrochlorothiazide caps 50mg-25mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide tabs 75mg-50mg, 37.5mg-25mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Loop Diuretics		
<i>bumetanide tabs or 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
BUMEX TABS (Bumetanide)	NF	MO
DEMADEX TABS (Torsemide)	NF	MO
<i>furosemide soln ij 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>furosemide soln or 10 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>furosemide tabs or 20 mg, 40 mg, 80 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LASIX TABS (Furosemide)	NF	MO
<i>torsemide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Potassium Sparing Diuretics		
ALDACTONE TABS (Spironolactone)	NF	MO
<i>amiloride hcl tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>spironolactone tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>chlorothiazide tabs 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>chlorthalidone tabs 25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrochlorothiazide caps or 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrochlorothiazide tabs or 25 mg, 50 mg, 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>indapamide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metolazone tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MICROZIDE CAPS (<i>Hydrochlorothiazide</i>)	NF	MO
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium tabs 35 mg, 70 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.15 ea daily); MO
<i>alendronate sodium tabs 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
BONIVA SOLN IV 3 MG/3ML (<i>Ibandronate Sodium</i>)	NF	QL(0.04 ml daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BONIVA TABS OR 150 MG (<i>Ibandronate Sodium</i>)	NF	Limit 1 tab per 28 days (3 per 84); QL(0.036 ea daily); MO
<i>calcitonin (salmon) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FORTEO SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; Limit 2.4mls per 28 days; QL(0.09 ml daily)
FORTICAL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
FOSAMAX TABS (<i>Alendronate Sodium</i>)	NF	QL(0.15 ea daily); MO
<i>ibandronate sodium soln iv 3 mg/3ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.04 ml daily); MO
<i>ibandronate sodium tabs or 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 1 tab per 28 days (3 per 84); QL(0.036 ea daily); MO
MIACALCIN SOLN IJ 200 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MIACALCIN SOLN NA 200 UNIT/ACT (<i>Calcitonin (Salmon)</i>)	NF	MO
NATPARA CART	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
PROLIA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; QL(0.01 ml daily)
RECLAST SOLN (<i>Zoledronic Acid</i>)	NF	QL(0.28 ml daily)

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TYMLOS SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
XGEVA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 6.8mls per 28 days;QL(0.243 ml daily)
<i>zoledronic acid conc 4 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>zoledronic acid soln 5 mg/100ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.28 ml daily)
ZOMETA CONC 4 MG/5ML (<i>Zoledronic Acid</i>)	NF	
Corticotropin		
H.P. ACTHAR GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Fertility Regulators		
<i>chorionic gonadotropin solr im</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
NOVAREL SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Growth Hormones		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GENOTROPIN MINIQUICK SOLR 0.4 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GENOTROPIN SOLR 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMATROPE COMBO PACK SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMATROPE SOLR 6 MG, 12 MG, 24 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOLN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NUTROPIN AQ NUSPIN 20 SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
OMNITROPE SOLN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SEROSTIM SOLR 4 MG, 6 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZOMACTON SOLR 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Hormone Receptor Modulators		
EVISTA TABS (<i>Raloxifene HCl</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
<i>raloxifene hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary		
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 11.25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	3 month kit
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SYNAREL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRIPTODUR SRER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Metabolic Modifiers		
<i>calcitriol caps or 0.25 mcg, 0.5 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>calcitriol soln or 1 mcg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CARBAGLU TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
CARNITOR TABS OR 330 MG (<i>Levocarnitine (Metabolic Modifiers)</i>)	NF	RX/OTC; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FABRAZYME SOLR 35 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
KANUMA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
KUVAN PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
KUVAN TBSO	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
<i>levocarnitine (metabolic modifiers) tabs 330 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
LUMIZYME SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
MYALEPT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
NAGLAZYME SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
ORFADIN CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
<i>paricalcitol caps or 1 mcg, 2 mcg, 4 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RAVICTI LIQD	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
RAYALDEE CPR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
ROCALTROL CAPS (<i>Calcitriol</i>)	NF	MO
ROCALTROL SOLN (<i>Calcitriol</i>)	NF	MO
SENSIPAR TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
STRENSIQ SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
VIMIZIM SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
XURIDEN PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); MO
ZEMPLAR CAPS OR 1 MCG, 2 MCG (<i>Paricalcitol</i>)	NF	MO
Posterior Pituitary Hormones		
DDAVP SOLN IJ 4 MCG/ML (<i>Desmopressin Acetate</i>)	NF	MO
DDAVP SOLN NA 0.01 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DDAVP SOLN NA 0.01 % (<i>Desmopressin Acetate Spray</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DDAVP TABS OR 0.1 MG, 0.2 MG (<i>Desmopressin Acetate</i>)	NF	MO
<i>desmopressin acetate soln ij 4 mcg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desmopressin acetate spray refrigerated soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desmopressin acetate spray soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>desmopressin acetate tabs or 0.1 mg, 0.2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate soln 50 mcg/ml, 100 mcg/ml, 200 mcg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 20 MG, 30 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SANDOSTATIN SOLN 50 MCG/ML, 100 MCG/ML, 200 MCG/ML (<i>Octreotide Acetate</i>)	NF	
SIGNIFOR LAR SRER 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 3 vials per 28 days;SL(0.11 ea daily); LA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SIGNIFOR LAR SRER 40 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 3 vials per 56 days; SL(0.054 ea daily); LA; MO
SIGNIFOR LAR SRER 60 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 1 vial per 28 days; SL(0.036 ea daily); LA; MO
SIGNIFOR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
SOMATULINE DEPOT SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Vasopressin Receptor Antagonists		
SAMSCA TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS (Estradiol & Norethindrone Acetate)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>estradiol & norethindrone acetate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
FEMHRT LOW DOSE TABS (Norethindrone Acetate-Ethinyl Estradiol)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol tabs 2.5mcg-0.5mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PREMPHASE TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
PREMPRO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
Estrogens		
CLIMARA PTWK (Estradiol)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
DELESTROGEN OIL 10 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DELESTROGEN OIL 20 MG/ML, 40 MG/ML (Estradiol Valerate)	NF	MO
DIVIGEL GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
ESTRACE TABS (Estradiol)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>estradiol ptwk td 0.025 mg/24hr, 0.075 mg/24hr, 0.05 mg/24hr, 0.06 mg/24hr, 0.1 mg/24hr, 37.5 mcg/24hr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>estradiol tabs or 0.5 mg, 1 mg, 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>estradiol valerate oil im 20 mg/ml, 40 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>estropipate tabs 0.75 mg, 1.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PREMARIN TABS OR 0.625 MG, 0.45 MG, 0.3 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR IV 300 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BAXDELA TABS OR 450 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
CIPRO I.V.-IN D5W SOLN (<i>Ciprofloxacin in D5W</i>)	NF	MO
CIPRO TABS 250 MG, 500 MG (<i>Ciprofloxacin HCl</i>)	NF	MO
CIPRO XR TB24 (<i>Ciprofloxacin-Ciprofloxacin HCl</i>)	NF	MO
<i>ciprofloxacin hcl tabs or 100 mg, 250 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciprofloxacin in d5w soln 200mg/100ml-5%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin in d5w soln 400mg/200ml-5%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ciprofloxacin soln iv 400 mg/40ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin-ciprofloxacin hcl tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LEVAQUIN TABS (<i>Levofloxacin</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
<i>levofloxacin in d5w soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levofloxacin soln iv 25 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levofloxacin soln or 25 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levofloxacin tabs or 250 mg, 500 mg, 750 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Antiflatulents		
GAS-X EXTRA STRENGTH CHEW 125 MG (<i>Simethicone</i>)	NF	MO; NT
<i>simethicone caps or 125mg, 125 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>simethicone chew or 125 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Farnesoid X Receptor (FXR) Agonists		
OCALIVA TABS 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily)
OCALIVA TABS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily)
Gallstone Solubilizing Agents		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ACTIGALL CAPS (<i>Ursodiol</i>)	NF	MO
<i>chenodiol tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	LA
URSO 250 TABS (<i>Ursodiol</i>)	NF	MO
URSO FORTE TABS (<i>Ursodiol</i>)	NF	MO
<i>ursodiol caps or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ursodiol tabs or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Gastrointestinal Antiallergy Agents		
<i>cromolyn sodium (mastocytosis) conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
GASTROCROM CONC (<i>Cromolyn Sodium (Mastocytosis)</i>)	NF	MO
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl soln ij 5 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metoclopramide hcl soln or 5 mg/5ml, 10 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>metoclopramide hcl tabs or 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
REGLAN TABS (<i>Metoclopramide HCl</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Inflammatory Bowel Agents		
APRISO CP24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ASACOL HD TBEC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
AZULFIDINE EN-TABS TBEC (<i>Sulfasalazine</i>)	NF	MO
AZULFIDINE TABS (<i>Sulfasalazine</i>)	NF	MO
<i>balsalazide disodium caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CIMZIA KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CIMZIA STARTER KIT KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
COLAZAL CAPS (<i>Balsalazide Disodium</i>)	NF	MO
DELZICOL CPDR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
DIPENTUM CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ENTYVIO SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
INFLECTRA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
MESALAMINE DR TBEC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>mesalamine enem re 4 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>mesalamine w/ cleanser kit</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
REMICADE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ROWASA KIT (<i>Mesalamine w/ Cleanser</i>)	NF	MO
STELARA SOLN IV 130 MG/26ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>sulfasalazine tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sulfasalazine tbec or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>alosetron hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA; MO
LINZESS CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
LOTRONEX TABS (<i>Alosetron HC</i>)	NF	PA; MO
VIBERZI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
MOVANTIK TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
RELISTOR SOLN SC 8 MG/0.4ML, 12 MG/0.6ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FOSRENOL CHEW 500 MG, 750 MG, 1000 MG (<i>Lanthanum Carbonate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>lanthanum carbonate chew</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
RENVELA PACK 2.4 GM (<i>Sevelamer Carbonate</i>)	NF	MO
RENVELA TABS 800 MG (<i>Sevelamer Carbonate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sevelamer carbonate pack 2.4 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sevelamer carbonate tabs 800 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Short Bowel Syndrome (SBS) Agents		
GATTEX KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
Tryptophan Hydroxylase Inhibitors		
XERMELO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) tbc 540 mg, 1080 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
UROKIT-K 10 TBCR (Potassium Citrate (Alkalinizer))	NF	MO
UROKIT-K 5 TBCR (Potassium Citrate (Alkalinizer))	NF	MO
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Genitourinary Irrigants		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>acetic acid soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>neomycin/polymyxin b gu soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NEOSPORIN GU IRRIGANT SOLN (Neomycin/Polymyxin B GU)	NF	MO
<i>sodium chloride (gu irrigant) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
AVODART CAPS (Dutasteride)	NF	MO
<i>dutasteride caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dutasteride-tamsulosin hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>finasteride tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FLOMAX CAPS (Tamsulosin HCl)	NF	MO
JALYN CAPS (Dutasteride-Tamsulosin HCl)	NF	MO
PROSCAR TABS (Finasteride)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>tamsulosin hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
UROXATRAL TB24 (<i>Alfuzosin HC</i>)	NF	MO
Urinary Analgesics		
PYRIDIUM TABS (<i>Phenazopyridine HC</i>)	NF	MO; NT
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Gout Agents		
<i>allopurinol tabs or 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>allopurinol tabs or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2.66 ea daily); MO
<i>colchicine tabs or</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
COLCRYS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZYLOPRIM TABS 100 MG (<i>Allopurinol</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
ZYLOPRIM TABS 300 MG (<i>Allopurinol</i>)	NF	SL(2.66 ea daily); MO
Uricosurics		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>probenecid tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
FIRAZYR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Complement Inhibitors		
BERINERT KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA
CINRYZE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
HAEGARDA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RUCONEST SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline tbcr or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Plasma Kallikrein Inhibitors		
KALBITOR SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Platelet Aggregation Inhibitors		
AGGRENOX CP12 (<i>Aspirin-Dipyridamole</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AGRYLIN CAPS (Anagrelide HCl)	NF	MO
<i>anagrelide hcl caps</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>aspirin-dipyridamole cp12</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
BRILINTA TABS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
<i>cilostazol tabs</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clopidogrel bisulfate tabs 300 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	
<i>clopidogrel bisulfate tabs 75 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dipyridamole tabs or 25 mg, 50 mg, 75 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
EFFIENT TABS (<i>Prasugrel HCl</i>)	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
PERSANTINE TABS (<i>Dipyridamole</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
PLAVIX TABS 300 MG (<i>Clopidogrel Bisulfate</i>)	NF	
PLAVIX TABS 75 MG (<i>Clopidogrel Bisulfate</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>prasugrel hcl tabs</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
ZONTIVITY TABS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA CAPS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	PA
CEREZYME SOLR	\$0- \$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ELELYSO SOLR	\$0- \$8.35 (Tier 2)	
<i>miglustat caps</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	LA; MO
VPRIV SOLR	\$0- \$8.35 (Tier 2)	
ZAVESCA CAPS (<i>Miglustat</i>)	\$0- \$8.35 (Tier 2)	LA; MO
Agents for Sickle Cell Anemia		
DROXIA CAPS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ENDARI PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin tabs or 100 mcg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>cyanocobalamin tabs or 50 mcg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid caps or 0.8 mg, 800 mcg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
FOLIC ACID CAPS OR 20 MG	\$0 (Tier 3)	NT
<i>folic acid tabs or 1 mg</i>	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
<i>folic acid tabs or 400 mcg, 800 mcg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EPOGEN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GRANIX SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LEUKINE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEULASTA ONPRO KIT PSKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEULASTA SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PROCRIT SOLN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML, 40000 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PROMACTA TABS 12.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(12 ea daily); LA
PROMACTA TABS 25 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(6 ea daily); LA
PROMACTA TABS 50 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(3 ea daily); LA
PROMACTA TABS 75 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); LA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZARXIO SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Iron		
FER-IN-SOL SOLN (Ferrous Sulfate)	NF	MO; NT
<i>ferrous sulfate elix or 220 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
FERROUS SULFATE LIQD OR 220 MG/5ML	\$0 (Tier 3)	NT
<i>ferrous sulfate soln or 15 mg/ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
FERROUS SULFATE SYRP OR 300 MG/5ML	\$0 (Tier 3)	NT
<i>ferrous sulfate tabs or 65 mg, 325 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
FERROUS SULFATE TBEC OR 324 MG	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>ferrous sulfate tbec or 325 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT
IRON CHEWS PEDIATRIC CHEW	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>polysaccharide iron complex caps</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Hemostatics - Systemic		
AMICAR SOLN 0.25 GM/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
AMICAR TABS 500 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CYKLOKAPRON SOLN (Tranexamic Acid)	NF	
LYSTEDA TABS (Tranexamic Acid)	NF	MO
<i>tranexamic acid soln iv 1000 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>tranexamic acid tabs or 650 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
BUTISOL SODIUM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>phenobarbital elix or 20 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>phenobarbital soln or 20 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>phenobarbital tabs or 15 mg, 30 mg, 60 mg, 100 mg, 16.2 mg, 32.4 mg, 64.8 mg, 97.2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
Hypnotics - Tricyclic Agents		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
SILENOR TABS 3 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(2 ea daily); MO
SILENOR TABS 6 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL(1 ea daily); MO
Non-Barbiturate Hypnotics		
AMBIEN CR TBCR 12.5 MG (<i>Zolpidem Tartrate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(1 ea daily); MO
AMBIEN CR TBCR 6.25 MG (<i>Zolpidem Tartrate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
AMBIEN TABS 10 MG (<i>Zolpidem Tartrate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(1 ea daily); MO
AMBIEN TABS 5 MG (<i>Zolpidem Tartrate</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
HALCION TABS (<i>Triazolam</i>)	NF	MO
RESTORIL CAPS (<i>Temazepam</i>)	NF	MO
SONATA CAPS (<i>Zaleplon</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>temazepam caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TRIAZOLAM TABS 0.125 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>triazolam tabs 0.25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>zaleplon caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>zolpidem tartrate tabs or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(1 ea daily); MO
<i>zolpidem tartrate tabs or 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
<i>zolpidem tartrate tbcr or 12.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(1 ea daily); MO
<i>zolpidem tartrate tbcr or 6.25 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; SL(2 ea daily); MO
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA TABS 10 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(2 ea daily); MO
BELSOMRA TABS 15 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1.33 ea daily); MO
BELSOMRA TABS 20 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(1 ea daily); MO
BELSOMRA TABS 5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(4 ea daily); MO
Selective Melatonin Receptor Agonists		
HETLIOZ CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ROZEREM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil tabs</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CITRUCEL FIBER LAXATIVE POWD (<i>Methylcellulose (Laxative)</i>)	NF	MO; NT
CVS NATURAL FIBER SUPPLEMENT PACK	\$0 (Tier 3)	NT
EQUALACTIN CHEW	\$0 (Tier 3)	MO; NT
EVAC POWD (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
FIBERCON TABS (<i>Calcium Polycarbophil</i>)	NF	MO; NT
HYDROCIL INSTANT PACK	\$0 (Tier 3)	MO; NT
HYDROCIL INSTANT POWD (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
KONSYL PACK 100 %	\$0 (Tier 3)	MO; NT
KONSYL PACK 28.3 %, 60.3 %	\$0 (Tier 3)	NT
KONSYL POWD 100 % (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
KONSYL POWD 60.3 %, 71.67 %	\$0 (Tier 3)	NT
KONSYL-D POWD	\$0 (Tier 3)	NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
METAMUCIL CAPS 0.52 GM (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
METAMUCIL ORIGINAL TEXTURE POWD (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
METAMUCIL POWD 48.57 % (<i>Psyllium</i>)	NF	MO; NT
METAMUCIL SMOOTH TEXTURE FIBER SINGLES PACK	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>methylcellulose (laxative) powd</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>psyllium caps 0.52 gm, 520 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>psyllium powd 33 %, 68 %, 30.9 %</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>psyllium powd 95 %, 100 %, 28.3 %, 58.6 %, 48.57 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Laxative Combinations		
<i>bisacodyl-peg 3350-pot chloride-sod bicarb-sod chloride kit</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
COLYTE-FLAVOR PACKS SOLR (<i>PEG 3350-KCl-Sod Bicarb-Sod Chloride-Sod Sulfate</i>)	NF	MO
GOLYTELY SOLR 236GM-22.74GM-5.86GM-2.97GM-6.74GM (<i>PEG 3350-KCl-Sod Bicarb-Sod Chloride-Sod Sulfate</i>)	NF	MO
NULYTELY/FLAVOR PACKS SOLR (<i>PEG 3350-Potassium Chloride-Sod Bicarbonate-Sod Chloride</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SUPREP BOWEL PREP KIT SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Laxatives - Miscellaneous		
FLEET LIQUID GLYCERIN SUPPOSITORIES ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>lactulose soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MIRALAX PACK (Polyethylene Glycol 3350)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
MIRALAX POWD (Polyethylene Glycol 3350)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
<i>polyethylene glycol 3350 pack or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>polyethylene glycol 3350 pack or</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>polyethylene glycol 3350 powd or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>polyethylene glycol 3350 powd or</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
Saline Laxatives		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
MILK OF MAGNESIA CONCENTRATE SUSP	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl supp re 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>bisacodyl tbec or 5 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
DULCOLAX SUPP (Bisacodyl)	NF	MO; NT
DULCOLAX TBEC (Bisacodyl)	NF	MO; NT
EX-LAX TABS (Sennosides)	NF	MO; NT
FLEET BISACODYL ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>sennosides tabs 15 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Surfactant Laxatives		
COLACE CAPS (Docusate Sodium)	NF	MO; NT
<i>docusate calcium caps</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>docusate sodium caps or 100 mg, 250 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>docusate sodium liqd or 50 mg/5ml, 150 mg/15ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>docusate sodium syrp or 60 mg/15ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>docusate sodium tabs or 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DOCUSOL MINI ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
DOCUSOL PLUS MINI-ENEMA ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
ENEMEEZ MINI ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
ENEMEEZ PLUS ENEM	\$0 (Tier 3)	MO; NT
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) soln 1 %, 2 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MARCAINE SOLN 0.5 % (<i>Bupivacaine HCl</i>)	NF	MO
XYLOCAINE SOLN IJ 1 %, 2 % (<i>Lidocaine HCl (Local Anesth.)</i>)	NF	
XYLOCAINE-MPF SOLN 1 % (<i>Lidocaine HCl (Local Anesth.)</i>)	NF	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin solr iv 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>azithromycin susr or 100 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(3 ml daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>azithromycin susr or 200 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(4.5 ml daily); MO
<i>azithromycin tabs or 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1.2 ea daily); MO
<i>azithromycin tabs or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(1 ea daily); MO
<i>azithromycin tabs or 600 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.29 ea daily); MO
ZITHROMAX SOLR IV 500 MG (<i>Azithromycin</i>)	NF	MO
ZITHROMAX SUSR OR 100 MG/5ML (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(3 ml daily); MO
ZITHROMAX SUSR OR 200 MG/5ML (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(4.5 ml daily); MO
ZITHROMAX TABS OR 250 MG (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(1.2 ea daily); MO
ZITHROMAX TABS OR 500 MG (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
ZITHROMAX TABS OR 600 MG (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(0.29 ea daily); MO
ZITHROMAX TRI-PAK TABS (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(1 ea daily); MO
ZITHROMAX Z-PAK TABS (<i>Azithromycin</i>)	NF	QL(1.2 ea daily); MO
Clarithromycin		
BIAXIN TABS 250 MG, 500 MG (<i>Clarithromycin</i>)	NF	MO
<i>clarithromycin susr or 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>clarithromycin tabs or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clarithromycin tb24 or 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Erythromycins		
<i>erythromycin base tabs 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
<i>erythromycin base tabs 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>erythromycin ethylsuccinate tabs or 400 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(10 ea daily); MO
<i>erythromycin lactobionate solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily)
<i>erythromycin stearate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(16 ea daily); MO
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Bandages-Dressings-Tape		
<i>gauze pads 2"x2"</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
Contraceptives		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FC FEMALE CONDOM MISC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
FC2 FEMALE CONDOM MISC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
LATEX CONDOMS	\$0 (Tier 3)	
Misc. Devices		
ALCOHOL PADS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	RX/OTC; MO
Parenteral Therapy Supplies		
INSULIN SYRINGES AND PEN NEEDLES	\$0-\$8.35 (Tier 2)	RX/OTC; MO
Respiratory Therapy Supplies		
AIRZONE PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASSESS FULL RANGE PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASSESS LOW RANGE PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASSESS PEAK FLOW METER FULL RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASSESS PEAK FLOW METER LOW RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASTHMA CHECK METER-ZONE SYSTEM DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ASTHMAMENTOR DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
LUNG PERFORMANCE PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
MICROLIFE DIGITAL PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
MINI WRIGHT AFS PEAK FLOWMETER LOW RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
MINI WRIGHT PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PEAK AIR PEAK FLOW METERADULT/PEDIATRIC DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PERSONAL BEST FULL RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PERSONAL BEST LOW RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PIKO 1 ELECTRONIC DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
POCKET PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
POCKETPEAK PEAK FLOW METER LOW RANGE DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
POCKETPEAK PEAK FLOW METER/UNIVERSAL RANGE 50-720 LPM DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
TRUZONE PEAK FLOW METER DEVI	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Migraine Combinations		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ergotamine w/ caffeine supp re 2mg-100mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sumatriptan-naproxen sodium tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TREXIMET TABS 10MG-60MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TREXIMET TABS 85MG-500MG (<i>Sumatriptan-Naproxen Sodium</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Migraine Products		
D.H.E. 45 SOLN (<i>Dihydroergotamine Mesylate</i>)	NF	MO
<i>dihydroergotamine mesylate soln ij 1 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DIHYDROERGOTAMINE MESYLATE SOLN NA 4 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>ergotamine tartrate subl sl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MIGRANAL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AMERGE TABS (<i>Naratriptan HCl</i>)	NF	QL(0.3 ea daily); MO
AXERT TABS (<i>Almotriptan Malate</i>)	NF	MO
IMITREX SOLN SC 6 MG/0.5ML (<i>Sumatriptan Succinate</i>)	NF	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT (<i>Sumatriptan Succinate</i>)	NF	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ (<i>Sumatriptan Succinate</i>)	NF	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO
IMITREX TABS OR 25 MG, 50 MG, 100 MG (<i>Sumatriptan Succinate</i>)	NF	QL(0.3 ea daily); MO
MAXALT TABS (<i>Rizatriptan Benzoate</i>)	NF	QL(0.4 ea daily); MO
MAXALT-MLT TBDP (<i>Rizatriptan Benzoate</i>)	NF	QL(0.4 ea daily); MO
<i>naratriptan hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.3 ea daily); MO
<i>rizatriptan benzoate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.4 ea daily); MO
<i>rizatriptan benzoate tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.4 ea daily); MO
<i>sumatriptan succinate soaj sc 4 mg/0.5ml, 6 mg/0.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO
<i>sumatriptan succinate soct sc 4 mg/0.5ml, 6 mg/0.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sumatriptan succinate soln sc 6 mg/0.5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Limit 4mls per month;QL(0.14 ml daily); MO
<i>sumatriptan succinate tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL(0.3 ea daily); MO
<i>zolmitriptan tabs 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>zolmitriptan tabs 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
<i>zolmitriptan tbdp 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
<i>zolmitriptan tbdp 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
ZOMIG TABS OR 2.5 MG (<i>Zolmitriptan</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
ZOMIG TABS OR 5 MG (<i>Zolmitriptan</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
ZOMIG ZMT TBDP 2.5 MG (<i>Zolmitriptan</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
ZOMIG ZMT TBDP 5 MG (<i>Zolmitriptan</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
MINERALS & ELECTROLYTES		
Calcium		
CALCI-CHEW CHEW	\$0 (Tier 3)	NT
<i>calcium carbonate tabs or 500 mg, 1250 mg</i>	\$0 (Tier 3)	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>calcium carbonate tabs or 600mg, 600 mg, 1500 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium carbonate-cholecalciferol caps 600mg-500unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium carbonate-cholecalciferol chew 500mg-100unit, 500mg-400unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium carbonate-cholecalciferol tabs 500mg-200unit, 600mg-400unit, 600mg-800unit, 600mg-600mg-800unit-400unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium carbonate-cholecalciferol tabs 500mg-600unit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>calcium carbonate-vitamin d tabs 125unit-250mg, 125unit-500mg, 250mg-125unit, 400unit-600mg, 500mg-125unit, 600mg-400unit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>calcium carbonate-vitamin d tabs 200unit-500mg, 500mg-200unit, 500mg-500mg-200unit-200unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CALCIUM CITRATE MALATE/VITAMIN D TABS	\$0 (Tier 3)	NT
<i>calcium citrate tabs or 200 mg, 950 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>calcium citrate-vitamin d tabs 250mg-200unit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>calcium citrate-vitamin d tabs 315mg-200unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CALCIUM GLUCONATE TABS OR 500 MG	\$0 (Tier 3)	NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CALTRATE 600+D TABS (<i>Calcium Carbonate-Cholecalciferol</i>)	NF	MO; NT
EQL CALCIUM/VITAMIN D CAPS	\$0 (Tier 3)	NT
GNP VITAMIN D-400 TABS	\$0 (Tier 3)	NT
<i>oyster shell tabs</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
RA OYSTER SHELL CALCIUM/VITAMIN D TABS	\$0 (Tier 3)	NT
RISACAL-D TABS	\$0 (Tier 3)	NT
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dextrose w/ sodium chloride soln 0.45%-2.5%, 0.45%-5%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dextrose w/ sodium chloride soln 0.9%-5%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>lactated ringer's soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>parenteral electrolytes conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>parenteral electrolytes soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride soln 0.45%-20meq/l-5%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Magnesium		
MAGDELAY TBEC	\$0 (Tier 3)	NT
<i>magnesium sulfate soln ij 50 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>magnesium sulfate soln iv 2 gm/50ml, 4 gm/50ml, 4 gm/100ml, 20 gm/500ml, 40 gm/1000ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MAGNESIUM SULFATE SOLN IV 2 GM/50ML, 4 GM/50ML, 4 GM/100ML, 20 GM/500ML, 40 GM/1000ML (<i>Magnesium Sulfate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Phosphate		
<i>sodium phosphates (sodium phosphate dibasic & monobasic) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Potassium		
K-TAB TBCR 10 MEQ (<i>Potassium Chloride</i>)	NF	MO
K-TAB TBCR 8 MEQ, 20 MEQ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MICRO-K CPCR (<i>Potassium Chloride</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>potassium chloride cpcr or 8 meq, 10 meq</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
POTASSIUM CHLORIDE ER TBCR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er tbc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>potassium chloride soln iv 2 meq/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>potassium chloride soln or 10 %, 20 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>potassium chloride tbc</i> or 8 meq, 10 meq	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Sodium		
<i>sodium chloride soln iv 0.45 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sodium chloride soln iv 0.9 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
CUPRIMINE CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
DEPEN TITRATABS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
SYPRINE CAPS (<i>Trientine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>trientine hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Immunomodulators		
REVLIMID CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
THALOMID CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Immunosuppressive Agents		
ASTAGRAF XL CP24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
AZATHIOPRINE SOLR IJ 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
<i>azathioprine tabs or 50 mg, 75 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
CELLCEPT CAPS (<i>Mycophenolate Mofetil</i>)	NF	B/D; MO
CELLCEPT INTRAVENOUS SOLR (<i>Mycophenolate Mofetil HCl</i>)	NF	B/D
CELLCEPT SUSR (<i>Mycophenolate Mofetil</i>)	NF	B/D; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CELLCEPT TABS (<i>Mycophenolate Mofetil</i>)	NF	B/D; MO
<i>cyclosporine caps or 25 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) caps 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>cyclosporine soln iv 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
ENVARUSUS XR TB24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
IMURAN TABS (<i>Azathioprine</i>)	NF	B/D; MO
<i>mycophenolate mofetil caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>mycophenolate mofetil hcl solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
<i>mycophenolate mofetil susr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>mycophenolate mofetil tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>mycophenolate sodium tbec</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
MYFORTIC TBEC (<i>Mycophenolate Sodium</i>)	NF	B/D; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NEORAL CAPS 25 MG, 100 MG (<i>Cyclosporine Modified (For Microemulsion)</i>)	NF	B/D; MO
NULOJIX SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
PROGRAF CAPS OR 0.5 MG, 1 MG, 5 MG (<i>Tacrolimus</i>)	NF	B/D; MO
PROGRAF SOLN IV 5 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
RAPAMUNE SOLN 1 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
RAPAMUNE TABS 0.5 MG, 1 MG, 2 MG (<i>Sirolimus</i>)	NF	B/D; MO
SANDIMMUNE CAPS OR 25 MG, 100 MG (<i>Cyclosporine</i>)	NF	B/D; MO
SANDIMMUNE SOLN IV 50 MG/ML (<i>Cyclosporine</i>)	NF	B/D
SANDIMMUNE SOLN OR 100 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
SIMULECT SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
<i>sirolimus tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
<i>tacrolimus caps or 0.5 mg, 1 mg, 5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
THYMOGLOBULIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
ZORTRESS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D; MO
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>water for irrigation, sterile soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Potassium Removing Agents		
KAYEXALATE POWD (<i>Sodium Polystyrene Sulfonate</i>)	NF	MO
<i>sodium polystyrene sulfonate powd or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sodium polystyrene sulfonate susp or 15 gm/60ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VELTASSA PACK 16.8 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; SL(1.5 ea daily); LA; MO
VELTASSA PACK 25.2 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; SL(1 ea daily); LA; MO
VELTASSA PACK 8.4 GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; SL(3 ea daily); LA; MO
Systemic Lupus Erythematosus Agents		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BENLYSTA SOAJ SC 200 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BENLYSTA SOLR IV 120 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BENLYSTA SOSY SC 200 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole lozg mt</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clotrimazole troc mt</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nystatin (mouth-throat) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PERIDEX SOLN (Chlorhexidine Gluconate (Mouth-Throat))	NF	MO
Dental Products		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GEL-KAM ORAL CARE RINSE CONC (<i>Stannous Fluoride</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
Steroids - Mouth/Throat		
<i>triamcinolone acetonide (mouth) pste</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EVOXAC CAPS (<i>Cevimeline HCl</i>)	NF	MO
<i>pilocarpine hcl (oral) tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SALAGEN TABS (<i>Pilocarpine HCl (Oral)</i>)	NF	MO
MULTIVITAMINS		
Pediatric Vitamins		
<i>pediatric vitamins adc soln</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TRI-VI-SOL SOLN (<i>Pediatric Vitamins ADC</i>)	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Prenatal Vitamins		
CENTRUM SPECIALIST PRENATAL MISC	\$0 (Tier 3)	NT
CLASSIC PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
CVS PRENATAL MULTI+DHA CAPS	\$0 (Tier 3)	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CVS PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
ENFAMIL EXPECTA MISC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
EQL PRENATAL FORMULA TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
EZFE FORTE CAPS	\$0 (Tier 3)	NT
GNP DAILY PRENATAL MISC	\$0 (Tier 3)	NT
GNP PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
GOODSENSE PRENATAL VITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
HM ONE DAILY PRENATAL COMBO MISC	\$0 (Tier 3)	NT
HM PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
KPN PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	NT
MULTI PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NAT-RUL PRENATAL VITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NESTABS TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ONE A DAY WOMENS PRENATAL1 CAPS	\$0 (Tier 3)	NT
ONE-A-DAY WOMENS PRENATAL MISC	\$0 (Tier 3)	NT
PREMESISRX TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PRENATAL FORMULA A-FREE TABS	\$0 (Tier 3)	NT
PRENATAL LOW IRON TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL MULTI + DHA CAPS 250MG-11UNIT-4000UNIT-25MG-1.5MG-38MG-27MG-18MG-1.7MG-4MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-60MG	\$0 (Tier 3)	NT
PRENATAL MULTIVITAMIN + DHA MISC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL MULTIVITAMIN PLUS DHA CAPS 250MG-11UNIT-4000UNIT-25MG-1.5MG-38MG-27MG-18MG-1.7MG-4MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-60MG	\$0 (Tier 3)	NT
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL ONE DAILY TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PRENATAL TABS 11UNIT-263MG-25MG-1.5MG-27MG-4000UNIT-18MG-1.7MG-4MCG-400UNIT-0.8MG-2.6MG-100MG, 30UNIT-4000UNIT-25MG-1.8MG-200MG-28MG-20MG-1.7MG-8MCG-400UNIT-0.8MG-2.6MG-120MG, 30UNIT-25MG-1.8MG-200MG-28MG-20MG-1.7MG-4000UNIT-8MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-120MG, 30UNIT-4000UNIT-25MG-1.8MG-200MG-28MG-20MG-1.7MG-8MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-120MG, 4000UNIT-30UNIT-200MG-25MG-1.8MG-28MG-20MG-1.7MG-8MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-120MG, 4000UNIT-30UNIT-25MG-1.8MG-200MG-28MG-20MG-1.7MG-8MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-120MG, 160MG-11UNIT-200MG-25MG-1.84MG-27MG-4000UNIT-18MG-1.7MG-4MCG-400UNIT-800MCG-2.6MG-100MG	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL TABS 3.75UNIT-0.5MG-50MG-0.5MG-25MG-15MG-3.75MG-6.75MG-2.5MG-5MG-0.75MG-500UNIT-2.5MCG-0.5MG-200MCG-25MCG-0.75MG-100UNIT	\$0 (Tier 3)	NT
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL VITAMIN TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATAL VITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PRENATE AM TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PRENATE CHEW	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
QC PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
RA ONE DAILY MISC	\$0 (Tier 3)	NT
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
RA PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
RIGHT STEP PRENATAL TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SIMILAC PRENATAL EARLY SHIELD MISC	\$0 (Tier 3)	NT
SM ONE DAILY PRENATAL MISC	\$0 (Tier 3)	NT
SM PRENATAL VITAMINS TABS	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
STUART ONE CAPS	\$0 (Tier 3)	NT
THERANATAL COMPLETE MISC	\$0 (Tier 3)	NT
VIRT-PN DHA CAPS 600MCG-330MG-300MG- 45MG-140MG-27MG- 12MCG-200UNIT- 400MCG-10UNIT-25MG- 85MG	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
ZATEAN-PN DHA CAPS	\$0- \$8.35 (Tier 2)	MO
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen tabs or 10 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO
<i>baclofen tabs or 20 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
BACLOFEN TABS OR 5 MG	\$0- \$8.35 (Tier 2)	SL(16 ea daily)
<i>carisoprodol tabs or 350 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>chlorzoxazone tabs 500 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>cyclobenzaprine hcl tabs or 5 mg, 10 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>metaxalone tabs</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>methocarbamol tabs or 500 mg, 750 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
ROBAXIN TABS OR 500 MG (<i>Methocarbamol</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
ROBAXIN-750 TABS (<i>Methocarbamol</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
SKELAXIN TABS (<i>Metaxalone</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
SOMA TABS 350 MG (<i>Carisoprodol</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>tizanidine hcl caps or 2 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(18 ea daily); MO
<i>tizanidine hcl caps or 4 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(9 ea daily); MO
<i>tizanidine hcl caps or 6 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(6 ea daily); MO
<i>tizanidine hcl tabs or 2 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(18 ea daily); MO
<i>tizanidine hcl tabs or 4 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	SL(9 ea daily); MO
ZANAFLEX CAPS 2 MG (<i>Tizanidine HCl</i>)	NF	SL(18 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ZANAFLEX CAPS 4 MG (<i>Tizanidine HCl</i>)	NF	SL(9 ea daily); MO
ZANAFLEX CAPS 6 MG (<i>Tizanidine HCl</i>)	NF	SL(6 ea daily); MO
ZANAFLEX TABS 4 MG (<i>Tizanidine HCl</i>)	NF	SL(9 ea daily); MO
Direct Muscle Relaxants		
DANTRIUM CAPS (<i>Dantrolene Sodium</i>)	NF	MO
<i>dantrolene sodium caps or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Agents - Misc.		
OCEAN NASAL SPRAY SOLN (<i>Saline</i>)	NF	MO; NT
<i>saline soln na 0.65%- 0.002%, 0.65 %, 0.65%</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl soln 0.1 %, 137 mcg/spray</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>cromolyn sodium (nasal) aers</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NASALCROM AERS (<i>Cromolyn Sodium (Nasal)</i>)	NF	MO; NT
<i>olopatadine hcl (nasal) soln</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
PATANASE SOLN (<i>Olopatadine HCl (Nasal)</i>)	NF	MO
Nasal Anticholinergics		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ATROVENT SOLN (<i>Ipratropium Bromide (Nasal)</i>)	NF	MO
<i>ipratropium bromide (nasal) soln</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal) susp</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
FLONASE ALLERGY RELIEF CHILDRENS SUSP (<i>Fluticasone Propionate (Nasal)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
FLONASE ALLERGY RELIEF SUSP (<i>Fluticasone Propionate (Nasal)</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
<i>flunisolide (nasal) soln</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	MO
<i>fluticasone propionate (nasal) susp</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>fluticasone propionate (nasal) susp</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
NASACORT ALLERGY 24HR AERO (<i>Triamcinolone Acetonide (Nasal)</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
NASACORT ALLERGY 24HR CHILDRENS AERO (<i>Triamcinolone Acetonide (Nasal)</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
<i>triamcinolone acetonide (nasal) aero</i>	\$0- \$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Sympathomimetic Decongestants		
NASAL DECONGESTANT LIQD	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NASAL DECONGESTANT SYRP	\$0 (Tier 3)	NT
<i>pseudoephedrine hcl liqd or 15 mg/5ml</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>pseudoephedrine hcl tabs or 30 mg, 60 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SUDAFED CHILDRENS LIQD (<i>Pseudoephedrine HCl</i>)	NF	MO; NT
SUDAFED CONGESTION TABS (<i>Pseudoephedrine HCl</i>)	NF	MO; NT
SUDAFED NASAL DECONGESTANT MAXIMUM STRENGTH TABS (<i>Pseudoephedrine HCl</i>)	NF	MO; NT
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
RADICAVA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
RILUTEK TABS (<i>Riluzole</i>)	NF	MO
<i>riluzole tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Muscular Dystrophy Agents		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
EXONDYS 51 SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
BOTOX SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
XEOMIN SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
NUTRIENTS		
Carbohydrates		
DEXTROSE ANHYDROUS GRAN	\$0 (Tier 3)	NT
<i>dextrose soln iv 10 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
<i>dextrose soln iv 5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D; MO
Lipids		
<i>fat emulsion emul</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
Misc. Nutritional Substances		
ATABEX DHA CAPS	\$0 (Tier 3)	NT
Proteins		
<i>amino acid electrolyte infusion soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>amino acid infusion 15%</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	B/D
AMINOSYN II 15% (<i>amino acid infusion</i>)	NF	B/D
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Artificial Tears and Lubricants		
<i>polyvinyl alcohol soln op</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Beta-blockers - Ophthalmic		
BETAGAN SOLN (<i>Levobunolol HCl</i>)	NF	MO
<i>betaxolol hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carteolol hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
COSOPT SOLN (<i>Dorzolamide HCl-Timolol Maleate</i>)	NF	MO
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levobunolol hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>timolol maleate (ophth) solg 0.25 %, 0.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>timolol maleate (ophth) soln 0.25 %, 0.5 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TIMOLOL MALEATE OPHTHALMIC GEL FORMING SOLG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TIMOPTIC SOLN (<i>Timolol Maleate (Ophth)</i>)	NF	MO
TIMOPTIC-XE SOLG 0.25 % (<i>Timolol Maleate (Ophth)</i>)	NF	MO
Cycloplegic Mydriatics		
CYCLOGYL SOLN 1 % (<i>Cyclopentolate HCl</i>)	NF	MO
<i>cyclopentolate hcl soln op 1 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Miotics		
ISOPTO CARPINE SOLN (<i>Pilocarpine HCl</i>)	NF	MO
PHOSPHOLINE IODIDE SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pilocarpine hcl soln op 1 %, 2 %, 4 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Ophthalmic Adrenergic Agents		
ALPHAGAN P SOLN 0.1 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ALPHAGAN P SOLN 0.15 % (<i>Brimonidine Tartrate</i>)	NF	MO
<i>apraclonidine hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>brimonidine tartrate soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
IOPIDINE SOLN 0.5 % (<i>Apraclonidine HCl</i>)	NF	MO
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>bacitracin (ophthalmic) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>bacitracin-polymyxin b (ophth) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
BLEPH-10 SOLN (<i>Sulfacetamide Sodium (Ophth)</i>)	NF	MO
CILOXAN SOLN (<i>Ciprofloxacin HCl (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>erythromycin (ophth) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gatifloxacin (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>gentamicin sulfate (ophth) oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>gentamicin sulfate (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>levofloxacin (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>moxifloxacin hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NATACYN SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>neomycin-polymyxin-gramicidin soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NEOSPORIN SOLN (<i>Neomycin-Polymyxin-Gramicidin</i>)	NF	MO
OCUFLOX SOLN (<i>Ofloxacin (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>ofloxacin (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>polymyxin b-trimethoprim soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
POLYTRIM SOLN (<i>Polymyxin B-Trimethoprim</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>sulfacetamide sodium (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tobramycin (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TOBREX SOLN (<i>Tobramycin (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>trifluridine soln op</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VIGAMOX SOLN (<i>Moxifloxacin HCl (Ophth)</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VIROPTIC SOLN (<i>Trifluridine</i>)	NF	MO
ZIRGAN GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZYMAXID SOLN (<i>Gatifloxacin (Ophth)</i>)	NF	MO
Ophthalmic Decongestants		
<i>naphazoline w/ pheniramine soln 0.025%-0.3%</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NAPHCON-A SOLN (<i>Naphazoline w/ Pheniramine</i>)	NF	MO; NT
Ophthalmic Immunomodulators		
RESTASIS EMUL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
RESTASIS MULTIDOSE EMUL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Ophthalmic Local Anesthetics		
ALCAINE SOLN (<i>Proparacaine HCl</i>)	NF	MO
<i>proparacaine hcl soln op</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Ophthalmic Steroids		
<i>bacitracin-poly-neomycin-hc oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
DUREZOL EMUL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>fluorometholone (ophth) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
FML LIQUIFILM SUSP (<i>Fluorometholone (Ophth)</i>)	NF	MO
LOTEMAX OINT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
MAXITROL OINT (<i>Neomycin-Polymy-Dexameth</i>)	NF	MO
MAXITROL SUSP (<i>Neomycin-Polymy-Dexameth</i>)	NF	MO
<i>neomycin-polymy-dexameth oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>neomycin-polymyx-dexameth susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
OMNIPRED SUSP (<i>Prednisolone Acetate (Ophth)</i>)	NF	MO
PRED FORTE SUSP (<i>Prednisolone Acetate (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>prednisolone acetate (ophth) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>sulfacetamide sod-prednisolone soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TOBRADEX SUSP (<i>Tobramycin-Dexamethasone</i>)	NF	MO
<i>tobramycin-dexamethasone susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Ophthalmics - Misc.		
ACULAR LS SOLN (<i>Ketorolac Tromethamine (Ophth)</i>)	NF	MO
ACULAR SOLN (<i>Ketorolac Tromethamine (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>azelastine hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
AZOPT SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bromfenac sodium (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	Once daily dosing;MO
<i>cromolyn sodium (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
CYSTARAN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	Limit 60mls per 28 days;QL(2.15 ml daily); LA; MO
<i>diclofenac sodium (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dorzolamide hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ELESTAT SOLN (<i>Epinastine HCl (Ophth)</i>)	NF	MO
<i>epinastine hcl (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EYEAID IRRIGATING SOLUTION SOLN (<i>Ophthalmic Irrigation Solution</i>)	NF	MO; NT
<i>flurbiprofen sodium soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ILEVRO SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>ketorolac tromethamine (ophth) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ketotifen fumarate (ophth) soln</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
MURO 128 OINT 5 % (Sodium Chloride Hypertonic)	NF	MO; NT
MURO 128 SOLN 2 %	\$0 (Tier 3)	MO; NT
MURO 128 SOLN 5 % (Sodium Chloride Hypertonic)	NF	MO; NT
NEVANAC SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
OCUFEN SOLN (Flurbiprofen Sodium)	NF	MO
<i>olopatadine hcl soln 0.2 %</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ophthalmic irrigation solution soln</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
PATADAY SOLN (Olopatadine HCl)	NF	MO
<i>sodium chloride hypertonic oint</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>sodium chloride hypertonic soln</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TRUSOPT SOLN (Dorzolamide HCl)	NF	MO
ZADITOR SOLN (Ketotifen Fumarate (Ophth))	NF	MO; NT
Prostaglandins - Ophthalmic		
BIMATOPROST SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>latanoprost soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
LUMIGAN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
TRAVATAN Z SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
XALATAN SOLN (Latanoprost)	NF	MO
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>carbamide peroxide (otic) soln</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
DEBROX SOLN (Carbamide Peroxide (Otic))	NF	MO; NT
Otic Anti-infectives		
FLOXIN OTIC SOLN (Ofloxacin (Otic))	NF	MO
<i>ofloxacin (otic) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Otic Combinations		
CIPRODEX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Otic Steroids		
DERMOTIC OIL (<i>Fluocinolone Acetonide (Otic)</i>)	NF	MO
<i>fluocinolone acetonide (otic) oil</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>hydrocortisone w/acetic acid soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
OXYTOCICS - Drugs to Prevent/Control Uterine Bleeding		
Oxytocics		
<i>methylergonovine maleate tabs or 0.2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
BIVIGAM SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
CUVITRU SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
FLEBOGAMMA DIF SOLN 10 %	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GAMASTAN S/D INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GAMMAGARD LIQUID SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GAMMAKED SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GAMMAPLEX SOLN 5 GM/50ML, 10GM/100ML, 20 GM/200ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GAMUNEX-C SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
HIZENTRA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
HYPERRAB S/D SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IMOGAM RABIES-HT SOLN 300 UNIT/2ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KEDRAB SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
OCTAGAM SOLN 2 GM/20ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
PRIVIGEN SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
VARIZIG SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Monoclonal Antibodies		
SYNAGIS SOLN 50 MG/0.5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZINPLAVA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin caps 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amoxicillin susr 125 mg/5ml, 200 mg/5ml, 250 mg/5ml, 400 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amoxicillin tabs 500 mg, 875 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ampicillin caps 250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ampicillin caps 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ampicillin sodium solr ij 1 gm, 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ampicillin sodium solr iv 10 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
Natural Penicillins		
BICILLIN L-A SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>penicillin g potassium solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>penicillin v potassium solr 250 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>penicillin v potassium tabs 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PFIZERPEN SOLR (<i>Penicillin G Potassium</i>)	NF	MO
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate chew</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>amoxicillin & pot clavulanate susr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amoxicillin & pot clavulanate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>amoxicillin & pot clavulanate tb12</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ampicillin & sulbactam sodium solr ij 1gm-2gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ampicillin & sulbactam sodium solr ij 5gm-10gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ampicillin & sulbactam sodium solr iv 5gm-10gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AUGMENTIN ES-600 SUSR (<i>Amoxicillin & Pot Clavulanate</i>)	NF	MO
AUGMENTIN SUSR 250MG/5ML-62.5MG/5ML (<i>Amoxicillin & Pot Clavulanate</i>)	NF	MO
AUGMENTIN TABS 500MG-125MG, 875MG-125MG (<i>Amoxicillin & Pot Clavulanate</i>)	NF	MO
AUGMENTIN XR TB12 (<i>Amoxicillin & Pot Clavulanate</i>)	NF	MO
BICILLIN C-R SUSP 300000UNIT/ML-300000UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
BICILLIN C-R SUSP 900000UNIT/2ML-300000UNIT/2ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium solr</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
UNASYN BULK PACK SOLR (<i>Ampicillin & Sulbactam Sodium</i>)	NF	
UNASYN SOLR 1GM-2GM (<i>Ampicillin & Sulbactam Sodium</i>)	NF	MO
ZOSYN SOLR 0.375GM-3GM, 0.25GM-2GM, 0.5GM-4GM, 4.5GM-36GM (<i>Piperacillin Sodium-Tazobactam Sodium</i>)	NF	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nafcillin sodium solr ij 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nafcillin sodium solr iv 10 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxacillin sodium solr 10 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxacillin sodium solr 2 gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Progestins		
AYGESTIN TABS (Norethindrone Acetate)	NF	MO
<i>medroxyprogesterone acetate tabs or 5 mg, 10 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MEGACE ES SUSP (Megestrol Acetate (Appetite))	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>megestrol acetate (appetite) susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>norethindrone acetate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>progesterone micronized caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PROMETRIUM CAPS (Progesterone Micronized)	NF	MO
PROVERA TABS (Medroxyprogesterone Acetate)	NF	MO
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium tbec</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ANTABUSE TABS (Disulfiram)	NF	MO
<i>disulfiram tabs or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Anti-Cataplectic Agents		
XYREM SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
Antidementia Agents		
ARICEPT TABS (<i>Donepezil Hydrochloride</i>)	NF	MO
<i>donepezil hydrochloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>donepezil hydrochloride tbdp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
EXELON CAPS (Rivastigmine Tartrate)	NF	MO
EXELON PT24 (Rivastigmine)	NF	MO
<i>galantamine hydrobromide cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>galantamine hydrobromide soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>galantamine hydrobromide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>memantine hcl cp24 14 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; At least 60 yrs old; SL(2 ea daily); MO
<i>memantine hcl cp24 21 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; At least 60 yrs old; SL(1.33 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>memantine hcl cp24 28 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; At least 60 yrs old; SL(1 ea daily); MO
<i>memantine hcl cp24 7 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; At least 60 yrs old; SL(4 ea daily); MO
<i>memantine hcl soln 2 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; At least 60 yrs old; MO
<i>memantine hcl tabs 5 mg, 10 mg,</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NAMENDA TABS 5 MG, 10 MG (<i>Memantine HCl</i>)	NF	MO
NAMENDA TITRATION PAK TABS (<i>Memantine HCl</i>)	NF	MO
NAMENDA XR CP24 14 MG (<i>Memantine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; At least 60 yrs old; SL(2 ea daily); MO
NAMENDA XR CP24 21 MG (<i>Memantine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; At least 60 yrs old; SL(1.33 ea daily); MO
NAMENDA XR CP24 28 MG (<i>Memantine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; At least 60 yrs old; SL(1 ea daily); MO
NAMENDA XR CP24 7 MG (<i>Memantine HCl</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; At least 60 yrs old; SL(4 ea daily); MO
NAMENDA XR TITRATION PACK CP24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	AL; At least 60 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
RAZADYNE ER CP24 (<i>Galantamine Hydrobromide</i>)	NF	MO
RAZADYNE TABS (<i>Galantamine Hydrobromide</i>)	NF	MO
<i>rivastigmine pt24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>rivastigmine tartrate caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>olanzapine-fluoxetine hcl caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>perphenazine-amitriptyline tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
SYMBYAX CAPS (<i>Olanzapine-Fluoxetine HCl</i>)	NF	MO
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS 12 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(4 ea daily); LA; MO
AUSTEDO TABS 6 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(8 ea daily); LA; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
AUSTEDO TABS 9 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(5.33 ea daily); LA; MO
<i>tetrabenazine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
XENAZINE TABS (<i>Tetrabenazine</i>)	NF	PA
Multiple Sclerosis Agents		
AMPYRA TB12	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AUBAGIO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AVONEX KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN AJKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AVONEX PSKT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BETASERON KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
COPAXONE SOSY (<i>Glatiramer Acetate</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EXTAVIA KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GILENYA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>glatiramer acetate sosy</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
LEMTRADA SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
OCREVUS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PLEGRIDY SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PLEGRIDY SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
REBIF SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TECFIDERA CPDR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TECFIDERA STARTER PACK MISC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TYSABRI CONC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
Premenstrual Dysphoric Disorder (PMDD) Agents		
<i>fluoxetine hcl (pmd) cap 10 mg, 20 mg</i>	NF	
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Psychotherapeutic and Neurological Agents -		
<i>ergoloid mesylates tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
ORAP TABS (<i>Pimozide</i>)	NF	MO
<i>pimozide tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Smoking Deterrents		

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>bupropion hcl (smoking deterrent) tb12</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(2 ea daily); MO
CHANTIX CONTINUING MONTHPAK TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CHANTIX STARTING MONTH PAK TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
CHANTIX TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
NICODERM CQ PT24 (<i>Nicotine</i>)	NF	MO; NT
NICORETTE GUM (<i>Nicotine Polacrilex</i>)	NF	MO; NT
NICORETTE LOZG (<i>Nicotine Polacrilex</i>)	NF	MO; NT
NICORETTE MINI LOZG (<i>Nicotine Polacrilex</i>)	NF	MO; NT
NICORETTE STARTER KIT GUM (<i>Nicotine Polacrilex</i>)	NF	MO; NT
<i>nicotine polacrilex gum mt 2 mg, 4 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>nicotine polacrilex lozg mt 2 mg, 4 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>nicotine pt24</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	\$0 (Tier 3)	NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NICOTROL INHALER INHA	\$0-\$8.35 (Tier 2)	SL(17 ea daily); MO
NICOTROL NS SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
ZYBAN TB12 (<i>Bupropion HCl (Smoking Deterrent)</i>)	NF	SL(2 ea daily); MO
Vasomotor Symptom Agents		
BRISDELLE CAPS (<i>Paroxetine Mesylate (Vasomotor)</i>)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
<i>paroxetine mesylate (vasomotor) caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
ARALAST NP SOLR 1000 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
PROLASTIN-C SOLR 1000 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
ZEMAIRA SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	LA; MO
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
KALYDECO TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; MO
ORKAMBI TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA; MO
PULMOZYME SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
Pulmonary Fibrosis Agents		
ESBRIET CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
ESBRIET TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
OFEV CAPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; LA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
ADOXA PAK 1/100 TABS (<i>Doxycycline (Monohydrate)</i>)	NF	MO
ADOXA PAK 1/150 TABS (<i>Doxycycline (Monohydrate)</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ADOXA PAK 2/100 TABS (<i>Doxycycline Monohydrate</i>)	NF	MO
ADOXA TABS (<i>Doxycycline Monohydrate</i>)	NF	MO
<i>demeclocycline hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline (monohydrate) caps 50 mg, 75 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline (monohydrate) susr 25 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline (monohydrate) tabs 50 mg, 75 mg, 100 mg, 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline hyclate caps or 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline hyclate solr iv 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline hyclate tabs or 20 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>doxycycline hyclate tbec or 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MINOCIN CAPS OR 50 MG, 75 MG, 100 MG (<i>Minocycline HCl</i>)	NF	MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>minocycline hcl caps or 50 mg, 75 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>minocycline hcl tabs or 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
MONODOX CAPS (<i>Doxycycline Monohydrate</i>)	NF	MO
<i>tetracycline hcl caps or 250 mg, 500 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TETRACYCLINE HCL CAPS OR 250 MG, 500 MG (<i>Tetracycline HCl</i>)	NF	MO
VIBRAMYCIN CAPS 100 MG (<i>Doxycycline Hyclate</i>)	NF	MO
VIBRAMYCIN SUSR 25 MG/5ML (<i>Doxycycline Monohydrate</i>)	NF	MO
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole tabs or 5 mg, 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>propylthiouracil tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
TAPAZOLE TABS (<i>Methimazole</i>)	NF	MO
Thyroid Hormones		
CYTOMEL TABS (<i>Liothyronine Sodium</i>)	NF	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>levothyroxine sodium tabs or 25 mcg, 50 mcg, 75 mcg, 88 mcg, 100 mcg, 112 mcg, 125 mcg, 137 mcg, 150 mcg, 175 mcg, 200 mcg, 300 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>liothyronine sodium tabs or 5 mcg, 25 mcg, 50 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
SYNTHROID TABS (<i>Levothyroxine Sodium</i>)	NF	MO
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BOOSTRIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DAPTACEL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
INFANRIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KINRIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEDIARIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PENTACEL SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
QUADRACEL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TENIVAC INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
BENTYL CAPS OR 10 MG (<i>Dicyclomine HCl</i>)	NF	MO
BENTYL TABS OR 20 MG (<i>Dicyclomine HCl</i>)	NF	MO
<i>dicyclomine hcl caps or 10 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>dicyclomine hcl tabs or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>glycopyrrolate soln ij 0.2 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>glycopyrrolate tabs or 1 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(8 ea daily); MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>glycopyrrolate tabs or 2 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	SL(4 ea daily); MO
LIBRAX CAPS (<i>Chlordiazepoxide HCl-Clidinium Bromide</i>)	NF	MO
<i>methscopolamine bromide tabs or 5 mg, 2.5 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
ROBINUL FORTE TABS (<i>Glycopyrrolate</i>)	NF	SL(4 ea daily); MO
ROBINUL SOLN IJ 0.2 MG/ML (<i>Glycopyrrolate</i>)	NF	MO
ROBINUL TABS OR 1 MG (<i>Glycopyrrolate</i>)	NF	SL(8 ea daily); MO
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine tabs or 200 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>cimetidine tabs or 200 mg</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>cimetidine tabs or 300 mg, 400 mg, 800 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>famotidine soln iv 20 mg/2ml, 40 mg/4ml, 200 mg/20ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>famotidine susr or 40 mg/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>famotidine tabs or 10 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>famotidine tabs or 20 mg</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>famotidine tabs or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>famotidine tabs or 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nizatidine caps 150 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PEPCID AC MAXIMUM STRENGTH TABS (<i>Famotidine</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PEPCID AC TABS (<i>Famotidine</i>)	NF	MO; NT
PEPCID SUSR 40 MG/5ML (<i>Famotidine</i>)	NF	MO
PEPCID TABS 20 MG (<i>Famotidine</i>)	NF	RX/OTC; MO
PEPCID TABS 40 MG (<i>Famotidine</i>)	NF	MO
<i>ranitidine hcl caps or 150 mg, 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ranitidine hcl syrp or 15 mg/ml, 75 mg/5ml, 150 mg/10ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ranitidine hcl tabs or 150 mg</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>ranitidine hcl tabs or 150 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>ranitidine hcl tabs or 300 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>ranitidine hcl tabs or 75 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TAGAMET HB TABS (<i>Cimetidine</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ZANTAC 150 MAXIMUM STRENGTH TABS (<i>Ranitidine HCl</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
ZANTAC 75 TABS (<i>Ranitidine HCl</i>)	NF	MO; NT
ZANTAC TABS OR 150 MG (<i>Ranitidine HCl</i>)	NF	RX/OTC; MO
ZANTAC TABS OR 300 MG (<i>Ranitidine HCl</i>)	NF	MO
Misc. Anti-Ulcer		
CARAFATE TABS 1 GM (<i>Sucralfate</i>)	NF	MO
<i>sucralfate tabs or</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Proton Pump Inhibitors		
CVS OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
DEXILANT CPDR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
EQ OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
EQL OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>esomeprazole magnesium cpdr 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>esomeprazole magnesium cpdr 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>esomeprazole sodium solr 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GNP OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
HM OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
KLS OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>lansoprazole cpdr or 15 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>lansoprazole cpdr or 15 mg</i>	\$0 (Tier 3)	Over-the-counter;RX/OTC; MO; NT
<i>lansoprazole cpdr or 30 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
NEXIUM 24HR CLEAR MINIS CPDR (<i>Esomeprazole Magnesium</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
NEXIUM 24HR CPDR (<i>Esomeprazole Magnesium</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
NEXIUM CPDR 20 MG (<i>Esomeprazole Magnesium</i>)	NF	RX/OTC; MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
NEXIUM CPDR 40 MG (<i>Esomeprazole Magnesium</i>)	NF	MO
NEXIUM I.V. SOLR (<i>Esomeprazole Sodium</i>)	NF	
NEXIUM PACK 5 MG, 10 MG, 20 MG, 40 MG, 2.5 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST; MO
<i>omeprazole cpdr or 10 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>omeprazole cpdr or 20 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
OMEPRAZOLE TBEC OR 20 MG	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>pantoprazole sodium solr iv 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>pantoprazole sodium tbec or 20 mg, 40 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PREVACID 24HR CPDR (<i>Lansoprazole</i>)	\$0 (Tier 3)	RX/OTC; MO; NT
PREVACID CPDR 15 MG (<i>Lansoprazole</i>)	NF	RX/OTC; MO
PREVACID CPDR 30 MG (<i>Lansoprazole</i>)	NF	MO
PRILOSEC CPDR 10 MG, 40 MG (<i>Omeprazole</i>)	NF	MO
PRILOSEC CPDR 20 MG (<i>Omeprazole</i>)	NF	RX/OTC; MO
PRILOSEC OTC TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
PROTONIX SOLR IV 40 MG (<i>Pantoprazole Sodium</i>)	NF	
PROTONIX TBEC OR 20 MG, 40 MG (<i>Pantoprazole Sodium</i>)	NF	MO
PX OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
RA OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SB OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SM OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SW OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
TGT OMEPRAZOLE TBEC	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
CYTOTEC TABS (<i>Misoprostol</i>)	NF	MO
<i>misoprostol tabs or 100 mcg, 200 mcg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole misc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
OMECLAMOX-PAK MISC	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>omeprazole-sodium bicarbonate caps 20mg-1100mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	RX/OTC; MO
<i>omeprazole-sodium bicarbonate caps 40mg-1100mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>omeprazole-sodium bicarbonate pack 20mg-1680mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	ST; 20MG-1680 MG;MO
PREVPAC MISC (<i>Amoxicillin-Clarithromycin w/ Lansoprazole</i>)	NF	MO
ZEGERID CAPS 20MG-1100MG (<i>Omeprazole-Sodium Bicarbonate</i>)	NF	RX/OTC; MO
ZEGERID CAPS 40MG-1100MG (<i>Omeprazole-Sodium Bicarbonate</i>)	NF	MO
ZEGERID OTC CAPS (<i>Omeprazole-Sodium Bicarbonate</i>)	NF	RX/OTC; MO; NT
ZEGERID PACK 20MG-1680MG (<i>Omeprazole-Sodium Bicarbonate</i>)	NF	ST; 20MG-1680 MG;MO
URINARY ANTI-INFECTIVES - Drugs to Treat Bladder/Kidney Infections		
Urinary Anti-infectives		
HIPREX TABS (<i>Methenamine Hippurate</i>)	NF	MO
MACROBID CAPS (<i>Nitrofurantoin Monohyd Macro</i>)	NF	MO
MACRODANTIN CAPS 50 MG, 100 MG (<i>Nitrofurantoin Macrocrystal</i>)	NF	AL; Up to 64 yrs old; MO

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>methenamine hippurate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>nitrofurantoin macrocrystal caps or 50 mg, 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	AL; Up to 64 yrs old; MO
<i>nitrofurantoin monohyd macro caps</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics		
DETROL LA CP24 (<i>Tolterodine Tartrate</i>)	NF	MO
DETROL TABS (<i>Tolterodine Tartrate</i>)	NF	MO
DITROPAN XL TB24 (<i>Oxybutynin Chloride</i>)	NF	MO
<i>oxybutynin chloride syrup</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>oxybutynin chloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>oxybutynin chloride tb24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tolterodine tartrate cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tolterodine tartrate tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>trospium chloride cp24</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>trospium chloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic		
MYRBETRIQ TB24	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
URECHOLINE TABS (<i>Bethanechol Chloride</i>)	NF	MO
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BCG VACCINE INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BEXSERO SUSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
HIBERIX SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENACTRA INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENOMUNE-A/C/Y/W-135 INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENVEO SOLR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEDVAX HIB SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRUMENBA SUSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TYPHIM VI SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
Viral Vaccines		
ENGERIX-B SUSP IJ 20 MCG/ML, 10 MCG/0.5ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
GARDASIL 9 SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GARDASIL 9 SUSY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
GARDASIL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
HAVRIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IMOVAX RABIES (H.D.C.V.) INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
IPOL INACTIVATED IPV INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IXIARO SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
M-M-R II INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PROQUAD INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RABAVERT SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
RECOMBIVAX HB SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	B/D
ROTARIX SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
ROTATEQ SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SHINGRIX SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
STAMARIL SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TWINRIX SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VAQTA SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VARIVAX INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
YF-VAX INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZOSTAVAX SUSR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VAGINAL PRODUCTS - Drugs to Treat Vaginal Infections and Low Hormones		
Spermicides		
OPTIONS GYNOL II VAGINALCONTRACEPTIVE GEL	\$0 (Tier 3)	NT
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FOAM FOAM	\$0 (Tier 3)	NT
Vaginal Anti-infectives		

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
CLEOCIN CREA VA 2 % (Clindamycin Phosphate Vaginal)	NF	MO
<i>clindamycin phosphate vaginal crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>clotrimazole vaginal crea 1 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
GYNE-LOTRIMIN CREA (Clotrimazole Vaginal)	NF	MO; NT
METROGEL-VAGINAL GEL (Metronidazole Vaginal)	NF	MO
<i>metronidazole vaginal gel</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>miconazole nitrate vaginal crea 2 %</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>miconazole nitrate vaginal crea 4 %</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>miconazole nitrate vaginal kit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>miconazole nitrate vaginal supp 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
MONISTAT 3 COMBINATION PACK KIT (Miconazole Nitrate Vaginal)	NF	NT
MONISTAT 3 CREA (Miconazole Nitrate Vaginal)	NF	NT
MONISTAT 7 SIMPLY CURE CREA (Miconazole Nitrate Vaginal)	NF	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
TERAZOL 3 CREA (Terconazole Vaginal)	NF	MO
TERAZOL 7 CREA (Terconazole Vaginal)	NF	MO
<i>terconazole vaginal crea</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>terconazole vaginal supp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
<i>tioconazole vaginal oint</i>	\$0 (Tier 3)	NT
VAGISTAT-1 OINT (Tioconazole Vaginal)	NF	NT
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal crea 0.1 mg/gm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
PREMARIN CREA VA 0.625 MG/GM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) soaj</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
EPIPEN 2-PAK SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO
EPIPEN-JR 2-PAK SOAJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	MO

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
Neurogenic Orthostatic Hypotension (NOH) -		
NORTHERA CAPS 100 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(18 ea daily)
NORTHERA CAPS 200 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(9 ea daily)
NORTHERA CAPS 300 MG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA; SL(6 ea daily)
Vasopressors		
<i>dobutamine hcl soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>midodrine hcl tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	MO
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol caps or 1000 unit, 2000 unit, 5000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>cholecalciferol tabs or 400 unit, 1000 unit, 2000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>cholecalciferol tabs or 5000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
DRISDOL CAPS 50000 UNIT (<i>Ergocalciferol</i>)	NF	MO; NT
<i>ergocalciferol caps or 50000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
MEPHYTON TABS (<i>Phytonadione</i>)	\$0 (Tier 3)	MO; NT

Name of drug	What the drug will cost you (tier level)	Necessary actions, restrictions, or limits on use
<i>phytonadione tabs or 5 mg, 100 mcg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>vitamin a caps or 10000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>vitamin a caps or 8000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	NT
<i>vitamin e caps or 1000 unit</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid tabs or 500mg, 500 mg, 10mg-500mg, 37mg-500mg, 14mg-25mg-500mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>niacin cpcr or 250 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>niacin tabs or 50 mg, 100 mg, 500 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>niacin tbcr or 500 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>pyridoxine hcl tabs or 25 mg, 50 mg, 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
<i>riboflavin tabs or 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT
SLO-NIACIN TBCR 500 MG (<i>Niacin</i>)	NF	MO; NT
<i>thiamine hcl tabs or 100 mg</i>	\$0 (Tier 3)	MO; NT

You can find information on what the symbols and abbreviations in this table mean by going to page xi.

Index

abacavir sulfate	76	adefovir dipivoxil	80	alum & mag hydrox- simethicone	15,16
abacavir sulfate-lamivudine	76	ADEMPAS	86,87	ALUMINUM HYDROXIDE	16
abacavir sulfate-lamivudine- zidovudine	76	ADIPEX-P	1	aluminum hydroxide-mag trisil	16
ABELCET	45	ADOXA	152	ALUNBRIG	63
ABILIFY	75	ADOXA PAK 1/100	151	amantadine hcl	70
ABILIFY MAINTENA	75	ADOXA PAK 1/150	151	AMARYL	41
ABRAXANE	68	ADOXA PAK 2/100	152	AMBIEN	122
ABREVA	100	ADVAIR DISKUS	24	AMBIEN CR	122
ABSORICA	94	ADVAIR HFA	24	AMBISOME	45
acamprosate calcium	147	ADVIL	5	amcinonide	101
acarbose	36	ADVIL MIGRAINE	5	AMERGE	128
ACCOLATE	23	AEROSPAN	23	AMICAR	121
ACCUPRIL	51	AFINITOR	63	amifostine	67
ACCURETIC	53	AFINITOR DISPERZ	63	amikacin sulfate	3
acebutolol hcl	83	AGGRENOLX	118	amiloride & hydrochlorothiazide	108
ACEON	51	AGRYLIN	119	amiloride hcl	108
acetaminophen	8	AIRZONE PEAK FLOW METER	126	amino acid electrolyte infusion	138
acetaminophen w/ codeine	13	ALBENZA	16	amino acid infusion 15%	139
acetazolamide	107	albuterol sulfate	24	aminophylline	25
acetic acid	117	ALCAINE	141	aminosalicylic acid	56
acetic acid (otic)	143	alclometasone dipropionate	101	AMINOSYN II 15% (amino acid infusion)	139
acetylcysteine	94	ALCOHOL PADS	126	amiodarone hcl	22
acitretin	99	ALDACTAZIDE	108	amitriptyline hcl	35
ACLOVATE	101	ALDACTONE	108	amlodipine besylate	84
ACNE MEDICATION 10	94	ALDARA	105	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	85
ACTEMRA	5	ALECENSA	63	amlodipine besylate-benazepril hcl	53
ACTHIB	158	alendronate sodium	109	amoxapine	35
ACTIGALL	115	ALEVAZOL	97	amoxicillin	145
ACTIMMUNE	66	ALEVE	5	amoxicillin & pot clavulanate	145
ACTIQ	9	alfuzosin hcl	117	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole	156
ACTIVELLA	113	ALIMTA	58	amphetamine- dextroamphetamine	1
ACTOPLUS MET	36	ALINIA	18	amphotericin b	45
ACTOS	39	ALIQOPA	63	ampicillin	145
ACULAR	142	ALKERAN	56	ampicillin & sulbactam sodium	146
ACULAR LS	142	ALLI	1	ampicillin sodium	145
acyclovir	81,82	allopurinol	118	AMPYRA	149
acyclovir sodium	81,82	almotriptan malate	127	ANADROL-50	14
acyclovir topical	100	ALOGLIPTIN	38	ANAFRANIL	35
ADACEL	153	ALOGLIPTIN/METFORMIN HCL	36	anagrelide hcl	119
ADAGEN	3	ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE	36	ANAPROX DS	5
ADALAT CC	84	alosetron hcl	116		
adapalene	94	ALPHAGAN P	139		
ADCIRCA	86	alprazolam	21		
ADDERALL	1	ALTACE	51		
ADDERALL XR	1				

anastrozole	60	ASTHMAMENTOR	126	bacitracin (topical)	96
ANCOBON	45	ATABEX DHA	138	bacitracin zinc	96
ANDRODERM	14	ATACAND	52	bacitracin-poly-neomycin-hc	141
ANDROGEL	14	ATACAND HCT	53	bacitracin-polymyxin b	96
ANDROGEL PUMP	14	atazanavir sulfate	76	bacitracin-polymyxin b (ophth)	140
ANORO ELLIPTA	24	atenolol	83	baclofen	136
ANTABUSE	147	atenolol & chlorthalidone	53	BACLOFEN	136
ANTARA	49	ATIVAN	21	BACTRIM	17
ANUSOL-HC	15	atomoxetine hcl	1,2	BACTRIM DS	17
APOKYN	70	atorvastatin calcium	50	BACTROBAN	96
apraclonidine hcl	139	atovaquone	18	balsalazide disodium	115
aprepitant	44	atovaquone-proguanil hcl	55	BANZEL	27
APRISO	115	ATRIPLA	76	BARACLUDGE	80
APTIOM	27	ATROVENT	137	BAVENCIO	59
APTIVUS	76	ATROVENT HFA	23	BAXDELA	114
ARALAST NP	151	AUBAGIO	149	BCG VACCINE	158
ARANESP ALBUMIN FREE	120	AUGMENTIN	146	BELEODAQ	63
ARAVA	7	AUGMENTIN ES-600	146	BELSOMRA	122
ARCALYST	4	AUGMENTIN XR	146	BELVIQ XR	1
argatroban	26	AUSTEDO	148,149	BENADRYL ALLERGY	46
ARICEPT	147	AVALIDE	53	BENADRYL ALLERGY CHILDRENS	46
ARIMIDEX	60	AVANDIA	39	benazepril & hydrochlorothiazide	53
aripiprazole	75	AVAPRO	52	benazepril hcl	51
ARISTADA	75	AVAR-E LS	94	BENDEKA	56
ARIXTRA	25	AVASTIN	59	BENLYSTA	133
AROMASIN	60	AVEED	14	BENTYL	153
ARRANON	58	AVODART	117	BENZAC AC WASH	95
ARTHROTEC 50	5	AVONEX	149	BENZAFLIN	95
ARTHROTEC 75	5	AVONEX PEN	149	BENZAFLIN WITH PUMP	95
ARZERRA	59	AXERT	128	BENZAMYCIN	95
ASACOL HD	115	AYGESTIN	147	benzonatate	93
ascorbic acid	161	azacitidine	58	benzoyl peroxide	95
ASPIRIN	8	AZACTAM	19	BENZOYL PEROXIDE	95
aspirin	8	AZASITE	140	benzoyl peroxide	95
aspirin buffered (cal carb-mag carb-mag oxide)	8	AZATHIOPRINE	131	benzoyl peroxide- erythromycin	95
aspirin-dipyridamole	119	azathioprine	131	benztropine mesylate	69
ASSESS FULL RANGE PEAK FLOW METER	126	azelastine hcl	137	BERINERT	118
ASSESS LOW RANGE PEAK FLOW METER	126	azelastine hcl (ophth)	142	BESPONSA	59
ASSESS PEAK FLOW METER FULL RANGE	126	AZILECT	71	BETAGAN	139
ASSESS PEAK FLOW METER LOW RANGE	126	azithromycin	125	betamethasone dipropionate (topical)	101
ASTAGRAF XL	131	AZOPT	142	betamethasone dipropionate augmented	101
ASTHMA CHECK METER-ZONE SYSTEM	126	aztreonam	19	betamethasone sod phosphate & acetate	91
		AZULFIDINE	115		
		AZULFIDINE EN-TABS	115		
		BACIGUENT	96		
		bacitracin (ophthalmic)	140		

betamethasone valerate	101	budesonide (nasal)	137	CALTRATE 600+D	129
BETAPACE	83	BUFFERIN	8	CAMPATH	59
BETAPACE AF	83	BUFFERIN LOW DOSE	8	CAMPTOSAR	69
BETASERON	149	bumetanide	108	CANCIDAS	44
betaxolol hcl	83	BUMEX	108	candesartan cilexetil	52
betaxolol hcl (ophth)	139	BUPRENEX	14	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	53
bethanechol chloride	158	buprenorphine hcl	14	CAPASTAT SULFATE	56
BETHKIS	3	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate	14	CAPRELSA	64
BEVYXXA	25	bupropion hcl	31,32	captopril	51
bexarotene	66	bupropion hcl (smoking deterrent)	150	captopril & hydrochlorothiazide	54
BEXSERO	158	buspiron hcl	21	CARAC	98
BIAXIN	125	busulfan	57	CARAFATE	155
bicalutamide	60	BUSULFEX	57	CARBAGLU	111
BICILLIN C-R	146	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	13	carbamazepine	27
BICILLIN L-A	145	BUTISOL SODIUM	121	carbamide peroxide (otic)	143
BICNU	57	butorphanol tartrate	14	CARBATROL	27
BIKTARVY	76	BYDUREON	39	carbidopa	69
BIMATOPROST	143	BYDUREON BCISE	39	carbidopa-levodopa	70
bisacodyl	124	BYDUREON PEN	39	carbinoxamine maleate	46,47
bisacodyl-peg 3350-pot chloride- sod bicarb-sod chloride	123	BYETTA	39	carboplatin	57
bismuth subsalicylate	42	cabergoline	112	CARDIZEM	84
bisoprolol & hydrochlorothiazide	53	CABOMETRYX	63	CARDIZEM CD	84
bisoprolol fumarate	83	CADUET	86	CARDIZEM LA	84
BIVIGAM	144	CALAMINE	106	CARDURA	53
bleomycin sulfate	62	CALAN	84	carisoprodol	136
BLEPH-10	140	CALAN SR	84	CARNITOR	111
BLINCYTO	59	CALCI-CHEW	128	carteolol hcl (ophth)	139
BONIVA	109	calcipotriene	99	carvedilol	82,83
BOOSTRIX	153	calcitonin (salmon)	109	carvedilol phosphate	82
BORTEZOMIB	63	calcitriol	111	CASODEX	60
BOSULIF	63	calcium acetate (phosphate binder)	116	CASPOFUNGIN ACETATE	44
BOTOX	138	CALCIUM CARBONATE	16	casprofungin acetate	44
BREO ELLIPTA	24	calcium carbonate	128,129	casprofungin acetate	45
BREVICON-28	89	calcium carbonate (antacid)	16	CATAPRES	53
BRILINTA	119	calcium carbonate- cholecalciferol	129	CATAPRES-TTS-1	53
brimonidine tartrate	140	calcium carbonate-vitamin d	129	CATAPRES-TTS-2	53
BRISDELLE	151	calcium citrate	129	CATAPRES-TTS-3	53
BRIVIACT	27	CALCIUM CITRATE MALATE/VITAMIN D	129	CAYSTON	19
bromfenac sodium (ophth)	142	calcium citrate-vitamin d	129	cefaclor	87
bromocriptine mesylate	70	CALCIUM GLUCONATE	129	cefadroxil	87
brompheniramine & phenyleph	93	calcium polycarbophil	123	cefazolin sodium	87
brompheniramine & pseudoeph	93	CALQUENCE	63	cefdinir	88
budesonide	91			CEFEPIME	88
budesonide (inhalation)	23			cefepime hcl	88

cefixime	88	chlorthalidone	109	CLIMARA	113
cefoxitin sodium	87	chlorzoxazone	136	CLINDAGEL	95
cefpodoxime proxetil	88	cholecalciferol	161	clindamycin hcl	19
cefprozil	87	cholestyramine	48	clindamycin palmitate hydrochloride	19
ceftazidime	88	cholestyramine light	48	clindamycin phosphate	19
CEFTIN	87	choline fenofibrate	49	clindamycin phosphate (topical)	95
ceftriaxone sodium	88	chorionic gonadotropin	110	clindamycin phosphate in d5w	19
cefuroxime axetil	87	ciclopirox	97	clindamycin phosphate vaginal	160
cefuroxime sodium	87	ciclopirox olamine	97	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide	95
CELEBREX	5	cidofovir	80	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	95
celecoxib	5	cilostazol	119	clobetasol propionate	101
CELESTONE-SOLUSPAN	91	CILOXAN	140	clobetasol propionate emollient base	101
CELEXA	32	CIMDUO	76	clobetasol propionate emulsion	101
CELLCEPT	131	cimetidine	154	CLOBEX	102
CELLCEPT INTRAVENOUS	131	CIMZIA	115	clofarabine	58
CELONTIN	30	CIMZIA STARTER KIT	115	CLOLAR	58
CENTANY	96	CINQAIR	22	clomipramine hcl	35
CENTRUM SPECIALIST PRENATAL	133	CINRYZE	118	clonazepam	26
cephalexin	87	CIPRO	114	clonidine hcl	53
CERDELGA	119	CIPRO I.V.-IN D5W	114	clonidine hcl (adhd)	2
CEREBYX	30	CIPRO XR	114	clopidogrel bisulfate	119
CEREZYME	119	CIPRODEX	143	clorazepate dipotassium	21
CESAMET	44	ciprofloxacin	114	clotrimazole	133
cetirizine hcl	47	ciprofloxacin hcl	114	clotrimazole (topical)	97
cetirizine-pseudoephedrine	93	ciprofloxacin hcl (ophth)	140	clotrimazole vaginal	160
cevimeline hcl	133	ciprofloxacin in d5w	114	clotrimazole w/ betamethasone	97
CHANTIX	150	ciprofloxacin-ciprofloxacin hcl	114	clozapine	73
CHANTIX CONTINUING MONTHPAK	150	cisplatin	57	CLOZAPINE ODT	73
CHANTIX STARTING MONTH PAK	150	citalopram hydrobromide	32	CLOZARIL	73
chenodiol	115	CITRUCEL FIBER LAXATIVE	123	COARTEM	55
CHILDRENS ADVIL	5	cladribine	58	COGENTIN	69
CHILDRENS MOTRIN	5	CLARINEX	47	COLACE	124
CHILDRENS PLUS COLD	93	clarithromycin	125,126	COLAZAL	115
CHLOR-TRIMETON	46	CLARITIN	47	colchicine	118
chloramphenicol sodium succinate	18	CLARITIN ALLERGY CHILDRENS	47	colchicine w/ probenecid	118
chlordiazepoxide-amitriptyline	148	CLARITIN REDITABS	47	COLCRYS	118
chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	133	CLARITIN-D 24 HOUR	93	colesevelam hcl	48
chloroquine phosphate	55	CLASSIC PRENATAL	133	COLESTID	49
chlorothiazide	109	clemastine fumarate	47	COLESTID FLAVORED	49
chlorpheniramine & phenylephrine	93	CLEOCIN	18,160	colestipol hcl	49
chlorpheniramine maleate	46	CLEOCIN IN D5W	19	colistimethate sodium	16
chlorpromazine hcl	74	CLEOCIN PEDIATRIC GRANULES	19		
		CLEOCIN PHOSPHATE	19		
		CLEOCIN-T	95		

COLY-MYCIN M.....	16	cyclobenzaprine hcl.....	136	DEPAKENE.....	31
COLYTE-FLAVOR PACKS.....	123	CYCLOGYL.....	139	DEPAKOTE.....	31
COMBIVENT RESPIMAT.....	24	cyclopentolate hcl.....	139	DEPAKOTE ER.....	31
COMBIVIR.....	76	cyclophosphamide.....	57	DEPAKOTE SPRINKLES.....	31
COMETRIQ.....	64	CYCLOPHOSPHAMIDE.....	57	DEPEN TITRATABS.....	131
COMPLERA.....	76	CYCLOSET.....	39	DEPO-MEDROL.....	91
COMTAN.....	70	cyclosporine.....	131	DEPO-PROVERA.....	61
CONCERTA.....	2	cyclosporine modified (for microemulsion).....	131	DEPO-PROVERA CONTRACEPTIVE.....	90
CONDYLOX.....	106	CYKLOKAPRON.....	121	DEPO-TESTOSTERONE.....	14
COPAXONE.....	149	CYMBALTA.....	34	DERMA-SMOOTH/FS BODY.....	102
COPEGUS.....	80	cyproheptadine hcl.....	48	DERMA-SMOOTH/FS SCALP.....	102
COREG.....	83	CYRAMZA.....	59	DERMATOP.....	102
COREG CR.....	83	CYSTAGON.....	117	DERMOTIC.....	144
CORGARD.....	83	CYSTARAN.....	142	DESCOVY.....	76
CORLANOR.....	87	cytarabine.....	58	desipramine hcl.....	35
CORTEF.....	91	CYTOMEL.....	152	desloratadine.....	47
CORTENEMA.....	15	CYTOTEC.....	156	desmopressin acetate.....	112
cortisone acetate.....	91	CYTOVENE.....	80	desmopressin acetate spray.....	112
CORZIDE.....	54	D.H.E. 45.....	127	desmopressin acetate spray refrigerated.....	112
COSENTYX.....	99	dacarbazine.....	66	DESOGEN.....	89
COSENTYX SENSOREADY PEN.....	99	DACOGEN.....	58	desogestrel & ethinyl estradiol.....	89
COSMEGEN.....	62	dactinomycin.....	62	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic).....	89
COSOPT.....	139	DAKLINZA.....	80	desonide.....	102
COTELLIC.....	64	DALIRESP.....	23	DESOWEN.....	102
COUMADIN.....	25	danazol.....	14	desoximetasone.....	102
COZAAR.....	52	DANTRIUM.....	137	DESOXYN.....	1
CREON.....	107	dantrolene sodium.....	137	DESQUAM-X WASH.....	95
CRESEMBA.....	45	dapsone.....	18	DESVENLAFAXINE ER.....	34
CRESTOR.....	50	DAPTACEL.....	153	desvenlafaxine succinate.....	34
CRIXIVAN.....	76	daptomycin.....	18	DETROL.....	157
cromolyn sodium.....	22	DARAPRIM.....	55	DETROL LA.....	157
cromolyn sodium (mastocytosis).....	115	DARZALEX.....	59	dexamethasone.....	91
cromolyn sodium (nasal).....	137	daunorubicin hcl.....	62	dexamethasone sodium phosphate.....	91
cromolyn sodium (ophth).....	142	DAYPRO.....	5	dexamethasone sodium phosphate (ophth).....	141
CUBICIN.....	18	DDAVP.....	112	DEXEDRINE.....	1
CUBICIN RF.....	18	DEBROX.....	143	DEXILANT.....	155
CUPRIMINE.....	130	decitabine.....	58	dexmethylphenidate hcl.....	2
CUTIVATE.....	102	DELESTROGEN.....	113	dexrazoxane.....	67
CUVITRU.....	144	DELZICOL.....	115	dextroamphetamine sulfate.....	1
CVS NATURAL FIBER SUPPLEMENT.....	123	DEMADEX.....	108	dextrose.....	138
CVS OMEPRAZOLE.....	155	demeclocycline hcl.....	152	DEXTROSE ANHYDROUS.....	138
CVS PRENATAL.....	134	DEMEROL.....	9		
CVS PRENATAL MULTI+DHA.....	133	DEMSEK.....	52		
cyanocobalamin.....	120	DENAVIR.....	100		
		DEPACON.....	31		

dextrose in lactated ringers	129	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC	153	DUREZOL	141
dextrose w/ sodium chloride	129	DIPROLENE	102	dutasteride	117
DIAMOX	108	DIPROLENE AF	102	dutasteride-tamsulosin hcl	117
DIASTAT ACUDIAL	26	dipyridamole	119	DYAZIDE	108
DIASTAT PEDIATRIC	26	disopyramide phosphate	22	EC-NAPROSYN	5
diazepam	21	disulfiram	147	econazole nitrate	97
DIAZEPAM	26	DITROPAN XL	157	ECOTRIN REGULAR STRENGTH	9
DIAZEPAM RECTAL GEL	26	divalproex sodium	31	ED CHLORPED	46
DIBENZYLINE	52	DIVIGEL	113	ED CHLORPED D	93
diclofenac potassium	5	dobutamine hcl	161	EDURANT	76
diclofenac sodium	5	DOCETAXEL	68	efavirenz	76
diclofenac sodium (actinic keratoses)	98	docetaxel	68	EFFEXOR XR	34
diclofenac sodium (ophth)	142	DOCETAXEL	68	EFFIENT	119
diclofenac sodium (topical)	96	docetaxel	68	EFUDEX	98
diclofenac w/ misoprostol	5	docusate calcium	124	ELAVIL	35
dicloxacillin sodium	146	docusate sodium	124	ELDEPRYL	71
dicyclomine hcl	153	DOCUSOL MINI	125	ELELYSO	119
didanosine	76	DOCUSOL PLUS MINI- ENEMA	125	ELESTAT	142
diethylpropion hcl	1	dofetilide	22	ELIDEL	105
DIETHYLPROPION HCL	1	DOLOPHINE	9	ELIGARD	61
diethylpropion hcl	1	donepezil hydrochloride	147	ELIMITE	107
DIFFERIN	95	dorzolamide hcl	142	ELIQUIS	25
DIFICID	126	dorzolamide hcl-timolol maleate	139	ELIQUIS STARTER PACK	25
diflorasone diacetate	102	DOVONEX	99	ELITEK	67
DIFLUCAN	45	doxazosin mesylate	53	ELLA	90
diflunisal	8	doxepin hcl	35	ELLEENCE	62
DIGOXIN	85	DOXIL	62	ELOCON	102
digoxin	85	doxorubicin hcl	62	EMCYT	61
dihydroergotamine mesylate	127	doxorubicin hcl liposomal	62	EMEND	44
DIHYDROERGOTAMINE MESYLATE	127	doxycycline (monohydrate)	152	EMEND TRIPACK	44
DILANTIN-125	30	doxycycline hyclate	152	EMFLAZA	91
DILAUDID	9	DRISDOL	161	EMPLICITI	59
DILAUDID-HP	9	dronabinol	44	EMSAM	32
diltiazem hcl	84	drosiprenone-ethinyl estradiol	89	EMTRIVA	77
diltiazem hcl coated beads	84	DROXIA	119	enalapril maleate	51
diltiazem hcl extended release beads	84	DUAC	95	enalapril maleate & hydrochlorothiazide	54
DIMETAPP COLD & ALLERGY	93	DUETACT	36	ENBREL	7
DIOVAN	52	DULCOLAX	124	ENBREL MINI	7
DIOVAN HCT	54	DULERA	24	ENBREL SURECLICK	8
DIPENTUM	115	duloxetine hcl	34	ENDARI	120
diphenhydramine hcl	47	DUOPA	70	ENEMEEZ MINI	125
diphenoxylate w/ atropine	43	DURAGESIC	9	ENEMEEZ PLUS	125
				ENFAMIL EXPECTA	134
				ENGERIX-B	158
				enoxaparin sodium	25

entacapone.....	70	estradiol.....	113	FEMARA.....	61
entecavir.....	81	estradiol & norethindrone acetate.....	113	FEMCON FE.....	89
ENTOCORT EC.....	91	estradiol vaginal.....	160	FEMHRT LOW DOSE.....	113
ENTRE-HIST PSE.....	93	estradiol valerate.....	113	fenofibrate.....	49
ENTRESTO.....	86	estropipate.....	113	fenofibrate micronized.....	49
ENTYVIO.....	115	ethambutol hcl.....	56	fentanyl.....	9
ENVARUSUS XR.....	131	ethosuximide.....	30,31	fentanyl citrate.....	9
EPCLUSA.....	81	ethynodiol diacet & eth estrad.....	89	FER-IN-SOL.....	121
epinastine hcl (ophth).....	142	ETHYOL.....	67	FERRIPROX.....	43
epinephrine (anaphylaxis).....	160	etodolac.....	5	ferrous sulfate.....	121
EPIPEN 2-PAK.....	160	ETOPOPHOS.....	68	FERROUS SULFATE.....	121
EPIPEN-JR 2-PAK.....	160	etoposide.....	68	ferrous sulfate.....	121
epirubicin hcl.....	62	EVAC.....	123	FERROUS SULFATE.....	121
EPIVIR.....	77	EVISTA.....	110	ferrous sulfate.....	121
EPIVIR HBV.....	81	EVOCLIN.....	96	FERROUS SULFATE.....	121
eplerenone.....	55	EVOMELA.....	57	ferrous sulfate.....	121
EPOGEN.....	120	EVOTAZ.....	77	FETZIMA.....	34
eprosartan mesylate.....	52	EVOXAC.....	133	FETZIMA TITRATION PACK34	
EPZICOM.....	77	EX-LAX.....	124	FEVERALL INFANTS.....	8
EQ OMEPRAZOLE.....	155	EXELON.....	147	FIBERCON.....	123
EQL CALCIUM/VITAMIN D.....	129	exemestane.....	61	FINACEA.....	106
EQL OMEPRAZOLE.....	155	EXJADE.....	43	finasteride.....	117
EQL PRENATAL FORMULA.....	134	EXONDYS 51.....	138	FIORINAL/CODEINE #3.....	13
EQUALACTIN.....	123	EXTAVIA.....	149	FIRAZYR.....	118
EQUETRO.....	71	EXTINA.....	97	FIRMAGON.....	61
ERAXIS.....	45	EYEAID IRRIGATING SOLUTION.....	142	FLAGYL.....	17
ERBITUX.....	59	ezetimibe.....	50	flavoxate hcl.....	158
ergocalciferol.....	161	EZFE FORTE.....	134	FLEBOGAMMA DIF.....	144
ergoloid mesylates.....	150	FABRAZYME.....	111	flecainide acetate.....	22
ergotamine tartrate.....	127	famciclovir.....	82	FLECTOR.....	96
ergotamine w/ caffeine.....	127	famotidine.....	154	FLEET BISACODYL.....	124
ERIVEDGE.....	60	FAMVIR.....	82	FLEET LIQUID GLYCERIN SUPPOSITORIES.....	124
ERLEADA.....	61	FANAPT.....	72	FLOMAX.....	117
ERWINAZE.....	66	FARESTON.....	61	FLONASE ALLERGY RELIEF.....	137
erythromycin (acne aid).....	96	FARYDAK.....	64	FLONASE ALLERGY RELIEF CHILDRENS.....	137
erythromycin (ophth).....	140	FASLODEX.....	61	FLOVENT DISKUS.....	23
erythromycin base.....	126	fat emulsion.....	138	FLOVENT HFA.....	23
erythromycin ethylsuccinate.....	126	FAZACLO.....	73	FLOXIN OTIC.....	143
erythromycin lactobionate.....	126	FC FEMALE CONDOM.....	126	fluconazole.....	46
erythromycin stearate.....	126	FC2 FEMALE CONDOM.....	126	fluconazole in dextrose.....	45
ESBRIET.....	151	felbamate.....	29	fluconazole in nacl.....	45
escitalopram oxalate.....	32	FELBATOL.....	30	flucytosine.....	45
esomeprazole magnesium.....	155	FELDENE.....	6	fludarabine phosphate.....	58
esomeprazole sodium.....	155	felodipine.....	85	fludrocortisone acetate.....	93
ESTRACE.....	113				

FLUMADINE.....	82	FUSILEV.....	67	GLUCOPHAGE.....	37,38
flunisolide (nasal).....	137	FUZEON.....	77	GLUCOPHAGE XR.....	38
fluocinolone acetonide.....	102	FYCOMPA.....	26	GLUCOTROL.....	41
fluocinolone acetonide (otic).....	144	gabapentin.....	27	GLUCOTROL XL.....	41,42
fluocinonide.....	103	GABITRIL.....	30	GLUCOVANCE.....	36
fluocinonide emulsified base.....	103	galantamine hydrobromide.....	147	glyburide.....	42
fluorometholone (ophth).....	141	GAMASTAN S/D.....	144	glyburide micronized.....	42
fluorouracil.....	58	GAMMAGARD LIQUID.....	144	glyburide-metformin.....	36
FLUOROURACIL.....	99	GAMMAKED.....	144	glycopyrrolate.....	153,154
fluorouracil (topical).....	99	GAMMAPLEX.....	144	GLYNASE.....	42
fluoxetine hcl.....	33	GAMMUNEX-C.....	144	GLYSET.....	36
fluoxetine hcl (PMDD) cap 10 mg, 20 mg.....	150	ganciclovir sodium.....	80	GNP CALAMINE.....	106
fluoxymesterone.....	15	GARDASIL.....	159	GNP DAILY PRENATAL.....	134
fluphenazine decanoate.....	74	GARDASIL 9.....	158	GNP OMEPRAZOLE.....	155
fluphenazine hcl.....	74	GAS-X EXTRA STRENGTH.....	114	GNP PRENATAL.....	134
flurbiprofen.....	6	GASTROCROM.....	115	GNP VITAMIN D-400.....	129
flurbiprofen sodium.....	142	gatifloxacin (ophth).....	140	GOLYTELY.....	123
flutamide.....	61	GATTEX.....	117	GOODSENSE PRENATAL VITAMINS.....	134
fluticasone propionate.....	103	gauze pads 2"x2".....	126	granisetron hcl.....	43
fluticasone propionate (nasal).....	137	GAZYVA.....	59	GRANIX.....	120
fluvastatin sodium.....	50	GEL-KAM ORAL CARE RINSE.....	133	GRIS-PEG.....	45
fluvoxamine maleate.....	33	GELUSIL.....	16	griseofulvin microsize.....	45
FML LIQUIFILM.....	141	gemcitabine hcl.....	58	griseofulvin ultramicrosize.....	45
FOCALIN.....	2	gemfibrozil.....	49	guaifenesin-codeine.....	93
FOCALIN XR.....	2	GEMZAR.....	58	guanfacine hcl.....	53
folic acid.....	120	GENOTROPIN.....	110	guanfacine hcl (adhd).....	2
FOLIC ACID.....	120	GENOTROPIN MINIQUICK.....	110	GUANIDINE HCL.....	55
FOLOTYN.....	58	gentamicin in saline.....	3	GYNE-LOTRIMIN.....	160
fondaparinux sodium.....	25	gentamicin sulfate.....	3	H.P. ACTHAR.....	110
FORFIVO XL.....	32	gentamicin sulfate (ophth).....	140	HAEGARDA.....	118
FORTAMET.....	37	gentamicin sulfate (topical).....	96	HALAVEN.....	68
FORTAZ.....	88	GENVOYA.....	77	HALCION.....	122
FORTEO.....	109	GEODON.....	71	HALDOL.....	73
FORTICAL.....	109	GILENYA.....	149	HALDOL DECANOATE 100.....	73
FOSAMAX.....	109	GILOTRIF.....	64	HALDOL DECANOATE 50.....	73
fosamprenavir calcium.....	77	glatiramer acetate.....	149	halobetasol propionate.....	103
fosinopril sodium.....	52	GLEEVEC.....	64	haloperidol.....	73
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide.....	54	GLEOSTINE.....	57	haloperidol decanoate.....	73
fosphenytoin sodium.....	30	glimepiride.....	41	haloperidol lactate.....	73
FOSRENOL.....	116	glipizide.....	41	HARVONI.....	81
FRAGMIN.....	25	glipizide-metformin hcl.....	36	HAVRIX.....	159
furosemide.....	108	GLUCAGEN HYPOKIT.....	38	heparin sodium (porcine).....	26
		GLUCAGON EMERGENCY KIT.....	38	HEPSERA.....	81
				HERCEPTIN.....	59
				HETLIOZ.....	122

HEXALEN.....	57	hydrocortisone (intrarectal) 15	IMOVAX RABIES	
HIBERIX.....	158	hydrocortisone (rectal).....	(H.D.C.V.).....	159
HIPREX.....	157	hydrocortisone (topical).....	IMPAVIDO.....	17
HIZENTRA.....	144	hydrocortisone (topical).....	IMURAN.....	131
HM CALAMINE.....	106	hydrocortisone butyrate.....	INCRELEX.....	111
HM OMEPRAZOLE.....	155	hydrocortisone butyrate	indapamide.....	109
HM ONE DAILY PRENATAL		hydrophilic lipo base.....	INDERAL LA.....	83
COMBO.....	134	hydrocortisone valerate.....	indomethacin.....	6
HM PRENATAL.....	134	hydrocortisone w/acetic	INFANRIX.....	153
HUMALOG.....	40	acid.....	INFANTS ADVIL.....	6
HUMALOG JUNIOR		144	INFLECTRA.....	116
KWIKPEN.....	39	hydrocortisone-aloe vera. 104	INLYTA.....	64
HUMALOG KWIKPEN.....	39	hydromorphone hcl.....	INSPRA.....	55
HUMALOG MIX 50/50.....	40	9,10	INSULIN SYRINGES AND PEN	
HUMALOG MIX 50/50		hydroxychloroquine sulfate 55	NEEDLES.....	126
KWIKPEN.....	40	HYDROXYPROGESTERONE	INTELENCE.....	77
HUMALOG MIX 75/25.....	40	CAPROATE.....	INTRON A.....	67
HUMALOG MIX 75/25		61	INTUNIV.....	2
KWIKPEN.....	40	hydroxyurea.....	INVANZ.....	18
HUMATROPE.....	110	hydroxyzine.....	INVEGA.....	72
HUMATROPE COMBO		hcl.....	INVEGA SUSTENNA.....	72
PACK.....	110	21	INVEGA TRINZA.....	72
HUMIRA.....	4	hydroxyzine pamoate.....	INVIRASE.....	77
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		21	INVOKAMET.....	36
DISEASE STARTER PACK... 4		HYPERRAB S/D.....	INVOKAMET XR.....	36
HUMIRA PEN.....	4	144	INVOKANA.....	41
HUMIRA PEN-CROHNS		HYQVIA.....	IOPIDINE.....	140
DISEASESTARTER.....	4	145	IPOL INACTIVATED IPV... 159	
HUMIRA PEN-PSORIASIS		HYVEE ADVANCED ANTACID	ipratropium bromide.....	23
STARTER.....	4	MAXIMUM STRENGTH... 16	ipratropium bromide (nasal) 137	
HUMULIN 70/30.....	40	HYZAAR.....	ipratropium-albuterol.....	24
HUMULIN 70/30 KWIKPEN. 40		54	IPRIVASK.....	26
HUMULIN N.....	40	ibandronate sodium.....	irbesartan.....	53
HUMULIN N KWIKPEN.....	40	109	irbesartan-hydrochlorothiazide	
HUMULIN R.....	40	IBRANCE.....	54
HUMULIN R U-500		64	IRESSA.....	64
(CONCENTRATED).....	40	IBUDONE.....	irinotecan hcl.....	69
HUMULIN R U-500		13	IRON CHEWS PEDIATRIC. 121	
KWIKPEN.....	40	ibuprofen.....	irrigation solutions,	
HYCAMTIN.....	69	6	physiological.....	132
hydralazine hcl.....	55	ICLUSIG.....	ISENTRESS.....	77
HYDREA.....	66	64	ISENTRESS HD.....	77
hydrochlorothiazide.....	109	IDAMYCIN PFS.....	isoniazid.....	56
HYDROCIL INSTANT.....	123	idarubicin hcl.....	isoniazid & rifampin.....	56
hydrocodone polistirex-		62	ISOPTO CARPINE.....	139
chlorpheniramine polistirex.. 94		IDHIFA.....	ISORDIL TITRADOSE.....	20
hydrocodone w/		IFEX.....	isosorbide dinitrate.....	20
homatropine.....	93	57	isosorbide mononitrate.....	20
hydrocodone-		ifosfamide.....		
acetaminophen.....	13	IFOSFAMIDE.....		
hydrocodone-ibuprofen.....	13	57		
hydrocortisone.....	91	ILARIS.....		
		5		
		142		
		64		
		64		
		59		
		18		
		35		
		35		
		105		
		128		
		128		
		128		
		43		
		144		

isotretinoin.....	96	KEYTRUDA.....	60	LANTUS.....	40
ISTODAX.....	64	KHEDEZLA.....	34	LANTUS SOLOSTAR.....	40
ISTODAX (OVERFILL).....	64	KINERET.....	5	LARTRUVO.....	60
itraconazole.....	46	KINRIX.....	153	LASIX.....	108
ivermectin.....	16	KISQALI.....	64	latanoprost.....	143
IXEMPRA KIT.....	68	KISQALI FEMARA 200		LATEX CONDOMS.....	126
IXIARO.....	159	DOSE.....	63	LATUDA.....	71
JADENU.....	43	KISQALI FEMARA 400		LAZANDA.....	10
JADENU SPRINKLE.....	43	DOSE.....	63	leflunomide.....	7
JAKAFI.....	64	KISQALI FEMARA 600		LEMTRADA.....	149
JALYN.....	117	DOSE.....	63	LENVIMA 10 MG DAILY	
JANUMET.....	36	KITABIS PAK.....	3	DOSE.....	65
JANUMET XR.....	37	KLARON.....	96	LENVIMA 14 MG DAILY	
JANUVIA.....	38	KLONOPIN.....	26	DOSE.....	65
JARDIANCE.....	41	KLS OMEPRAZOLE.....	155	LENVIMA 18 MG DAILY	
JENTADUETO.....	37	KOMBIGLYZE XR.....	37	DOSE.....	65
JENTADUETO XR.....	37	KONSYL.....	123	LENVIMA 20 MG DAILY	
JEVTANA.....	68	KONSYL-D.....	123	DOSE.....	65
JULUCA.....	77	KORLYM.....	38	LENVIMA 24 MG DAILY	
JUXTAPID.....	50,51	KP PRENATAL		DOSE.....	65
K-TAB.....	130	MULTIVITAMINS.....	134	LENVIMA 8 MG DAILY	
KADCYLA.....	60	KPN PRENATAL.....	134	DOSE.....	65
KADIAN.....	10	KUVAN.....	111	LENZAPATCH.....	106
KALBITOR.....	118	KYNAMRO.....	48	LESCOL XL.....	50
KALETRA.....	77	KYPROLIS.....	64	LETAIRIS.....	86
KALYDECO.....	151	labetalol hcl.....	83	letrozole.....	61
KANUMA.....	111	LAC-HYDRIN.....	105	leucovorin calcium.....	67
KAPVAY.....	2	LAC-HYDRIN TWELVE.....	105	LEUKERAN.....	57
KAYEXALATE.....	132	lactated ringer's.....	129	LEUKINE.....	120
KAZANO.....	37	lactic acid (ammonium		leuprolide acetate.....	61
KEDRAB.....	144	lactate).....	105	levabuterol hcl.....	24
KEFLEX.....	87	lactulose.....	124	LEVAQUIN.....	114
KENALOG.....	104	lactulose		LEVEMIR.....	40
KENALOG-10.....	91	(encephalopathy).....	116	LEVEMIR FLEXTOUCH.....	40
KENALOG-40.....	92	LAMICTAL.....	28	levetiracetam.....	28
KEPIVANCE.....	67	LAMICTAL CHEWABLE		LEVETIRACETAM.....	28
KEPPRA.....	27	DISPERSIBLE.....	27	levetiracetam.....	28
KEPPRA XR.....	27	LAMICTAL XR.....	28	levetiracetam in sodium	
ketoconazole.....	46	LAMISIL.....	45	chloride.....	28
ketoconazole (topical).....	97	LAMISIL AT.....	97	levobunolol hcl.....	139
ketoprofen.....	6	LAMISIL AT JOCK ITCH.....	97	levocarnitine (metabolic	
ketorolac tromethamine.....	6	LAMISIL AT SPRAY.....	97	modifiers).....	111
ketorolac tromethamine		lamivudine.....	77	levocetirizine dihydrochloride	47
(ophth).....	142	lamivudine (hbv).....	81	levofloxacin.....	114
ketotifen fumarate (ophth).....	143	lamivudine-zidovudine.....	78	levofloxacin (ophth).....	140
KEVZARA.....	5	lamotrigine.....	28	levofloxacin in d5w.....	114
		LANOXIN.....	85	LEVOLEUCOVORIN.....	68
		lansoprazole.....	155	levoleucovorin calcium.....	67
		lanthanum carbonate.....	116	levonorgestrel & eth	
				estradiol.....	89

levonorgestrel (emergency oc).....	90	LOPID.....	49	MACRODANTIN.....	157
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic).....	89	lopinavir-ritonavir.....	78	mafenide acetate.....	100
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day).....	89	LOPRESSOR.....	83	MAGDELAY.....	130
levothyroxine sodium.....	153	LOPRESSOR HCT.....	54	magnesium sulfate.....	130
LEXAPRO.....	33	LOPROX.....	97	MAGNESIUM SULFATE... ..	130
LEXIVA.....	78	LOPROX SHAMPOO.....	98	MALARONE.....	55
LIBRAX.....	154	loratadine.....	47	malathion.....	107
lidocaine.....	106	loratadine & pseudoephedrine.....	94	maprotiline hcl.....	32
lidocaine hcl.....	106	lorazepam.....	21	MARCAINE.....	125
lidocaine hcl (local anesth.).....	125	losartan potassium.....	53	MARINOL.....	44
lidocaine hcl (mouth-throat).....	133	losartan potassium & hydrochlorothiazide.....	54	MARPLAN.....	32
lidocaine-prilocaine.....	106	LOSEASONIQUE.....	89	MARQIBO.....	68
LIDOCARE ARM/NECK/LEG.....	106	LOTEMAX.....	141	MATULANE.....	67
LIDOCARE BACK/SHOULDER.....	106	LOTENSIN.....	52	MAVIK.....	52
LIDODERM.....	106	LOTENSIN HCT.....	54	MAVYRET.....	81
LINCOCIN.....	19	LOTREL.....	54	MAXALT.....	128
lincomycin hcl.....	19	LOTRIMIN AF.....	98	MAXALT-MLT.....	128
linezolid.....	19	LOTRIMIN AF FOR HER.....	98	MAXIPIME.....	88
LINEZOLID.....	19	LOTRIMIN AF JOCK ITCH.....	98	MAXITROL.....	141
linezolid.....	19	LOTRISONE.....	98	MAXZIDE.....	108
LINZESS.....	116	LOTRONEX.....	116	MAXZIDE-25.....	108
liothyronine sodium.....	153	lovastatin.....	50	meclizine hcl.....	43,44
LIPITOR.....	50	LOVAZA.....	48	MEDROL.....	92
lisinopril.....	52	LOVENOX.....	26	MEDROL DOSEPAK.....	92
lisinopril & hydrochlorothiazide.....	54	loxapine succinate.....	73	medroxyprogesterone acetate.....	147
LITHIUM.....	71	LUMIGAN.....	143	medroxyprogesterone acetate (contraceptive).....	90
lithium carbonate.....	71	LUMIZYME.....	111	mefenamic acid.....	6
LITHIUM CARBONATE.....	71	LUNG PERFORMANCE PEAK FLOW METER.....	127	mefloquine hcl.....	55
lithium carbonate.....	71	LUPRON DEPOT (1-MONTH).....	61	MEGACE ES.....	147
LITHOBID.....	71	LUPRON DEPOT (3-MONTH).....	61	MEGACE ORAL.....	61
LOCOID.....	104	LUPRON DEPOT (4-MONTH).....	61	megestrol acetate.....	61
LOCOID LIPOCREAM.....	104	LUPRON DEPOT (6-MONTH).....	61	megestrol acetate (appetite).....	147
LODINE.....	6	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH).....	111	MEIJER CALAMINE.....	106
LODOSYN.....	69	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH).....	111	MEKINIST.....	65
LOESTRIN 1.5/30-21.....	89	LUXIQ.....	104	meloxicam.....	6
LOESTRIN 1/20-21.....	89	LYNPARZA.....	65	melphalan.....	57
LOESTRIN FE 1.5/30.....	89	LYRICA.....	28	melphalan hcl.....	57
LOESTRIN FE 1/20.....	89	LYSODREN.....	61	memantine hcl.....	147,148
LOFIBRA.....	49	LYSTEDA.....	121	MENACTRA.....	158
LOMAIRA.....	1	M-M-R II.....	159	MENOMUNE-A/C/Y/W-135.....	158
LOMOTIL.....	43	MACROBID.....	157	MENVEO.....	158
LONSURF.....	63			meperidine hcl.....	10
loperamide hcl.....	43			MEPHYTON.....	161
				MEPRON.....	18

mercaptapurine.....	58	METROLOTION.....	106	MONISTAT 7 SIMPLY CURE.....	160
meropenem.....	18	metronidazole.....	17	MONISTAT SOOTHING CARE ITCH RELIEF.....	104
MERREM.....	18	metronidazole (topical)...	107	MONODOX.....	152
mesalamine.....	116	metronidazole in nacl.....	17	montelukast sodium.....	23
MESALAMINE DR.....	116	metronidazole vaginal....	160	morphine sulfate.....	10,11
mesalamine w/ cleanser ...	116	MEVACOR.....	50	MORPHINE SULFATE.....	11
mesna.....	68	mexiletine hcl.....	22	morphine sulfate.....	11
MESNEX.....	68	MIACALCIN.....	109	MOTRIN INFANTS DROPS...	6
MESTINON.....	55	MICATIN.....	98	MOVANTIK.....	116
MESTINON TIMESPAN.....	55	miconazole nitrate (topical)	98	moxifloxacin hcl (ophth)...	140
METADATE CD.....	2	miconazole nitrate vaginal.....	160	MOZOBIL.....	121
METAMUCIL.....	123	MICRO-K.....	130	MS CONTIN.....	11
METAMUCIL ORIGINAL TEXTURE.....	123	MICROLIFE DIGITAL PEAK FLOW METER.....	127	MULTAQ.....	22
METAMUCIL SMOOTH TEXTURE FIBER SINGLES	123	MICROZIDE.....	109	MULTI PRENATAL.....	134
metaxalone.....	136	midodrine hcl.....	161	mupirocin.....	97
metformin hcl.....	38	miglitol.....	36	mupirocin calcium (topical)..	97
methadone hcl.....	10	miglustat.....	119	MURO 128.....	143
METHADOSE.....	10	MIGRANAL.....	127	MUSTARGEN.....	57
METHADOSE SUGAR- FREE.....	10	MILK OF MAGNESIA CONCENTRATE.....	124	MYALEPT.....	111
methamphetamine hcl.....	1	MINI WRIGHT AFS PEAK FLOWMETER LOW RANGE.....	127	MYAMBUTOL.....	56
methazolamide.....	108	MINI WRIGHT PEAK FLOW METER.....	127	MYCAMINE.....	45
methenamine hippurate....	157	MINIPRESS.....	53	MYCOBUTIN.....	56
methimazole.....	152	MINOCIN.....	152	mycophenolate mofetil.....	131
methocarbamol.....	136	minocycline hcl.....	152	mycophenolate mofetil hcl..	131
methotrexate sodium.....	58,59	minoxidil.....	55	mycophenolate sodium.....	131
methoxsalen rapid.....	99	MIRALAX.....	124	MYFORTIC.....	131
methscopolamine bromide..	154	MIRAPEX.....	70	MYLOTARG.....	60
methylcellulose (laxative) ..	123	MIRCETTE.....	89	MYRBETRIQ.....	158
methylergonovine maleate..	144	mirtazapine.....	31	MYSOLINE.....	28
methylphenidate hcl.....	2,3	MIRVASO.....	107	nabumetone.....	7
methylprednisolone.....	92	misoprostol.....	156	nadolol.....	83
methylprednisolone acetate.	92	mitomycin.....	63	nadolol & bendroflumethiazide.....	54
methylprednisolone sod succ.....	92	mitoxantrone hcl.....	63	nafcillin sodium.....	146
methyltestosterone.....	15	MOBIC.....	6	naftifine hcl.....	98
metoclopramide hcl.....	115	modafinil.....	3	NAFTIN.....	98
metolazone.....	109	MODICON.....	89	NAGLAZYME.....	111
metoprolol & hydrochlorothiazide.....	54	moexipril hcl.....	52	nalbuphine hcl.....	14
metoprolol succinate.....	83	moexipril-hydrochlorothiazide	54	naloxone hcl.....	43
metoprolol tartrate.....	83	54	naltrexone hcl.....	43
METOPROLOL TARTRATE.	83	mometasone furoate.....	104	NAMENDA.....	148
METROCREAM.....	106	MONISTAT 3.....	160	NAMENDA TITRATION PAK.....	148
METROGEL.....	106	MONISTAT 3 COMBINATION PACK.....	160	NAMENDA XR.....	148
METROGEL-VAGINAL.....	160			NAMENDA XR TITRATION PACK.....	148

naphazoline w/ pheniramine.....	141	NEXIUM.....	155,156	norethindrone & ethinyl estradiol- fe.....	89
NAPHCN-A.....	141	NEXIUM 24HR.....	155	norethindrone (contraceptive).....	91
NAPROSYN.....	7	NEXIUM 24HR CLEAR MINIS.....	155	norethindrone acet & eth estra.....	89
naproxen.....	7	NEXIUM I.V.....	156	norethindrone acetate.....	147
naproxen sodium.....	7	niacin.....	161	norethindrone acetate-ethinyl estradiol.....	113
naratriptan hcl.....	128	niacin (antihyperlipidemic).....	51	norethindrone-eth estradiol (triphasic).....	90
NARDIL.....	32	NIASPAN.....	51	norgestimate-ethinyl estradiol.....	90
NASACORT ALLERGY 24HR.....	137	nicardipine hcl.....	85	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic).....	90
NASACORT ALLERGY 24HR CHILDRENS.....	137	NICODERM CQ.....	150	norgestrel & ethinyl estradiol.....	90
NASAL DECONGESTANT.....	138	NICORETTE.....	150	NORINYL 1+35.....	90
NASALCROM.....	137	NICORETTE MINI.....	150	NORPACE.....	22
NAT-RUL PRENATAL VITAMINS.....	134	NICORETTE STARTER KIT.....	150	NORPRAMIN.....	35
NATACYN.....	140	nicotine.....	150	NORTEMP INFANTS.....	8
nateglinide.....	41	nicotine polacrilex.....	150	NORTHERA.....	161
NATPARA.....	109	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM.....	150	nortriptyline hcl.....	35
NAVELBINE.....	68	NICOTROL INHALER.....	151	NORVASC.....	85
NEBUPENT.....	17	NICOTROL NS.....	151	NORVIR.....	78
nefazodone hcl.....	33	nifedipine.....	85	NOVAREL.....	110
neomycin sulfate.....	3	NILANDRON.....	61	NOXAFIL.....	46
neomycin-bacitracin zn- polymyxin.....	140	nilutamide.....	62	NUCALA.....	22
neomycin-polymy- dexameth.....	141	nimodipine.....	85	NUDEXTA.....	150
neomycin-polymyxin-gramicidin	140	NINLARO.....	65	NULOJIX.....	132
neomycin-polymyxin-hc (otic).....	144	NIPENT.....	67	NULYTELY/FLAVOR PACKS.....	123
neomycin/polymyxin b gu.....	117	nisoldipine.....	85	NUPLAZID.....	72
NEORAL.....	132	NITRO-DUR.....	20	NUTROPIN AQ NUSPIN 20.....	110
NEOSPORIN.....	140	nitrofurantoin macrocrystal.....	157	NUVARING.....	90
NEOSPORIN GU IRRIGANT.....	117	nitrofurantoin monohyd macro.....	157	NYMALIZE.....	85
NEPTAZANE.....	108	nitroglycerin.....	20	nystatin.....	45
NERLYNX.....	65	NITROGLYCERIN LINGUAL.....	20	nystatin (mouth-throat).....	133
NESINA.....	38,39	NITROLINGUAL PUMPSPRAY.....	20	nystatin (topical).....	98
NESTABS.....	134	NITROSTAT.....	20	nystatin-triamcinolone.....	98
NEULASTA.....	120	NIX CREME RINSE.....	107	OCALIVA.....	114
NEULASTA ONPRO KIT.....	120	nizatidine.....	154	OCEAN NASAL SPRAY.....	137
NEUPOGEN.....	120	NIZORAL.....	98	OCREVUS.....	149
NEUPRO.....	70	NOR-QD.....	91	OCTAGAM.....	145
NEURONTIN.....	28	NORCO.....	13	octreotide acetate.....	112
NEVANAC.....	143	NORDITROPIN FLEXPRO.....	110	OCUFEN.....	143
nevirapine.....	78	norelgestromin-ethinyl estradiol.....	90	OCUFLOX.....	140
NEXAFED SINUS PRESSURE +PAIN.....	94	norethin acet & estrad-fe.....	89	ODEFSEY.....	78
NEXAVAR.....	65	norethindrone & eth estradiol.....	89	ODOMZO.....	60

ofloxacin (ophth).....	140	OTEZLA.....	7	peg 3350-potassium chloride-sod	
ofloxacin (otic).....	143	OTREXUP.....	4	bicarbonate-sod chloride... 124	
olanzapine.....	73	OVACE PLUS WASH....	100	PEG-INTRON REDIPEN....	81
olanzapine-fluoxetine hcl... 148		OVACE WASH.....	100	PEG-INTRON REDIPEN PAK	
olopatadine hcl.....	143	OVCON-35.....	90	4.....	81
olopatadine hcl (nasal)....	137	OVIDE.....	107	PEGANONE.....	30
OLUX.....	104	oxacillin sodium.....	146	PEGASYS.....	81
OLUX-E.....	104	oxaliplatin.....	57	PEGASYS PROCLICK.....	81
OMECLAMOX-PAK.....	156	OXANDRIN.....	14	PEGINTRON.....	81
omega-3-acid ethyl esters... 48		oxandrolone.....	14	penicillin g potassium.....	145
omeprazole.....	156	oxaprozin.....	7	penicillin v potassium.....	145
OMEPRAZOLE.....	156	oxazepam.....	21	PENLAC NAIL LACQUER... 98	
omeprazole-sodium		oxcarbazepine.....	28	PENTACEL.....	153
bicarbonate.....	157	OXSORALEN ULTRA....	99	PENTAM 300.....	17
OMNIPRED.....	142	oxybutynin chloride....	157	pentoxifylline.....	118
OMNITROPE.....	110	oxycodone hcl.....	11,12	PEPCID.....	154
ONCASPAR.....	66	oxycodone w/		PEPCID AC.....	154
ondansetron.....	43	acetaminophen.....	13	PEPCID AC MAXIMUM	
ondansetron hcl.....	43	oxycodone-aspirin....	13	STRENGTH.....	154
ONE A DAY WOMENS		oxymorphone hcl.....	12	PEPTO BISMOL.....	42
PRENATAL1.....	134	oyster shell.....	129	PEPTO-BISMOL.....	42
ONE-A-DAY WOMENS		paclitaxel.....	69	PEPTO-BISMOL	
PRENATAL.....	134	paliperidone.....	72	INSTACOOOL.....	42
ONFI.....	26	PAMELOR.....	35	PEPTO-BISMOL MAX	
ONGLYZA.....	39	PANCREAZE.....	107	STRENGTH.....	42
ONIVYDE.....	69	PANRETIN.....	99	PEPTO-BISMOL TO-GO... 42	
OPANA.....	11	pantoprazole sodium... 156		PERCOCET.....	13
OPDIVO.....	60	parenteral electrolytes... 129		PERIDEX.....	133
ophthalmic irrigation		paricalcitol.....	111	perindopril erbumine... 52	
solution.....	143	PARLODEL.....	70	PERJETA.....	60
OPSUMIT.....	86	PARNATE.....	32	permethrin.....	107
OPTIONS GYNOL II		PAROMOMYCIN sulfate... 3		perphenazine.....	74
VAGINALCONTRACEPTIVE		paroxetine hcl.....	33	perphenazine-amitriptyline 148	
.....	159	paroxetine mesylate		PERSANTINE.....	119
ORAP.....	150	(vasomotor).....	151	PERSONAL BEST FULL	
ORAPRED ODT.....	92	PATADAY.....	143	RANGE.....	127
ORBACTIV.....	17	PATANASE.....	137	PERSONAL BEST LOW	
ORENCIA.....	7	PAXIL.....	33	RANGE.....	127
ORENCIA CLICKJECT.....	7	PAXIL CR.....	33	PFIZERPEN.....	145
ORFADIN.....	111	PEAK AIR PEAK FLOW		phenelzine sulfate.....	32
ORKAMBI.....	151	METERADULT/PEDIATRIC		PHENERGAN.....	48
ORTHO MICRONOR.....	91	127	phenobarbital.....	121
ORTHO TRI-CYCLEN.....	90	PEDIAPRED.....	92	phenoxybenzamine hcl... 52	
ORTHO-CYCLEN.....	90	PEDIARIX.....	153	phentermine hcl.....	1
ORTHO-NOVUM 1/35.....	90	pediatric vitamins adc... 133		PHENYLHISTINE DH.....	94
ORTHO-NOVUM 7/7/7.....	90	PEDVAX HIB.....	158	PHENYTEK.....	30
oseltamivir phosphate.....	82	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod		phenytoin.....	30
OSENI.....	37	chloride-sod sulfate..... 124		phenytoin sodium.....	30
				phenytoin sodium extended. 30	

PHOSPHOLINE IODIDE	139	POTIGA	29	PRIFTIN	56
phytonadione	161	PRADAXA	26	PRILOSEC	156
PICATO	99	PRALUENT	51	PRILOSEC OTC	156
PIKO 1 ELECTRONIC	127	pramipexole dihydrochloride	70	PRIMAQUINE PHOSPHATE	55
pilocarpine hcl	139	PRANDIN	41	primaquine phosphate	55
pilocarpine hcl (oral)	133	prasugrel hcl	119	PRIMAXIN IV	18
pimozide	150	PRAVACHOL	50	primidone	29
pindolol	84	pravastatin sodium	50	PRINIVIL	52
pioglitazone hcl	39	prazosin hcl	53	PRISTIQ	34
pioglitazone hcl-glimepiride	37	PRECOSE	36	PRIVIGEN	145
pioglitazone hcl-metformin hcl	37	PRED FORTE	142	PROAIR HFA	24
piperacillin sodium-tazobactam sodium	146	prednicarbate	104	PROAIR RESPICLICK	24
piroxicam	7	prednisolone	92	probenecid	118
PLAN B ONE-STEP	90	prednisolone acetate (ophth)	142	PROCARDIA XL	85
PLAQUENIL	55	prednisolone sodium phosphate	92	prochlorperazine	74
PLAVIX	119	prednisone	92	prochlorperazine edisylate	74
PLEGRIDY	149	PREMARIN	114,160	prochlorperazine maleate	74
PLEGRIDY STARTER PACK	149	PREMESISRX	134	PROCRIT	120
PLEXION CLEANSER	96	PREMPHASE	113	PROCTOCORT	15
POCKET PEAK FLOW METER	127	PREMPRO	113	progesterone micronized	147
POCKETPEAK PEAK FLOW METER LOW RANGE	127	PRENATAL	135	PROGLYCEM	38
POCKETPEAK PEAK FLOW METER/UNIVERSAL RANGE 50- 720 LPM	127	PRENATAL FORMULA A- FREE	134	PROGRAF	132
podofilox	106	PRENATAL LOW IRON	134	PROLASTIN-C	151
polyethylene glycol 3350	124	PRENATAL MULTI + DHA	134	PROLEUKIN	67
polymyxin b sulfate	20	PRENATAL MULTIVITAMIN	134	PROLIA	109
polymyxin b-trimethoprim	140	PRENATAL MULTIVITAMIN + DHA	134	PROMACTA	120
polysaccharide iron complex	121	PRENATAL MULTIVITAMIN PLUS DHA	134	promethazine & phenylephrine	94
POLYSPORIN	97	PRENATAL ONE DAILY	134	promethazine hcl	48
POLYTRIM	140	PRENATAL VITAMIN	135	promethazine w/codeine	94
polyvinyl alcohol	139	PRENATAL VITAMIN & MINERAL	135	promethazine-dm	94
POMALYST	62	PRENATAL VITAMIN/IRON	135	promethazine-phenylephrine- codeine	94
PONSTEL	7	PRENATAL VITAMINS	135	PROMETRIUM	147
PORTRAZZA	60	PRENATE	135	propafenone hcl	22
potassium chloride	130	PRENATE AM	135	proparacaine hcl	141
POTASSIUM CHLORIDE ER	130	PREVACID	156	propranolol hcl	84
potassium chloride in dextrose & sodium chloride	130	PREVACID 24HR	156	propylthiouracil	152
potassium chloride microencapsulated crystals er	130	PREVPAC	157	PROQUAD	159
potassium citrate (alkalinizer)	117	PREVYMIS	80	PROSCAR	117
		PREZCOBIX	78	PROTONIX	156
		PREZISTA	78	PROTOPIC	105
				protriptyline hcl	35
				PROVENTIL HFA	24
				PROVERA	147
				PROVIGIL	3
				PROZAC	33

PROZAC WEEKLY	33	RASUVO	4	ribavirin (hepatitis c)	81
pseudoephedrine hcl	138	RAVICTI	112	riboflavin	161
psyllium	123	RAYALDEE	112	RID	107
PULMICORT	24	RAZADYNE	148	RIDAURA	4
PULMOZYME	151	RAZADYNE ER	148	rifabutin	56
PURIXAN	59	REBETOL	81	RIFADIN	56
PX CALAMINE	106	REBIF	150	rifampin	56
PX OMEPRAZOLE	156	REBIF REBIDOSE	149	RIFATER	56
PX PRENATAL		REBIF REBIDOSE		RIGHT STEP PRENATAL	135
MULTIVITAMINS	135	TITRATIONPACK	149	RILUTEK	138
pyrantel pamoate	16	REBIF TITRATION PACK	150	riluzole	138
pyrazinamide	56	RECLAST	109	rimantadine hydrochloride	82
pyrethrins-piperonyl		RECOMBIVAX HB	159	RISACAL-D	129
butoxide	107	RECTIV	15	RISPERDAL	73
PYRIDIDIUM	118	REGLAN	115	RISPERDAL CONSTA	72
pyridostigmine bromide	55,56	REGRANEX	107	RISPERDAL M-TAB	72
pyridoxine hcl	161	RELENZA DISKHALER	82	risperidone	73
QC CALAMINE	106	RELISTOR	116	RITALIN	3
QC PRENATAL	135	REMERON	31	RITALIN LA	3
QSYMIA	1	REMERON SOLTAB	31	ritonavir	78
QUADRACEL	153	REMICADE	116	RITUXAN	60
QUALAQUIN	55	REMODULIN	86	RITUXAN HYCELA	63
QUESTRAN	49	RENVELA	116	rivastigmine	148
QUESTRAN LIGHT	49	repaglinide	41	rivastigmine tartrate	148
quetiapine fumarate	74	REPAGLINIDE/METFORMIN		rizatriptan benzoate	128
quinapril hcl	52	HYDROCHLORIDE	37	ROBAXIN	136
quinapril-hydrochlorothiazide		REPATHA	51	ROBAXIN-750	136
	54	REPATHA PUSHTRONEX		ROBINUL	154
quinidine gluconate	22	SYSTEM	51	ROBINUL FORTE	154
quinidine sulfate	22	REPATHA SURECLICK	51	ROCALTROL	112
quinine sulfate	55	REPREXAIN	13	ROMIDEPSIN	65
QVAR	24	REQUIP	70	ropinirole hydrochloride	70
RA CALAMINE	106	REQUIP XL	70	rosuvastatin calcium	50
RA OMEPRAZOLE	156	RESCRIPTOR	78	ROTARIX	159
RA ONE DAILY	135	RESTASIS	141	ROTATEQ	159
RA OYSTER SHELL		RESTASIS MULTIDOSE	141	ROWASA	116
CALCIUM/VITAMIN D	129	RESTORIL	122	ROXICODONE	12
RA PRENATAL	135	RETIN-A	96	ROZEREM	123
RA PRENATAL		RETIN-A MICRO	96	RUBRACA	65
FORMULA/FOLICACID	135	RETIN-A MICRO PUMP	96	RUCONEST	118
RABAVERT	159	RETROVIR	78	RYDAPT	65
RADICAVA	138	RETROVIR IV INFUSION	78	RYMED	94
raloxifene hcl	110	REVATIO	86	RYTARY	71
ramipril	52	REVLIMID	131	RYTHMOL	22
RANEXA	20	REXULTI	75,76	RYTHMOL SR	22
ranitidine hcl	154,155	REYATAZ	78	SABRIL	30
RAPAMUNE	132	ribavirin	82		
rasagiline mesylate	71				

SALAGEN	133	SINGULAIR	23	STELARA	99,116
saline	137	sirolimus	132	STIOLTO RESPIMAT	24
SAMSCA	113	SIRTURO	56	STIVARGA	65
SANDIMMUNE	132	SIVEXTRO	19	STRATTERA	2
SANDOSTATIN	112	SKELAXIN	136	STRENSIQ	112
SANDOSTATIN LAR DEPOT	112	SLO-NIACIN	161	STRIBILD	79
SANTYL	105	SM CALAMINE	106	STRIVERDI RESPIMAT	25
SAPHRIS	74	SM OMEPRAZOLE	156	STROMECTOL	16
SB OMEPRAZOLE	156	SM ONE DAILY PRENATAL	135	STUART ONE	136
scopolamine	44	SM PRENATAL VITAMINS	135	SUBSYS	12
SEASONIQUE	90	sodium chloride	130	SUCRAID	107
SECTRAL	83	sodium chloride (gu irrigant)	117	sucrafate	155
selegiline hcl	71	sodium chloride (inhalant)	94	SUDAFED CHILDRENS	138
selenium sulfide	100	sodium chloride		SUDAFED CONGESTION	138
SELSUN BLUE	100	hypertonic	143	SUDAFED NASAL DECONGESTANT MAXIMUM STRENGTH	138
SELSUN BLUE DAILY	100	sodium phosphates (sodium phosphate dibasic & monobasic)	130	SULAR	85
SELSUN BLUE MEDICATED	100	sodium polystyrene sulfonate	132	sulfacetamide sod- prednisolone	142
MOISTURIZING	100	SOLARAZE	99	sulfacetamide sodium (acne)	96
SELZENTRY	79	SOLTAMOX	62	sulfacetamide sodium (ophth)	141
sennosides	124	SOLU-CORTEF	92	sulfadiazine	151
SENSIPAR	112	SOLU-MEDROL	93	sulfamethoxazole-trimethoprim	18
SEREVENT DISKUS	24	SOMA	136	SULFAMYLON	100
SEROQUEL	74	SOMATULINE DEPOT	113	sulfasalazine	116
SEROSTIM	110	SOMAVERT	110	sulindac	7
sertraline hcl	33	SONATA	122	sumatriptan succinate	128
sevelamer carbonate	117	SORIATANE	99	sumatriptan-naproxen sodium	127
SHINGRIX	159	sotalol hcl	84	SUPRAX	88
SIGNIFOR	113	sotalol hcl (afib/afI)	84	SUPREP BOWEL PREP KIT	124
SIGNIFOR LAR	112,113	Sotalol Hcl IV Soln	84	SURMONTIL	35
sildenafil citrate (pulmonary hypertension)	86	SOTYLIZE	84	SUSTIVA	79
SILENOR	122	SOVALDI	81	SUTENT	65
SILIQ	99	SPIRIVA HANDIHALER	23	SW OMEPRAZOLE	156
SILPHEN COUGH	47	SPIRIVA RESPIMAT	23	SYLATRON	67
SILVADENE	100	spironolactone	108	SYMBYAX	148
silver sulfadiazine	100	spironolactone & hydrochlorothiazide	108	SYMFI	79
simethicone	114	SPORANOX	46	SYMFI LO	79
SIMILAC PRENATAL EARLY SHIELD	135	SPORANOX PULSEPAK	46	SYMLINPEN 120	36
SIMPONI	4	SPRITAM	29	SYMLINPEN 60	36
SIMPONI ARIA	4	SPRYCEL	65	SYNAGIS	145
SIMULECT	132	STAMARIL	159	SYNALAR	104
simvastatin	50	STARLIX	41	SYNAREL	111
SINEMET	71	stavudine	79	SYNDROS	44
SINEMET CR	71				

SYNERCID	20	TERAZOL 7	160	TOBI	3
SYNJARDY	37	terazosin hcl	53	TOBI PODHALER	3
SYNJARDY XR	37	terbinafine hcl	45	TOBRADEX	142
SYNRIBO	67	terbinafine hcl (topical)	98	tobramycin	4
SYNTHROID	153	terbutaline sulfate	25	tobramycin (ophth)	141
SYPRINE	131	terconazole vaginal	160	tobramycin sulfate	4
TABLOID	59	TESSALON PERLES	93	tobramycin- dexamethasone	142
tacrolimus	132	TESTIM	15	TOBREX	141
tacrolimus (topical)	105	TESTOSTERONE	15	TOFRANIL	35
TAFINLAR	65	testosterone	15	tolazamide	42
TAGAMET HB	155	testosterone cypionate	15	tolbutamide	42
TAGRISSE	65	testosterone enanthate	15	tolcapone	70
TALTZ	99	TESTOSTERONE PUMP	15	tolmetin sodium	7
TAMIFLU	82	TETANUS/DIPHThERIA		tolnaftate	98
tamoxifen citrate	62	TOXOIDS-ADSORBED	153	tolterodine tartrate	157
tamsulosin hcl	118	tetrabenazine	149	TOPAMAX	29
TAPAZOLE	152	tetracycline hcl	152	TOPAMAX SPRINKLE	29
TAPERDEX 6-DAY	93	TETRACYCLINE HCL	152	TOPICORT	104
TARCEVA	66	TGT OMEPRAZOLE	156	topiramate	29
TARGRETIN	67,99	THALOMID	131	topotecan hcl	69
TASIGNA	66	theophylline	25	TOPOTECAN HCL	69
TASMAR	70	THERANATAL COMPLETE	136	topotecan hcl	69
TAXOL	69	thiamine hcl	161	TOPROL XL	83
TAXOTERE	69	thioridazine hcl	74	TORISEL	66
tazarotene	100	thiotepa	58	torsemide	108
TAZORAC	100	thiothixene	76	TOTECT	68
TECENTRIQ	60	THYMOGLOBULIN	132	TOUJEO MAX SOLOSTAR	40
TECFIDERA	150	tiagabine hcl	30	TOUJEO SOLOSTAR	40
TECFIDERA STARTER PACK	150	TIAZAC	85	TRACLEER	86
TEFLARO	89	TICE BCG	67	TRADJENTA	39
TEGRETOL	29	TIGAN	44	tramadol hcl	12
TEGRETOL-XR	29	tigecycline	18	tramadol-acetaminophen	13
TEKTURNA	54	TIGECYCLINE	18	trandolapril	52
TEKTURNA HCT	54	TIKOSYN	22	tranexamic acid	121
temazepam	122	timolol maleate (ophth)	139	TRANSDERM-SCOP	44
TEMODAR	58	TIMOLOL MALEATE OPHTHALMIC GEL		TRANXENE T	21
TEMOVATE	104	FORMING	139	tranylcypropramine sulfate	32
TEMOVATE E	104	TIMOPTIC	139	TRAVATAN Z	143
TENEX	53	TIMOPTIC-XE	139	trazodone hcl	33
TENIVAC	153	TINACTIN	98	TREANDA	58
tenofovir disoproxil fumarate	79	TINACTIN JOCK ITCH	98	TRECTOR	56
TENORETIC 100	54	TINDAMAX	17	TRELEGY ELLIPTA	25
TENORETIC 50	54	tinidazole	17	TRELSTAR	62
TENORMIN	83	tioconazole vaginal	160	TRELSTAR MIXJECT	62
TERAZOL 3	160	TIVICAY	79	TREMFYA	100
		tizanidine hcl	136		

TRESIBA FLEXTOUCH	40,41	TUMS LASTING EFFECTS	16	VALIUM	21
tretinoin	96	TUMS SMOOTHIES	16	valproate sodium	31
tretinoin (chemotherapy)	67	TUSSIONEX PENNKINETIC EXTENDED RELEASE	94	valproic acid	31
tretinoin microsphere	96	TWINRIX	159	valsartan	53
TREXIMET	127	TYBOST	79	valsartan-hydrochlorothiazide	54
TRI-VI-SOL	133	TYGACIL	18	VALSTAR	63
triamcinolone acetonide	93	TYKERB	66	VALTREX	82
triamcinolone acetonide (mouth)	133	TYLENOL CHILDRENS	8	VANCOCCIN HCL	17
triamcinolone acetonide (nasal)	137	TYLENOL CHILDRENS CHEWABLES/PAIN + FEVER	8	vancomycin hcl	17
triamcinolone acetonide (topical)	105	TYLENOL INFANTS	8	VANCOMYCIN HCL IN DEXTROSE	17
triamterene & hydrochlorothiazide	108	TYLENOL INFANTS PAIN+FEVER	8	VANTAS	62
TRIAZOLAM	122	TYLENOL/CODEINE #3	14	VAQTA	159
triazolam	122	TYLENOL/CODEINE #4	14	VARIVAX	159
TRICOR	49	TYMLOS	110	VARIZIG	145
TRIDESILON	105	TYPHIM VI	158	VARUBI	44
trientine hcl	131	TYSABRI	150	VASCEPA	48
trifluoperazine hcl	75	TYVASO	86	VASERETIC	54
trifluridine	141	TYVASO REFILL	86	VASOTEC	52
TRIGLIDE	49	TYVASO STARTER	86	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FOAM	159
trihexyphenidyl hcl	69	UCERIS	15	VECTIBIX	60
TRILEPTAL	29	ULTRACET	14	VELCADE	66
TRILIPIX	49	ULTRAM	12	VELTASSA	132
trimethoprim	17	ULTRAM ER	12	VEMLIDY	81
trimipramine maleate	35	ULTRAVATE	105	VENCLEXTA	60
TRINTELLIX	33	UNASYN	146	VENCLEXTA STARTING PACK	60
triprolidine & pseudoephedrine	94	UNASYN BULK PACK	146	venlafaxine hcl	34,35
TRIPTODUR	111	UPTRAVI	86	VENLAFAXINE HCL ER	34
TRISENOX	67	URECHOLINE	158	VENTAVIS	86
TRIUMEQ	79	UROCIT-K 10	117	verapamil hcl	85
TRIZIVIR	79	UROCIT-K 5	117	VERELAN	85
TROGARZO	79	UROXATRAL	118	VERELAN PM	85
tropium chloride	158	URSO 250	115	VERSACLOZ	74
TRUMENBA	158	URSO FORTE	115	VERZENIO	66
TRUSOPT	143	ursodiol	115	VFEND	46
TRUVADA	79	UTIBRON NEOHALER	25	VFEND IV	46
TRUZONE PEAK FLOW METER	127	UTOPIC	105	VIBERZI	116
TUDORZA PRESSAIR	23	UVADEX	67	VIBRAMYCIN	152
TUMS	16	VABOMERE	18	VICTOZA	39
TUMS CHEWY BITES	16	VAGISTAT-1	160	VIDAZA	59
TUMS E-X 750	16	valacyclovir hcl	82	VIDEX EC	79
TUMS EXTRA STRENGTH 750	16	VALCHLOR	99	VIDEXPEDIATRIC	79
TUMS KIDS	16	VALCYTE	80	vigabatrin	30
		valganciclovir hcl	80	VIGAMOX	141
				VIIBRYD	34

VIIBRYD STARTER PACK	34	XIFAXAN	17	ZINACEF	88
VIMIZIM	112	XODOL	14	ZINECARD	68
VIMPAT	29	XOLAIR	22	ZINPLAVA	145
vinblastine sulfate	69	XOPENEX	25	ziprasidone hcl	72
vincristine sulfate	69	XOPENEX CONCENTRATE	25	ZIRGAN	141
vinorelbine tartrate	69	XTANDI	62	ZITHROMAX	125
VIRACEPT	79	XURIDEN	112	ZITHROMAX TRI-PAK	125
VIRAMUNE	79,80	XYLOCAINE	106,125	ZITHROMAX Z-PAK	125
VIRAMUNE XR	80	XYLOCAINE-MPF	125	ZOCOR	50
VIRASAL	106	XYREM	147	ZODEX 6-DAY	93
VIRAZOLE	82	XYZAL	48	ZOFRAN	43
VIREAD	80	XYZAL ALLERGY 24HR	48	ZOFRAN ODT	43
VIROPTIC	141	YASMIN 28	90	ZOHYDRO ER	12,13
VIRT-PN DHA	136	YAZ	90	ZOLADEX	62
VISTARIL	21	YERVOY	60	zoledronic acid	110
VISTOGARD	43	YF-VAX	159	ZOLINZA	66
vitamin a	161	YONDELIS	58	zolmitriptan	128
vitamin e	161	ZADITOR	143	ZOLOFT	33
VOGELXO	15	zafirlukast	23	zolpidem tartrate	122
VOGELXO PUMP	15	zaleplon	122	ZOMACTON	110
VOLTAREN	96	ZALTRAP	59	ZOMETA	110
voriconazole	46	ZANAFLEX	136,137	ZOMIG	128
VOSEVI	81	ZANOSAR	58	ZOMIG ZMT	128
VOTRIENT	66	ZANTAC	155	ZONEGRAN	29
VPRIV	119	ZANTAC 150 MAXIMUM STRENGTH	155	zonisamide	29
VRAYLAR	72	ZANTAC 75	155	ZONTIVITY	119
VYXEOS	63	ZARONTIN	31	ZORTRESS	132
warfarin sodium	25	ZARXIO	121	ZOSTAVAX	159
water for irrigation, sterile	132	ZATEAN-PN DHA	136	ZOSYN	146
WELCHOL	49	ZAVESCA	119	ZOVIRAX	82,100
WELLBUTRIN SR	32	ZEBETA	83	ZYBAN	151
WELLBUTRIN XL	32	ZEGERID	157	ZYCLARA	105
WESTCORT	105	ZEGERID OTC	157	ZYCLARA PUMP	105
XALATAN	143	ZEJULA	66	ZYDELIG	66
XALKORI	66	ZELBORAF	66	ZYKADIA	66
XANAX	21	ZEMAIRA	151	ZYLOPRIM	118
XANAX XR	21	ZEMPLAR	112	ZYMAXID	141
XARELTO	25	ZEPATIER	81	ZYPREXA	74
XARELTO STARTER PACK	25	ZERIT	80	ZYPREXA RELPREVV	74
XATMEP	59	ZESTORETIC	54	ZYPREXA ZYDIS	74
XELJANZ	4	ZESTRIL	52	ZYRTEC ALLERGY	48
XENAZINE	149	ZETIA	50	ZYRTEC CHILDRENS ALLERGY	48
XENICAL	1	ZIAC	54	ZYRTEC-D	
XEOMIN	138	ZIAGEN	80	ALLERGY/CONGESTION	94
XERMELO	117	zidovudine	80	ZYTIGA	62
XGEVA	110			ZYVOX	20

Nếu quý vị có điều gì thắc mắc, vui lòng gọi Health Net Cal MediConnect theo số 1-855-464-3571 trong Los Angeles County hoặc số 1-855-464-3572 trong San Diego County (TTY: 711) từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, thứ Hai đến thứ Sáu. Sau giờ làm việc, vào cuối tuần và các ngày lễ, quý vị có thể để lại tin nhắn. Chúng tôi sẽ gọi lại cho quý vị vào ngày làm việc tiếp theo. Cuộc gọi này miễn phí. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web www.healthnet.com/calmediconnect.

Health Net Community Solutions, Inc. là công ty chi nhánh của Health Net, Inc. Health Net là nhãn hiệu dịch vụ đã đăng ký của Health Net, Inc. Mọi quyền được bảo lưu.

DIR021729VN00 (07/18)